

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG**



**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ  
KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN  
CÔNG NGHỆ TRUNG TÍN**

**Giáo viên hướng dẫn : ThS. Phạm Minh Phương**

**Sinh viên thực hiện : Trần Bảo Trâm**

**MSSV : 2254010035**

**Khóa học : 2022-2026**

**Lớp : 22KH1**

**Đà Nẵng, tháng 06 năm 2026**

**NHIỆM VỤ KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**Họ và tên sinh viên:** Trần Bảo Trâm

**MSSV:** 2254010035

**Lớp:** 22KH1

**Khóa:** 2022-2026

**Ngành:** Kế Toán

**1. Tên đề tài:** Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH đầu tư phát triển công nghệ Trung Tín

**2. Nội dung:**

- **Nội dung:**

**Chương 1:** Cơ sở lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp

**Chương 2:** Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH đầu tư phát triển công nghệ Trung Tín

**Chương 3:** Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH đầu tư phát triển công nghệ Trung Tín

- **Mục tiêu:** Qua việc nghiên cứu để làm rõ một số vấn đề cơ sở lý luận về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Nghiên cứu và phân tích thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH đầu tư phát triển công nghệ Trung Tín. Trên cơ sở đó đưa ra các đề xuất, giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH đầu tư phát triển công nghệ Trung Tín.

- **Phương pháp thực hiện:** Phương pháp nghiên cứu tham khảo tài liệu, phương pháp quan sát, phương pháp thu thập và xử lý số liệu.

**3. Ngày giao khóa luận:** 02/03/2026

**4. Ngày hoàn thành khóa luận:** 01/06/2026

**5. Giảng viên hướng dẫn:** Th.S Phạm Minh Phương

Nội dung và yêu cầu Khóa luận tốt nghiệp đã được thông qua bộ môn.

Đà Nẵng, ngày 01 tháng 06 năm 2025

**Trưởng bộ môn**  
(ký ghi rõ họ tên)

**Giảng viên hướng dẫn**  
(ký ghi rõ họ tên)

**Sinh viên thực hiện**  
(ký ghi rõ họ tên)

## MỤC LỤC

|                                                                                                                                       |           |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH .....</b> | <b>1</b>  |
| <b>1.1. Khái quát chung về doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh .....</b>                  | <b>1</b>  |
| <b>1.1.1. Khái niệm về doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh .....</b>                      | <b>1</b>  |
| 1.1.1.1. Khái niệm về doanh thu và các khoản giảm trừ doanh thu .....                                                                 | 1         |
| 1.1.1.2. Khái niệm về chi phí.....                                                                                                    | 1         |
| 1.1.1.3. Kết quả hoạt động kinh doanh .....                                                                                           | 1         |
| <b>1.1.2. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh .....</b>                                            | <b>2</b>  |
| <b>1.1.3. Ý nghĩa công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh .....</b>                                        | <b>3</b>  |
| <b>1.2. Kế toán hoạt động bán hàng, cung cấp dịch vụ.....</b>                                                                         | <b>3</b>  |
| <b>1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu.....</b>                                       | <b>3</b>  |
| 1.2.1.1. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu .....                                                                                          | 3         |
| 1.2.1.2. Điều kiện ghi nhận doanh thu .....                                                                                           | 3         |
| 1.2.1.3. Các phương thức bán hàng và thanh toán.....                                                                                  | 4         |
| 1.2.1.4. Chứng từ, tài khoản sử dụng.....                                                                                             | 5         |
| 1.2.1.5. Phương pháp hạch toán.....                                                                                                   | 7         |
| <b>1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán .....</b>                                                                                          | <b>10</b> |
| 1.2.2.1. Khái niệm .....                                                                                                              | 10        |
| 1.2.2.2. Phương pháp xác định giá vốn hàng bán .....                                                                                  | 10        |
| 1.2.2.3. Chứng từ sử dụng.....                                                                                                        | 11        |
| 1.2.2.4. Tài khoản sử dụng.....                                                                                                       | 12        |
| 1.2.2.5. Phương pháp hạch toán .....                                                                                                  | 13        |
| <b>1.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh .....</b>                                                                                | <b>14</b> |
| 1.2.3.1. Nội dung chi phí quản lý kinh doanh .....                                                                                    | 14        |
| 1.2.3.2. Chứng từ sử dụng.....                                                                                                        | 15        |
| 1.2.3.3. Tài khoản sử dụng.....                                                                                                       | 15        |
| 1.2.3.4. Phương pháp hạch toán .....                                                                                                  | 16        |
| <b>1.3. Kế toán hoạt động tài chính .....</b>                                                                                         | <b>17</b> |
| <b>1.3.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.....</b>                                                                              | <b>17</b> |

|                                                                                                                                                    |    |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| 1.3.1.1. Khái niệm .....                                                                                                                           | 17 |
| 1.3.1.2. Chứng từ sử dụng.....                                                                                                                     | 17 |
| 1.3.1.3. Tài khoản sử dụng .....                                                                                                                   | 17 |
| 1.3.1.4. Phương pháp hạch toán .....                                                                                                               | 18 |
| <b>1.3.2. Kế toán chi phí tài chính</b> .....                                                                                                      | 19 |
| 1.3.2.1. Khái niệm .....                                                                                                                           | 19 |
| 1.3.2.2. Chứng từ sử dụng.....                                                                                                                     | 19 |
| 1.3.2.3. Tài khoản sử dụng .....                                                                                                                   | 19 |
| 1.3.2.4. Phương pháp hạch toán .....                                                                                                               | 20 |
| <b>1.4. Kế toán hoạt động khác</b> .....                                                                                                           | 20 |
| <b>1.4.1. Kế toán thu nhập khác</b> .....                                                                                                          | 20 |
| 1.4.1.1. Khái niệm .....                                                                                                                           | 20 |
| 1.4.1.2. Chứng từ sử dụng.....                                                                                                                     | 21 |
| 1.4.1.3. Tài khoản sử dụng .....                                                                                                                   | 21 |
| 1.4.1.4. Phương pháp hạch toán .....                                                                                                               | 22 |
| <b>1.4.2. Kế toán chi phí khác</b> .....                                                                                                           | 22 |
| 1.4.2.1. Khái niệm .....                                                                                                                           | 22 |
| 1.4.2.2. Chứng từ sử dụng.....                                                                                                                     | 23 |
| 1.4.2.3. Tài khoản sử dụng .....                                                                                                                   | 23 |
| 1.4.2.4. Phương pháp hạch toán .....                                                                                                               | 24 |
| <b>1.5. Kế toán xác định kết quả kinh doanh</b> .....                                                                                              | 24 |
| <b>1.5.1. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b> .....                                                                                     | 24 |
| 1.5.1.1. Khái niệm .....                                                                                                                           | 24 |
| 1.5.1.2. Chứng từ sử dụng.....                                                                                                                     | 25 |
| 1.5.1.3. Tài khoản sử dụng .....                                                                                                                   | 26 |
| 1.5.1.4. Phương pháp hạch toán .....                                                                                                               | 26 |
| <b>1.5.2. Kế toán xác định kết quả kinh doanh</b> .....                                                                                            | 27 |
| 1.5.2.1. Khái niệm .....                                                                                                                           | 27 |
| 1.5.2.2. Phương pháp xác định kết quả kinh doanh.....                                                                                              | 27 |
| 1.5.2.3. Tài khoản sử dụng .....                                                                                                                   | 27 |
| 1.5.2.4. Phương pháp hạch toán .....                                                                                                               | 28 |
| <b>CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TRUNG TÍN</b> ..... | 29 |
| <b>2.1. Tổng quan về Công ty TNHH đầu tư phát triển công nghệ Trung Tín</b> ..                                                                     | 29 |

|                                                                                                                                                  |           |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>2.1.1. Giới thiệu chung về Công ty TNHH đầu tư phát triển công nghệ Trung Tín .....</b>                                                       | <b>29</b> |
| <b>2.1.2. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH đầu tư phát triển công nghệ Trung Tín .....</b>                                    | <b>29</b> |
| <b>2.1.3. Đặc điểm, chức năng, nhiệm vụ của Công ty TNHH đầu tư phát triển công nghệ Trung Tín .....</b>                                         | <b>29</b> |
| 2.1.3.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh của công ty.....                                                                                          | 29        |
| 2.1.3.2. Chức năng .....                                                                                                                         | 30        |
| 2.1.3.3. Nhiệm vụ.....                                                                                                                           | 30        |
| <b>2.1.4. Tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty TNHH đầu tư phát triển công nghệ Trung Tín.....</b>                                                 | <b>30</b> |
| 2.1.4.1. Khát quát bộ máy quản lý tại công ty .....                                                                                              | 30        |
| 2.1.4.2. Chức năng, nhiệm vụ của các bộ phận .....                                                                                               | 31        |
| <b>2.1.5. Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty TNHH đầu tư phát triển công nghệ Trung Tín.....</b>                                                 | <b>32</b> |
| 2.1.5.1. Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty .....                                                                                                | 32        |
| 2.1.5.2. Chức năng, nhiệm vụ từng bộ phận .....                                                                                                  | 32        |
| <b>2.1.6. Hình thức ghi sổ kế toán.....</b>                                                                                                      | <b>33</b> |
| <b>2.1.7. Chế độ, chính sách kế toán.....</b>                                                                                                    | <b>34</b> |
| <b>2.2. Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH đầu tư phát triển công nghệ Trung Tín .....</b>    | <b>35</b> |
| <b>2.2.1. Kế toán hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ .....</b>                                                                               | <b>35</b> |
| 2.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu ở Công ty TNHH đầu tư phát triển công nghệ Trung Tín ..... | 35        |
| a, Nội dung doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....                                                                                          | 35        |
| b, Chứng từ sử dụng.....                                                                                                                         | 36        |
| c, Tài khoản sử dụng .....                                                                                                                       | 36        |
| d, Sổ sách sử dụng.....                                                                                                                          | 36        |
| e, Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH đầu tư phát triển công nghệ Trung Tín .....                                   | 37        |
| 2.2.1.2. Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH đầu tư phát triển công nghệ Trung Tín.....                                                    | 43        |
| a, Nội dung giá vốn hàng bán tại Công ty .....                                                                                                   | 43        |
| b, Phương pháp xác định giá vốn hàng bán .....                                                                                                   | 44        |
| c, Chứng từ sử dụng .....                                                                                                                        | 44        |
| e, Sổ sách sử dụng.....                                                                                                                          | 44        |

|                                                           |           |
|-----------------------------------------------------------|-----------|
| f, Trình tự ghi sổ.....                                   | 44        |
| 2.2.1.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh .....         | 50        |
| a, Nội dung chi phí quản lý kinh doanh .....              | 50        |
| b, Tài khoản sử dụng .....                                | 50        |
| c, Chứng từ và sổ sách sử dụng .....                      | 50        |
| d, Chi tiết từng loại chi phí .....                       | 50        |
| e, Quy trình ghi sổ kế toán .....                         | 50        |
| <b>2.2.2. Kế toán hoạt động tài chính.....</b>            | <b>62</b> |
| 2.2.2.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.....       | 62        |
| a, Nội dung doanh thu hoạt động tài chính.....            | 62        |
| b, Chứng từ sử dụng.....                                  | 62        |
| c, Tài khoản sử dụng .....                                | 62        |
| d, Sổ sách kế toán sử dụng .....                          | 62        |
| e, Trình tự ghi sổ .....                                  | 62        |
| 2.2.2.2. Kế toán chi phí tài chính .....                  | 67        |
| a, Nội dung chi phí tài chính.....                        | 67        |
| b, Chứng từ sử dụng.....                                  | 67        |
| c, Tài khoản sử dụng .....                                | 67        |
| d, Sổ sách sử dụng.....                                   | 67        |
| e, Trình tự ghi sổ .....                                  | 67        |
| <b>2.2.3. Kế toán hoạt động khác .....</b>                | <b>72</b> |
| 2.2.3.1. Kế toán thu nhập khác .....                      | 72        |
| a, Nội dung kế toán thu nhập khác.....                    | 72        |
| b, Chứng từ sử dụng.....                                  | 72        |
| c, Tài khoản sử dụng .....                                | 72        |
| d, Sổ sách sử dụng.....                                   | 72        |
| e, Trình tự ghi sổ .....                                  | 73        |
| 2.2.3.2. Kế toán chi phí khác.....                        | 77        |
| a, Nội dung chi phí khác .....                            | 77        |
| b, Chứng từ sử dụng.....                                  | 77        |
| c, Tài khoản sử dụng .....                                | 77        |
| d, Sổ sách sử dụng.....                                   | 77        |
| e, Trình tự ghi sổ .....                                  | 78        |
| <b>2.2.4. Kế toán xác định kết quả kinh doanh .....</b>   | <b>82</b> |
| 2.2.4.1. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ..... | 82        |
| a, Nội dung chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp .....      | 82        |

|                                                                                                                                                                              |    |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| <i>b, Chứng từ và sổ sách sử dụng .....</i>                                                                                                                                  | 82 |
| <i>c, Quy trình ghi sổ .....</i>                                                                                                                                             | 82 |
| 2.2.4.2. <i>Kế toán xác định kết quả kinh doanh .....</i>                                                                                                                    | 90 |
| <b>CHƯƠNG 3: HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TRUNG TÍN.....</b>                   | 95 |
| <b>3.1. Nhận xét chung về công tác kế toán tại Công ty TNHH đầu tư phát triển công nghệ Trung Tín.....</b>                                                                   | 95 |
| 3.1.1. <i>Ưu điểm .....</i>                                                                                                                                                  | 95 |
| 3.1.2. <i>Nhược điểm .....</i>                                                                                                                                               | 96 |
| <b>3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công Ty TNHH đầu tư phát triển công nghệ Trung Tín .....</b> | 97 |

## DANH MỤC VIẾT TẮT

|        |                           |
|--------|---------------------------|
| TSCĐ   | Tài sản cố định           |
| GTGT   | Giá trị gia tăng          |
| TTĐB   | Tiêu thụ đặc biệt         |
| XK     | Xuất khẩu                 |
| BVMT   | Bảo vệ môi trường         |
| BH     | Bán hàng                  |
| CCDV   | Cung cấp dịch vụ          |
| SXC    | Sản xuất chung            |
| BDSĐT  | Bất động sản đầu tư       |
| HĐKT   | Hợp đồng kinh tế          |
| HMLK   | Hao mòn lũy kế            |
| CCDC   | Công cụ dụng cụ           |
| BHXH   | Bảo hiểm xã hội           |
| BHYT   | Bảo hiểm y tế             |
| BHTN   | Bảo hiểm thất nghiệp      |
| BHTNLD | Bảo hiểm tai nạn lao động |
| KC     | Kết chuyển                |
| TK     | Tài khoản                 |
| TNDN   | Thu nhập doanh nghiệp     |
| VAT    | Thuế GTGT                 |
| TNHH   | Trách nhiệm hữu hạn       |
| BCTC   | Báo cáo tài chính         |
| LNKT   | Lợi nhuận kế toán         |

## **DANH MỤC SƠ ĐỒ, QUY TRÌNH**

|                                                                                         |    |
|-----------------------------------------------------------------------------------------|----|
| Sơ đồ 1.1. Sơ đồ trình tự kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ .....          | 7  |
| Sơ đồ 1.2. Sơ đồ hạch toán bán hàng thông qua đại lý tại đơn vị giao hàng đại lý ....   | 8  |
| Sơ đồ 1.3. Sơ đồ hạch toán bán hàng thông qua đại lý tại đơn vị nhận làm đại lý .....   | 8  |
| Sơ đồ 1.4. Sơ đồ hạch toán doanh thu thu được từ bán hàng trả chậm trả góp .....        | 9  |
| Sơ đồ 1.5. Sơ đồ hạch toán kế toán các khoản giảm trừ doanh thu .....                   | 9  |
| Sơ đồ 1.6. Sơ đồ hạch toán các chi phí liên quan .....                                  | 9  |
| Sơ đồ 1.7. Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên ..... | 13 |
| Sơ đồ 1.8. Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ ..         | 14 |
| Sơ đồ 1.9. Sơ đồ trình tự kế toán chi phí quản lý kinh doanh.....                       | 16 |
| Sơ đồ 1.10. Sơ đồ trình tự kế toán hoạt động tài chính.....                             | 18 |
| Sơ đồ 1.11. Sơ đồ trình tự kế toán chi phí tài chính.....                               | 20 |
| Sơ đồ 1.12. Sơ đồ trình tự kế toán thu nhập khác .....                                  | 22 |
| Sơ đồ 1.13. Sơ đồ trình tự kế toán chi phí khác .....                                   | 24 |
| Sơ đồ 1.14. Sơ đồ trình tự kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp .....             | 26 |
| Sơ đồ 1.15. Sơ đồ trình tự kế toán xác định kết quả kinh doanh .....                    | 28 |
| Sơ đồ 2.1. Quy trình luân chuyển hàng hóa .....                                         | 29 |
| Sơ đồ 2.2. Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý tại công ty .....                               | 31 |
| Sơ đồ 2.3. Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán.....                                            | 32 |
| Sơ đồ 2.4. Sơ đồ hình thức ghi sổ kế toán .....                                         | 33 |
| Sơ đồ 2.5. Sơ đồ ghi sổ kế toán bằng Excel.....                                         | 34 |

## DANH MỤC BẢNG VÀ HÌNH ẢNH

|                                                                           |    |
|---------------------------------------------------------------------------|----|
| Hình 2.1. Hóa đơn 501 ngày 04 tháng 12 năm 2025 .....                     | 38 |
| Hình 2.2. Hóa đơn 47 ngày 12 tháng 12 năm 2025 .....                      | 39 |
| Hình 2.3. Phiếu thu tiền theo HĐ 47 ngày 12 tháng 12 năm 2025 .....       | 40 |
| Hình 2.4. Phiếu xuất kho hóa đơn 501 .....                                | 45 |
| Hình 2.5. Phiếu xuất kho hóa đơn 47 .....                                 | 46 |
| Hình 2.6. Hóa đơn GTGT số 15740 ngày 30 tháng 03 năm 2025 .....           | 51 |
| Hình 2.7. Phiếu chi trả tiền phí dịch vụ theo HĐ 15740.....               | 52 |
| Hình 2.8. Bảng chấm công tháng 12 .....                                   | 52 |
| Hình 2.9. Bảng lương tháng 12 .....                                       | 53 |
| Hình 2.10. Hóa đơn GTGT số 995613 ngày 13 tháng 12 năm 2025 .....         | 57 |
| Hình 2.11. Phiếu chi trả tiền mua Dầu Đêzen theo HĐ 995613 .....          | 57 |
| Hình 2.12. Bảng chi tiết phân bổ công cụ dụng cụ .....                    | 58 |
| Hình 2.13. Giấy báo Có tiền lãi ngân hàng ngày 30 tháng 09 năm 2025 ..... | 63 |
| Hình 2.14. Giấy báo Nợ thanh toán lãi ngày 30/10/2025 .....               | 68 |
| Hình 2.15. Giấy báo Có thu tiền khách hàng ngày 24/01/2025 .....          | 73 |
| Hình 2.16. Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước ngày 02/07/2025 .....     | 78 |
| Hình 2.17. Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp .....            | 85 |
| Hình 2.18. Phụ lục báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025 .....    | 94 |

## LỜI CẢM ƠN

Khóa luận tốt nghiệp với đề tài “Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH đầu tư phát triển công nghệ Trung Tín” là kết quả của cả một quá trình học tập, rèn luyện và nghiên cứu nghiêm túc trong suốt thời gian theo học tại Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng. Để hoàn thành đề tài này, em đã nhận được rất nhiều sự giúp đỡ quý báu từ các thầy cô, doanh nghiệp, gia đình và bạn bè.

Trước hết, em xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến Cô Phạm Minh Phương – giảng viên hướng dẫn, người đã luôn tận tình chỉ dẫn, định hướng nội dung và hỗ trợ em trong suốt quá trình thực hiện khóa luận. Những góp ý sâu sắc, sự kiên nhẫn và giúp đỡ của cô chính là yếu tố then chốt giúp em hoàn thành tốt đề tài này.

Em xin chân thành cảm ơn quý thầy cô khoa Kế toán – Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng, những người đã truyền đạt cho em không chỉ kiến thức chuyên môn mà còn là những bài học quý giá về tư duy nghề nghiệp và đạo đức trong công việc.

Bên cạnh đó, em xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Ban lãnh đạo và các anh/chị tại phòng Kế toán – Công ty TNHH đầu tư phát triển công nghệ Trung Tín, những người đã nhiệt tình hỗ trợ, cung cấp thông tin thực tế và tạo điều kiện thuận lợi để em hoàn thiện tốt nội dung khóa luận.

Cuối cùng, em xin cảm ơn gia đình và bạn bè thân yêu, những người luôn đồng hành, động viên và tiếp thêm sức mạnh tinh thần để em vượt qua những khó khăn trong suốt quá trình học tập và nghiên cứu.

Dù đã nỗ lực hết mình để hoàn thành đề tài với tinh thần nghiêm túc và trách nhiệm cao, nhưng do hạn chế về kinh nghiệm và thời gian, bài báo cáo không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự góp ý từ quý thầy cô để bài khóa luận được hoàn thiện hơn.

## LỜI MỞ ĐẦU

Hiện nay, trong bối cảnh nền kinh tế ngày càng phát triển và hội nhập sâu rộng, các doanh nghiệp không chỉ đối mặt với sự cạnh tranh khốc liệt trên thị trường mà còn phải nâng cao hiệu quả quản lý tài chính của công ty để có thể tồn tại và phát triển bền vững. Chính vì thế mà kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đóng vai trò vô cùng quan trọng, giúp doanh nghiệp kiểm soát tốt doanh thu, chi phí và đưa ra các quyết định quan trọng và phù hợp.

Nhận thấy được vai trò to lớn trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nên em đã chọn đề tài “Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH đầu tư phát triển công nghệ Trung Tín” làm nội dung nghiên cứu cho khoá luận này. Thông qua đề tài, em mong muốn phân tích thực trạng kế toán tại doanh nghiệp để từ đó tìm ra được những ưu điểm, hạn chế và đưa ra một số đề xuất nhằm hoàn thiện hơn hệ thống kế toán trong lĩnh vực này.

Khoá luận không chỉ là cơ hội để em hệ thống hóa những kiến thức đã học mà còn là dịp để áp dụng lý thuyết vào thực tiễn, từ đó nâng cao kỹ năng chuyên môn và chuẩn bị tốt hơn cho công việc sau này.

Thông qua khoá luận này, em xin cảm ơn sâu sắc tới cô giáo ThS. Phạm Minh Phương- Giảng viên trường Đại học Kiến Trúc Đà Nẵng, người đã trực tiếp hướng dẫn, giúp đỡ tận tình cho em ngay từ lúc bắt đầu cho đến khi hoàn thành khoá luận. Em xin chân thành cảm ơn Ban giám hiệu trường Đại học Kiến Trúc Đà Nẵng cùng các thầy cô giáo khoa Kinh tế, những người đã trực tiếp giảng dạy em trong quá trình học tập.

Em xin gửi lời cảm ơn tới ban lãnh đạo Công ty TNHH đầu tư phát triển công nghệ Trung Tín cùng các anh chị trong phòng kế toán đã tạo điều kiện tốt nhất giúp em tìm hiểu hoạt động của công ty và thu thập số liệu cần thiết liên quan đến khóa luận của mình.

Khoá luận tốt nghiệp gồm 3 phần:

**Chương 1:** Cơ sở lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

**Chương 2:** Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH đầu tư phát triển công nghệ Trung Tín

**Chương 3:** Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH đầu tư phát triển công nghệ Trung Tín.

# **CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH**

## **1.1. Khái quát chung về doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh**

### **1.1.1. Khái niệm về doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh**

#### **1.1.1.1. Khái niệm về doanh thu và các khoản giảm trừ doanh thu**

*Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 ( VAS) – Doanh thu và thu nhập khác các khái niệm cơ bản về doanh thu được trình bày như sau:*

- Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu không bao gồm vốn góp của chủ sở hữu.

- Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ là doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ sau khi đã trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại và các loại thuế gián thu như thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng (đối với doanh nghiệp áp dụng phương pháp trực tiếp).

*Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 ( VAS) – Doanh thu và thu nhập khác các khái niệm cơ bản về các khoản giảm trừ doanh thu được trình bày như sau:*

- Chiết khấu thương mại: là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng sớm.

- Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua do hàng hoá kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu.

- Giá trị hàng bán bị trả lại: là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán.

#### **1.1.1.2. Khái niệm về chi phí**

*Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam VAS 01- Chuẩn mực chung các khái niệm cơ bản về chi phí được trình bày như sau:*

- Chi phí là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài sản hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm khoản phân phối cho cổ đông hoặc chủ sở hữu.

#### **1.1.1.3. Kết quả hoạt động kinh doanh**

- Kết quả hoạt động kinh doanh là việc xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh trong một thời gian nhất định ( tháng, quý, năm ). Kết quả hoạt động kinh

doanh là mục đích cuối cùng của doanh nghiệp và nó chịu ảnh hưởng của các yếu tố như quy mô, chất lượng, chiến lược trong quá trình sản xuất kinh doanh. Vì vậy, việc xác định kết quả hoạt động kinh doanh là chỉ tiêu kinh tế tổng hợp rất quan trọng để đánh giá hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

- Trong doanh nghiệp, hoạt động kinh doanh bao gồm: hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động tài chính và hoạt động khác. Tương ứng với 3 hoạt động trên là kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

+ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu bán hàng, doanh thu cung cấp dịch vụ và doanh thu hoạt động tài chính với trị giá vốn hàng bán, chi phí quản lý kinh doanh ( chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí bán hàng ).

+ Kết quả hoạt động tài chính là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

+ Kết quả hoạt động khác là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác.

### ***1.1.2. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh***

Để đảm bảo hiệu quả trong việc quản lý doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh, kế toán doanh thu và xác định kết quả hoạt động kinh doanh cần thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Ghi nhận và phản ánh ghi chép đầy đủ tình hình hiện tại và sự biến động về mặt số lượng, mẫu mã... đối với từng loại hàng hoá, dịch vụ bán ra.

- Theo dõi, ghi nhận và phản ánh đầy đủ, kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu, các chi phí phát sinh hoạt động trong doanh nghiệp để cuối kỳ tập hợp doanh thu, chi phí từ đó xác định được kết quả kinh doanh.

- Theo dõi, ghi nhận đầy đủ, chính xác giá vốn hàng bán và các chi phí hoạt động liên quan.

- Theo dõi, chi tiết các khoản phải thu, chi cho từng hoạt động của doanh nghiệp. Đồng thời theo dõi và đôn đốc các khoản phải thu khách hàng.

- Ghi nhận, tổng hợp số liệu kế toán để phục vụ cho việc lập các báo cáo tài chính. Định kỳ, phân tích doanh thu, chi phí, lợi nhuận để xác định kết quả hoạt động kinh doanh, đưa ra lời khuyên cho ban lãnh đạo đưa ra các quyết định tài chính cho doanh nghiệp.

- Nhiệm vụ cốt lõi của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh là đảm bảo cung cấp thông tin tài chính một cách chính xác, đầy đủ, kịp thời cho nhà quản lý và những người quan tâm đến hoạt động doanh nghiệp. Từ đó,

nhà quản lý có thể phân tích, đánh giá hiệu quả hoạt động và đưa ra các quyết định chiến lược đúng đắn cho doanh nghiệp.

### ***1.1.3. Ý nghĩa công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh***

Việc tổ chức, triển khai hiệu quả công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh đóng vai trò quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp.

- Đối với doanh nghiệp: theo dõi thông tin, doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh giúp các nhà quản trị nắm bắt được thực trạng hoạt động để đưa ra những quyết định chiến lược và phương hướng phát triển nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

- Đối với nhà đầu tư: thông qua các chỉ tiêu về doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh trên báo cáo tài chính, để có các cơ sở quyết định đầu tư đúng đắn.

- Đối với các tổ chức tài chính ( ngân hàng, quỹ đầu tư, tổ chức tín dụng ): thông qua các chỉ tiêu về doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh để đánh giá khả năng tài chính của doanh nghiệp quyết định cho vay hoặc cấp vốn đầu tư.

- Đối với nhà cung cấp: dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình khả năng thanh toán là cơ sở để nhà cung cấp quyết định có hợp tác với doanh nghiệp không, đồng thời lựa chọn phương thức thanh toán phù hợp để giảm thiểu rủi ro.

- Đối với nhà nước: dựa trên cơ sở các số liệu về doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, cơ quan thuế xác định các khoản thuế doanh nghiệp phải nộp, góp phần đảm bảo nguồn thu cho ngân sách nhà nước.

## **1.2. Kế toán hoạt động bán hàng, cung cấp dịch vụ**

### ***1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu***

#### ***1.2.1.1. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu***

Doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao quyền sở hữu hàng hoá từ người bán sang người mua hoặc khi người mua thanh toán hay chấp nhận nghĩa vụ thanh toán hàng hoá mà người bán đã chuyển giao.

#### ***1.2.1.2. Điều kiện ghi nhận doanh thu***

*Theo quy định tại điều 57 thông tư 133/2016/TT-BTC.*

a, Doanh thu bán hàng chỉ được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hoá cho người mua.

- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hoá.

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá ( trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hoá dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hoá, dịch vụ khác )

- Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b, Doanh nghiệp chỉ ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ khi đồng thời thỏa mãn 4 điều kiện:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán.

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### *1.2.1.3. Các phương thức bán hàng và thanh toán*

##### ***a, Các phương thức bán hàng***

Trong nền kinh tế thị trường, hàng hoá được lưu thông đến tay người dùng được thực hiện theo nhiều phương thức khác nhau. Việc lựa chọn và vận dụng linh hoạt các phương thức bán hàng đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy hoạt động tiêu thụ, mở rộng thị trường và đáp ứng tốt nhất nhu cầu khách hàng. Hiện nay, các doanh nghiệp thường áp dụng các phương thức phổ biến sau.

- *Phương thức bán hàng trực tiếp:*

Theo phương thức này, khách hàng hoặc đại diện bên mua đến trực tiếp kho hoặc showroom của doanh nghiệp để nhận hàng. Doanh nghiệp xuất kho hàng hoá giao trực tiếp cho đại diện bên mua. Sau khi đại diện bên mua nhận đủ hàng hoá, thanh toán tiền hoặc chấp nhận nghĩa vụ thanh toán nợ. Khi đó, hàng hoá được xác định đã tiêu thụ.

- *Phương thức bán hàng thông qua đại lý:*

Gửi đại lý bán là phương thức mà trong đó doanh nghiệp giao hàng cho bên nhận đại lý để bán. Bên nhận đại lý chịu trực tiếp bán hàng, thanh toán tiền hàng và sẽ được hưởng thù lao dưới hình thức hưởng hoa hồng. Số hàng hoá gửi đại lý bán vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp và chưa được xác định hàng đã tiêu thụ cho đến khi doanh nghiệp được bên nhận đại lý thanh toán tiền hàng hoặc chấp nhận thanh toán.

Khi bán được hàng hoá thì doanh nghiệp phải trả cho đại lý một khoản tiền hoa hồng, đó được xem là chi phí bán hàng.

- *Phương thức bán hàng trả chậm trả góp:*

Bán hàng theo phương thức trả chậm trả góp là phương thức người mua có thể thanh toán nhiều lần. Thông thường số tiền trả các kỳ bằng nhau, bao gồm một phần doanh thu và một phần lãi trả chậm. Trong hình thức này, thực tế người bán chỉ mất quyền sở hữu khi người mua thanh toán hết tiền hàng. Tuy nhiên, về mặt hạch toán khi hàng được giao cho người mua, hàng hoá bán trả chậm trả góp được coi là đã tiêu thụ và doanh thu được ghi nhận.

- *Phương thức chuyển hàng theo hợp đồng:*

Phương thức chuyển hàng theo hợp đồng là phương thức này dựa trên hợp đồng kinh tế đã ký hoặc theo đơn đặt hàng, doanh nghiệp tiến hành xuất kho hàng hoá và sử dụng phương tiện vận chuyển cá nhân hoặc thuê ngoài, chuyển hàng đến kho bên mua hoặc địa điểm bên mua chỉ định trong hợp đồng. Hàng hoá được chuyển đi vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp cho đến khi bên mua kiểm nhận, thanh toán tiền hàng hoặc chấp nhận thanh toán. Chỉ khi đó, số hàng này mới được coi là đã tiêu thụ và người bán mất quyền sở hữu với hàng hoá đã bàn giao. Chi phí vận chuyển do bên bán hay bên mua sẽ chịu do thoả thuận giữa hai bên từ trước. Nếu doanh nghiệp, chịu chi phí vận chuyển sẽ được ghi nhận vào chi phí bán hàng. Ngược lại, nếu bên mua chịu chi phí vận chuyển sẽ đưa vào giá trị của hàng hoá

### ***b, Các phương thức thanh toán***

Việc tiêu thụ hàng hóa chỉ được ghi nhận vào sổ sách kế toán khi doanh nghiệp đã chuyển giao quyền sở hữu hàng hóa cho người mua và có bằng chứng chắc chắn rằng sẽ thu được tiền. Nói cách khác, doanh nghiệp phải thu được tiền bán hàng hoặc được khách hàng cam kết thanh toán một cách đáng tin cậy thì mới được ghi nhận trên sổ sách kế toán.

- *Phương thức thanh toán bằng tiền mặt:*

+ Là việc sử dụng tiền mặt trực tiếp để thanh toán cho các giao dịch hàng hóa, dịch vụ

- *Phương thức thanh toán không bằng tiền mặt:*

+ Thanh toán chuyển khoản

+ Bù trừ công nợ

+ Ủy quyền thanh toán thông qua bên thứ ba

#### ***1.2.1.4. Chứng từ, tài khoản sử dụng***

### ***a, Chứng từ ghi nhận doanh thu:***

- Phiếu xuất kho

- Hợp đồng kinh tế
- Hóa đơn GTGT
- Bảng kê hàng hóa dịch vụ bán ra
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, giấy báo có

***b, Chứng từ ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu:***

\* Chiết khấu thương mại:

- Hóa đơn GTGT
- Biên bản chiết khấu thương mại

\* Giảm giá hàng bán:

- Hóa đơn GTGT
- Biên bản giảm giá hàng bán
- Hóa đơn điều chỉnh kèm bản kê.

\* Hàng bán bị trả lại:

- Hóa đơn GTGT
- Biên bản trả lại hàng bán
- Chứng từ kèm theo: phiếu nhập kho, phiếu chi, giấy báo nợ.

**❖ Tài khoản sử dụng**

*Theo quy định tại điều 57 thông tư 133/2016/TT-BTC.*

Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ, có 4 tài khoản cấp 2.

- Tài khoản 5111 – Doanh thu bán hàng hoá.
- Tài khoản 5112 – Doanh thu bán thành phẩm.
- Tài khoản 5113 – Doanh thu cung cấp dịch vụ.
- Tài khoản 5118 – Doanh thu khác.

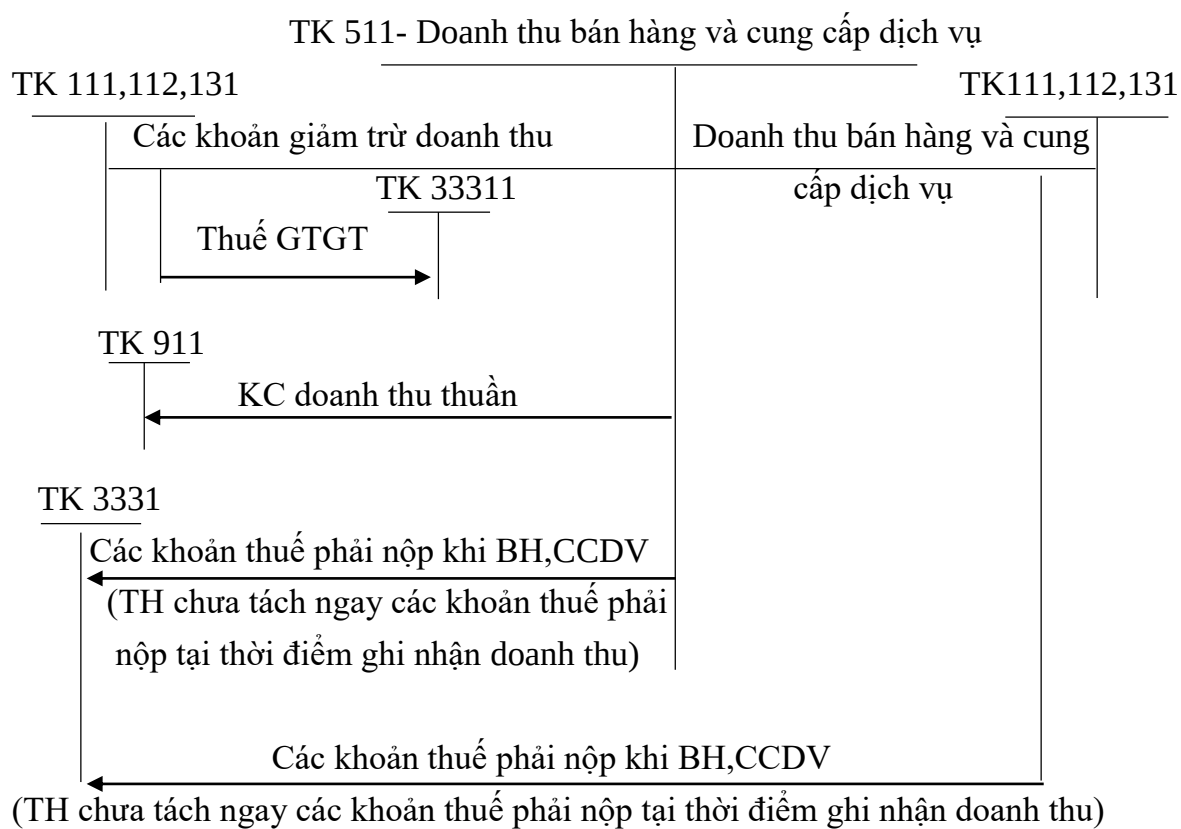
**❖ Kết cấu tài khoản.**

| Nợ                                                                                                                                                                                                                                                                      | TK 511 | Có                                                                                                                                                                         |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các khoản thuế gián thu phải nộp (GTGT theo phương pháp trực tiếp, TTDB, XK, BVMT).</li> <li>- Các khoản giảm trừ doanh thu.</li> <li>- Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.</li> </ul> |        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.</li> </ul> |

**Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ.**

### 1.2.1.5. Phương pháp hạch toán

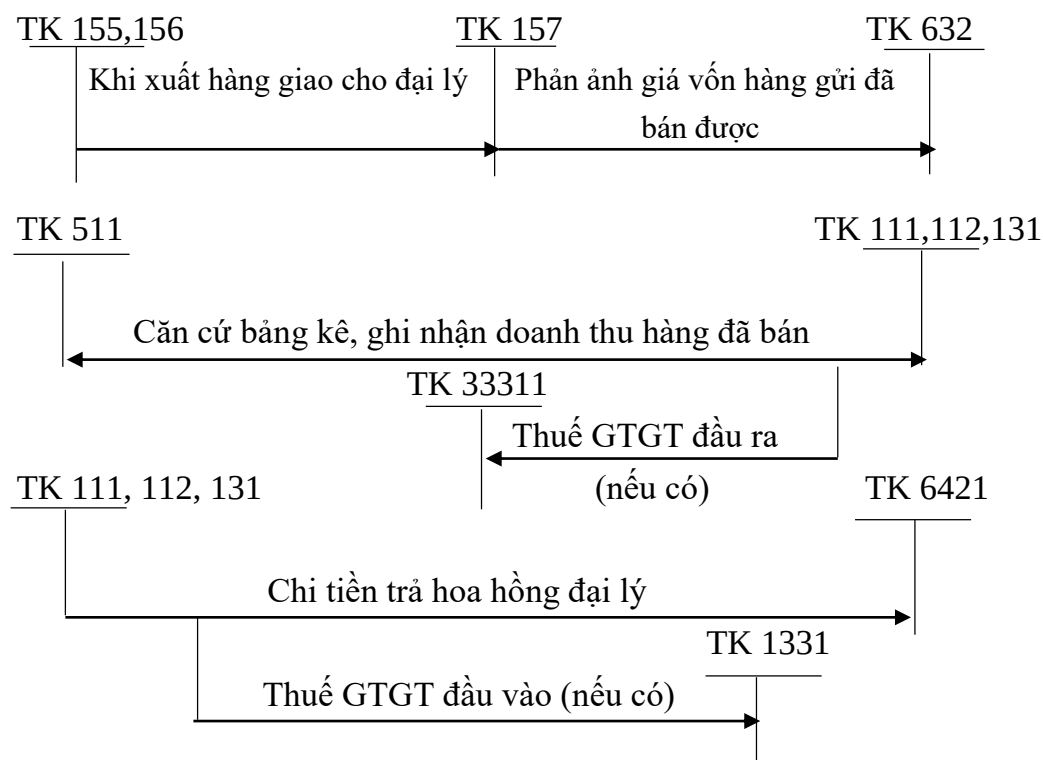
- ❖ Sơ đồ hạch toán trường hợp doanh thu thu được từ bán hàng trực tiếp và chuyển hàng theo hợp đồng.



### Sơ đồ 1.1. Sơ đồ trình tự kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

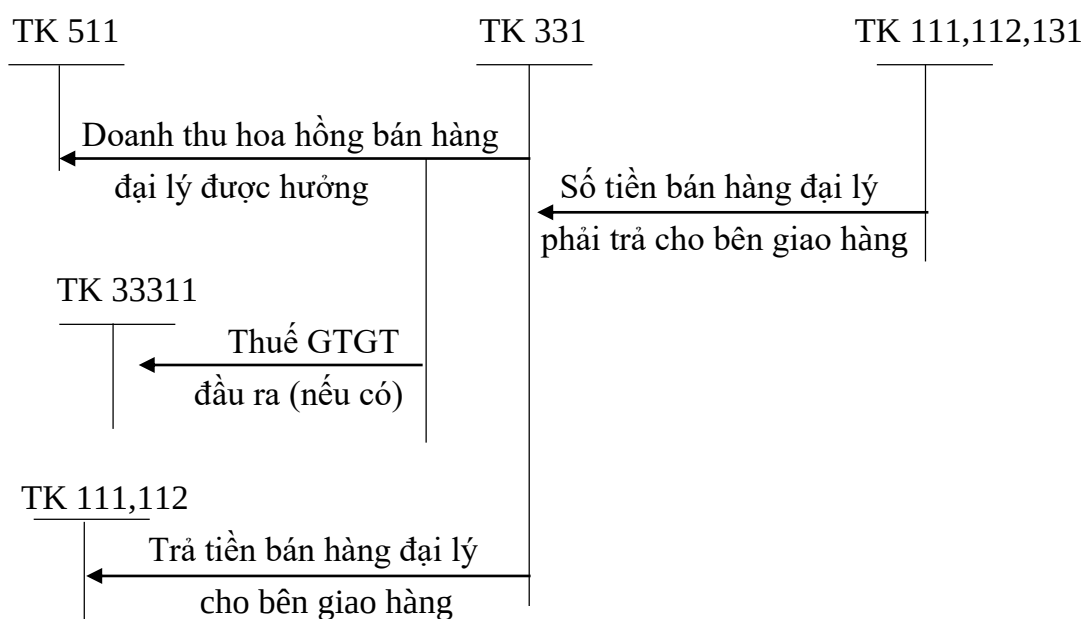
❖ Sơ đồ hạch toán trường hợp bán hàng thông qua đại lý bán đúng giá hưởng hoa hồng.

- Tại đơn vị giao hàng đại lý



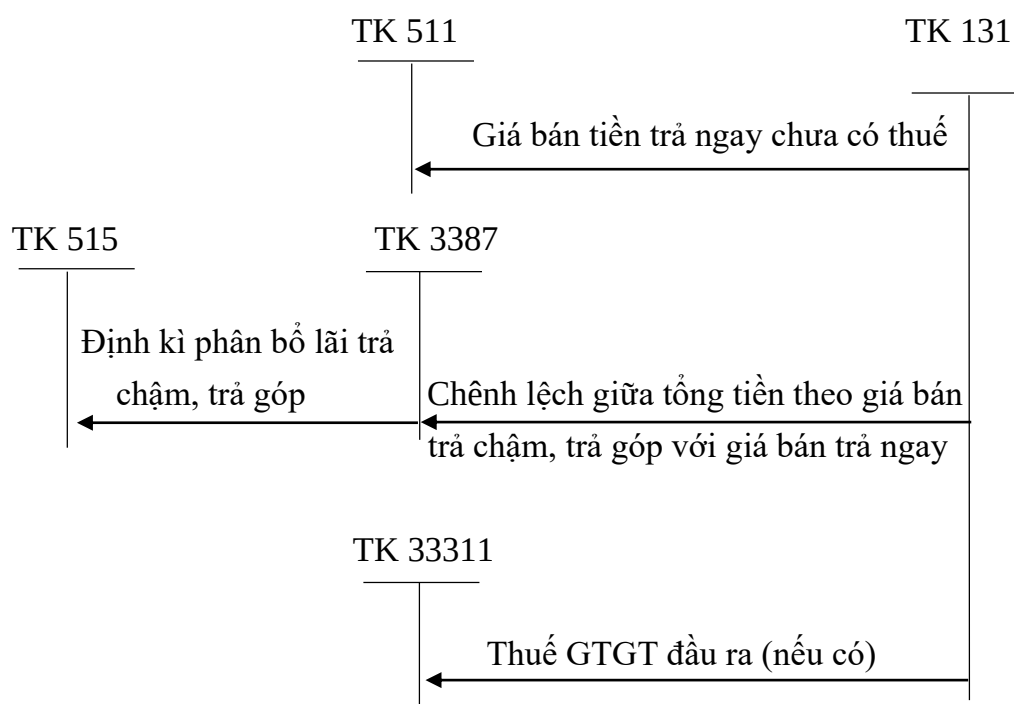
Sơ đồ 1.2. Sơ đồ hạch toán bán hàng thông qua đại lý tại đơn vị giao hàng đại lý

- Tại đơn vị nhận làm đại lý bán đúng giá hưởng hoa hồng



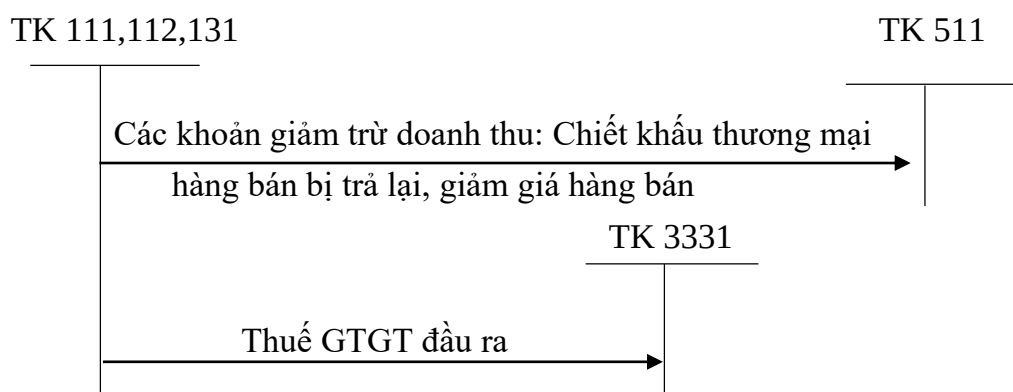
Sơ đồ 1.3. Sơ đồ hạch toán bán hàng thông qua đại lý tại đơn vị nhận làm đại lý

❖ *Sơ đồ hạch toán trường hợp doanh thu thu được từ bán hàng trả chậm trả góp*



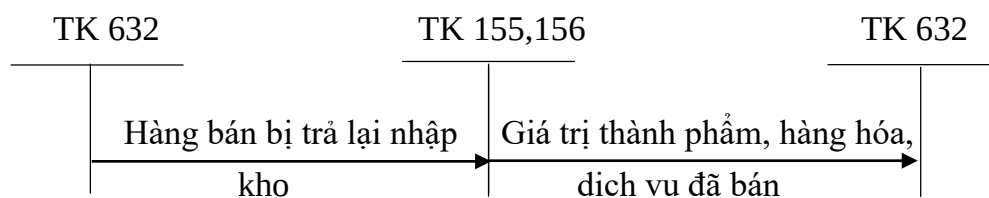
**Sơ đồ 1.4. Sơ đồ hạch toán doanh thu thu được từ bán hàng trả chậm trả góp**

❖ *Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu*



**Sơ đồ 1.5. Sơ đồ hạch toán kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

❖ *Kế toán các chi phí liên quan: Nhận lại sản phẩm, hàng hóa*



**Sơ đồ 1.6. Sơ đồ hạch toán các chi phí liên quan**

### 1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán

#### 1.2.2.1. Khái niệm

Giá vốn hàng bán là giá thực tế của toàn bộ sản phẩm, hàng hoá đã được xuất bán trong kỳ. Đối với doanh nghiệp thương mại, giá vốn hàng bán bao gồm giá mua hàng và các chi phí liên quan đến quá trình mua hàng. Hàng hoá của doanh nghiệp được nhập từ nhiều nguồn, thời điểm khác nhau. Do đó, doanh nghiệp cần áp dụng theo một trong các phương pháp kế toán phù hợp để xác định giá trị vốn của hàng xuất bán.

#### 1.2.2.2. Phương pháp xác định giá vốn hàng bán

##### a, Xuất kho theo phương pháp thực tế đích danh

Phương pháp tính theo giá đích danh được áp dụng dựa trên giá trị thực tế của từng lô hàng nhập, từng sản phẩm sản xuất ra nên chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp có ít mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và có thể nhận diện chi tiết giá nhập của từng lô hàng hoá.

##### b, Xuất kho theo phương pháp nhập trước xuất trước

Phương pháp này được áp dụng dựa trên giả định là giá trị hàng tồn kho được mua hoặc được sản xuất trước thì được xuất trước và giá trị hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là giá trị hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất gần thời điểm cuối kỳ. Giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

##### c, Xuất kho theo phương pháp bình quân

###### ➤ Bình quân gia quyền cuối kỳ

Phương pháp này, đến cuối kỳ mới tính trị giá vốn hàng xuất kho trong kỳ. Tuỳ theo chính sách dự trữ doanh nghiệp áp dụng, kế toán hàng tồn kho căn cứ vào trị giá thực tế hàng tồn đầu kỳ, hàng nhập trong kỳ và số lượng hàng tồn kho để tính giá đơn vị bình quân. Công thức như sau:

|                                       |                                    |   |                                          |
|---------------------------------------|------------------------------------|---|------------------------------------------|
| Đơn giá bình quân hàng tồn kho loại i | Giá trị thực tế hàng i tồn đầu kỳ  | + | Giá trị thực tế hàng i nhập kho trong kỳ |
|                                       | Số lượng thực tế hàng i tồn đầu kỳ | + | Số lượng thực tế hàng i nhập trong kỳ    |

###### ➤ Bình quân gia quyền mỗi lần nhập (bình quân thời điểm)

- Sau mỗi lần nhập kho, kế toán phải tiến hành xác định lại giá trị thực của hàng tồn kho và đơn giá bình quân. Công thức như sau:

|                                                     |   |                                                    |   |                                                    |
|-----------------------------------------------------|---|----------------------------------------------------|---|----------------------------------------------------|
| Đơn giá<br>bình quân<br>hàng i<br>sau lần<br>nhập t | = | Giá trị thực tế hàng i tồn<br>kho trước lần nhập t | + | Trị giá thực tế hàng i mua và<br>nhập ở lần nhập t |
|                                                     |   | Số lượng hàng i tồn kho<br>trước lần nhập t        | + | Số lượng hàng i nhập kho ở<br>lần nhập t           |

- Để tính giá trị hàng hóa xuất kho, hàng hóa tồn cuối kỳ, kế toán áp dụng công thức:

|                                    |   |                                  |   |                   |
|------------------------------------|---|----------------------------------|---|-------------------|
| Giá thực tế mặt<br>hàng i xuất kho | = | Số lượng mặt hàng i xuất<br>dùng | x | Đơn giá bình quân |
|------------------------------------|---|----------------------------------|---|-------------------|

|                                          |   |                                      |   |                                            |   |                                            |
|------------------------------------------|---|--------------------------------------|---|--------------------------------------------|---|--------------------------------------------|
| Giá thực tế<br>hàng i tồn kho<br>cuối kỳ | = | Giá thực tế hàng<br>i tồn kho đầu kỳ | + | Giá thực tế<br>hàng i nhập<br>kho trong kỳ | - | Giá thực tế<br>hàng i xuất<br>kho trong kỳ |
|------------------------------------------|---|--------------------------------------|---|--------------------------------------------|---|--------------------------------------------|

#### 1.2.2.3. Chứng từ sử dụng

- Hoá đơn GTGT.
- Đơn đồng mua bán.
- Phiếu nhập kho, phiếu xuất kho.
- Bảng tổng hợp nhập – xuất – tồn,...

#### 1.2.2.4. Tài khoản sử dụng

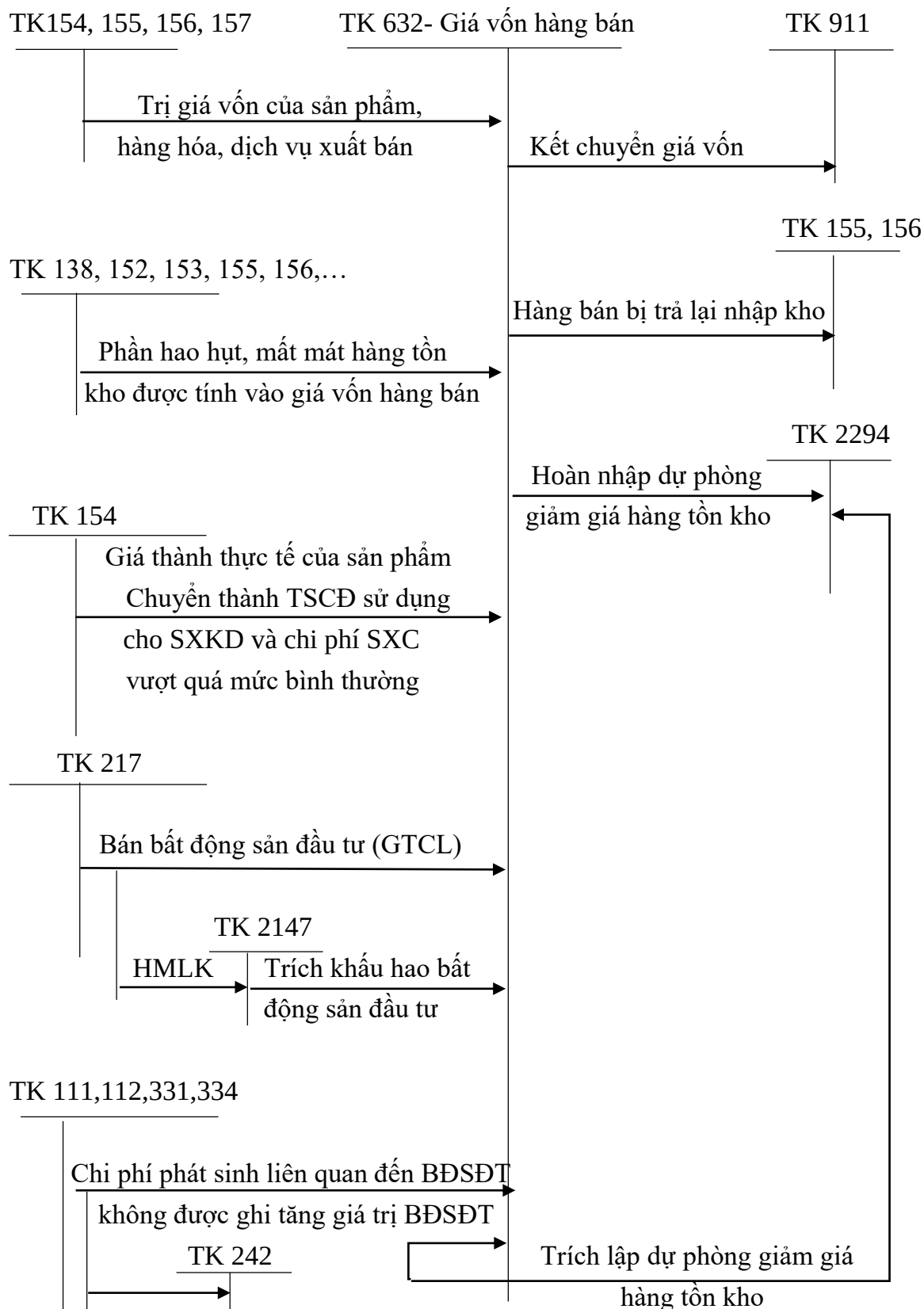
Kế toán sử dụng Tài khoản 632 để hạch toán “Giá vốn hàng bán”.

#### ❖ Kết cấu tài khoản.

| Nợ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | TK 632 | Có                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <ul style="list-style-type: none"><li>- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ.</li><li>- Chi phí nguyên liệu, vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ.</li><li>- Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra.</li><li>- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết).</li></ul> |        | <ul style="list-style-type: none"><li>- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.</li><li>- Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước).</li><li>- Trị giá hàng bán bị trả lại.</li><li>- Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán nhận được sau khi hàng mua đã tiêu thụ.</li></ul> |
| <b>Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |

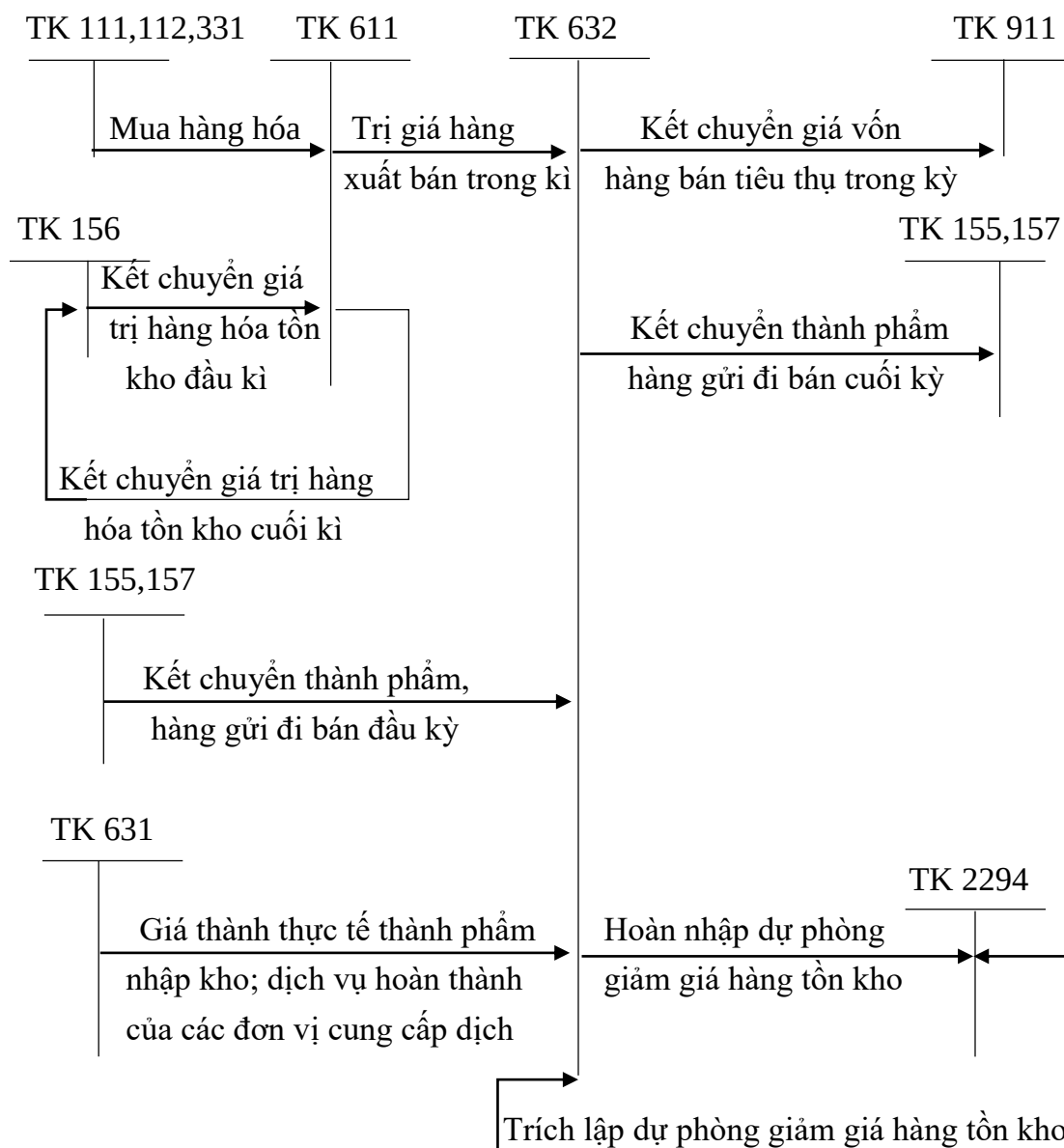
### 1.2.2.5. Phương pháp hoạch toán

❖ *Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên*



**Sơ đồ 1.7. Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên**

❖ *Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ*



**Sơ đồ 1.8. Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ**

**1.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh**

**1.2.3.1. Nội dung chi phí quản lý kinh doanh**

Theo quy định tại điều 64 thông tư 133/2016/TT-BTC.

- Chi phí quản lý kinh doanh bao gồm: Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.
- Chi phí bán hàng là khoản phí phát sinh liên quan đến hoạt động tiêu thụ hàng hóa. Bao gồm các khoản như: Các khoản tiền lương, phụ cấp phải trả cho nhân viên, các khoản BHXH, BHYT, KPCĐ trên lương theo quy định, chi phí dụng cụ đồ dùng, chi phí khấu hao tài sản, chi phí chào hàng, hoa hồng bán hàng ...

- Chi phí quản lý doanh nghiệp là chi phí phát sinh trong quá trình tổ chức các hoạt động doanh nghiệp mà doanh nghiệp đó phải bỏ ra để vận hành. Bao gồm các khoản như: Các khoản tiền lương, phụ cấp phải trả cho nhân viên quản lý doanh nghiệp, các khoản BHXH, BHYT, KPCĐ trên lương theo quy định, chi phí dụng cụ đồ dùng, chi phí khấu hao tài sản, tiền thuê đất, phí môn bài, khoản lập dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài...

#### 1.2.3.2. Chứng từ sử dụng

- Hoá đơn GTGT.
- Bảng tính lương và các khoản trích theo lương.
- Bảng phân bổ CCDC, khấu hao TSCĐ.
- Bảng thanh toán lương.
- Phiếu chi, giấy báo có ngân hàng.
- Các chứng từ liên quan khác,...

#### 1.2.3.3. Tài khoản sử dụng

Đề hạch toán chi phí quản lý kinh doanh, kế toán sử dụng tài khoản 642 “Chi phí quản lý kinh doanh”.

Tài khoản 642 có 2 cấp tài khoản cấp 2.

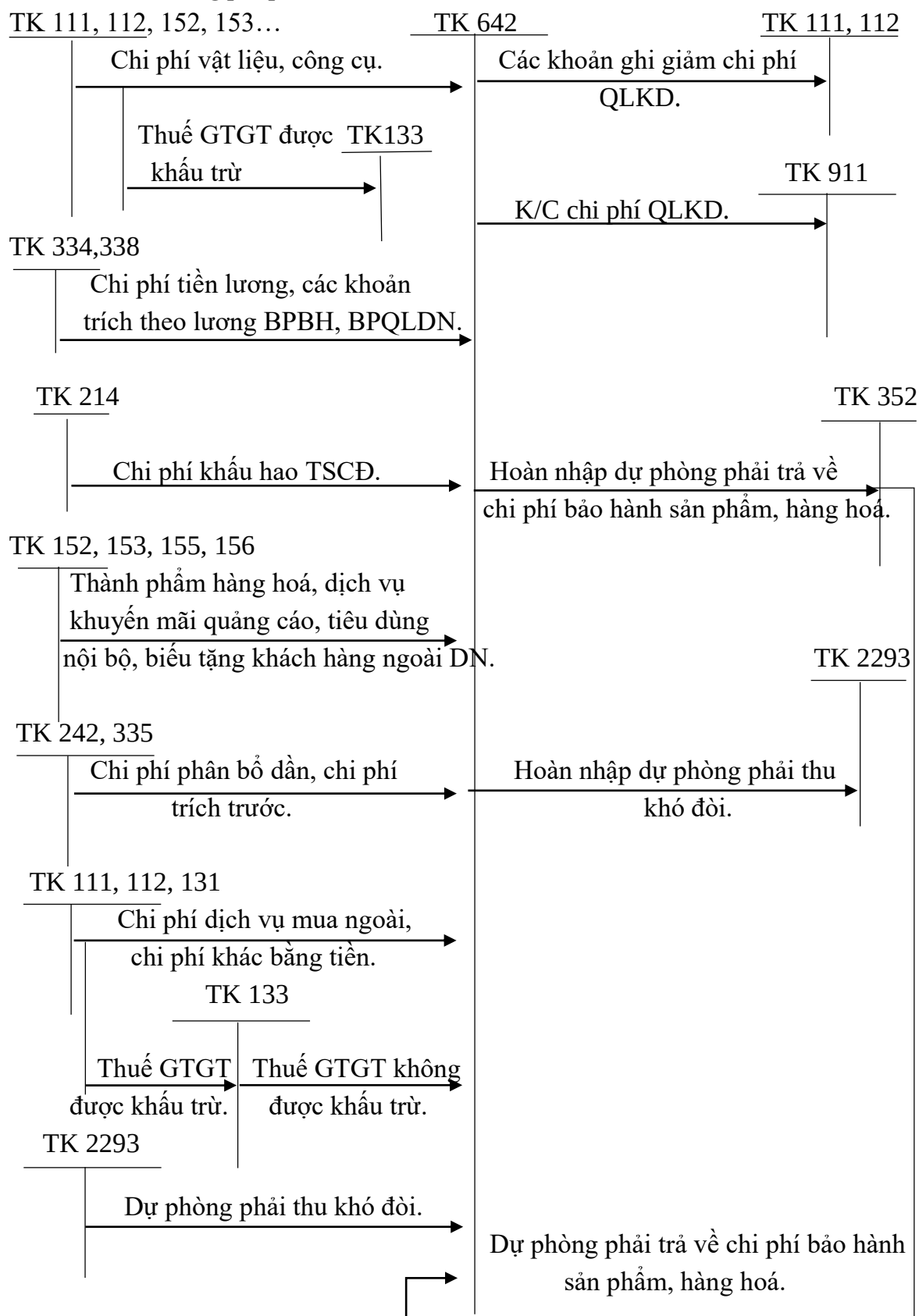
- Tài khoản 6421: Chi phí bán hàng.
- Tài khoản 6422: Chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### ❖ Kết cấu tài khoản

| Nợ                                                                                                                                                                                                                                                                    | TK 642 | Có                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ;</li> <li>- Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết).</li> </ul> |        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các khoản được ghi giảm chi phí quản lý kinh doanh;</li> <li>- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết);</li> <li>- Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".</li> </ul> |

**Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ**

#### 1.2.3.4. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.9. Sơ đồ trình tự kế toán chi phí quản lý kinh doanh

### 1.3. Kế toán hoạt động tài chính

#### 1.3.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

##### 1.3.1.1. Khái niệm

Doanh thu hoạt động tài chính là những khoản đã thu hoặc sẽ thu do hoạt động đầu tư tài chính hoặc kinh doanh về vốn đem lại như: tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia,... Cụ thể

- + Tiền lãi: Lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu...
- + Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư;
- + Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn;
- + Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác;
- + Khác khoản doanh thu hoạt động tài chính khác,...

##### 1.3.1.2. Chứng từ sử dụng

- Phiếu tính lãi
- Giấy báo có
- Phiếu thu
- Sổ phụ ngân hàng
- Phiếu kế toán

##### 1.3.1.3. Tài khoản sử dụng

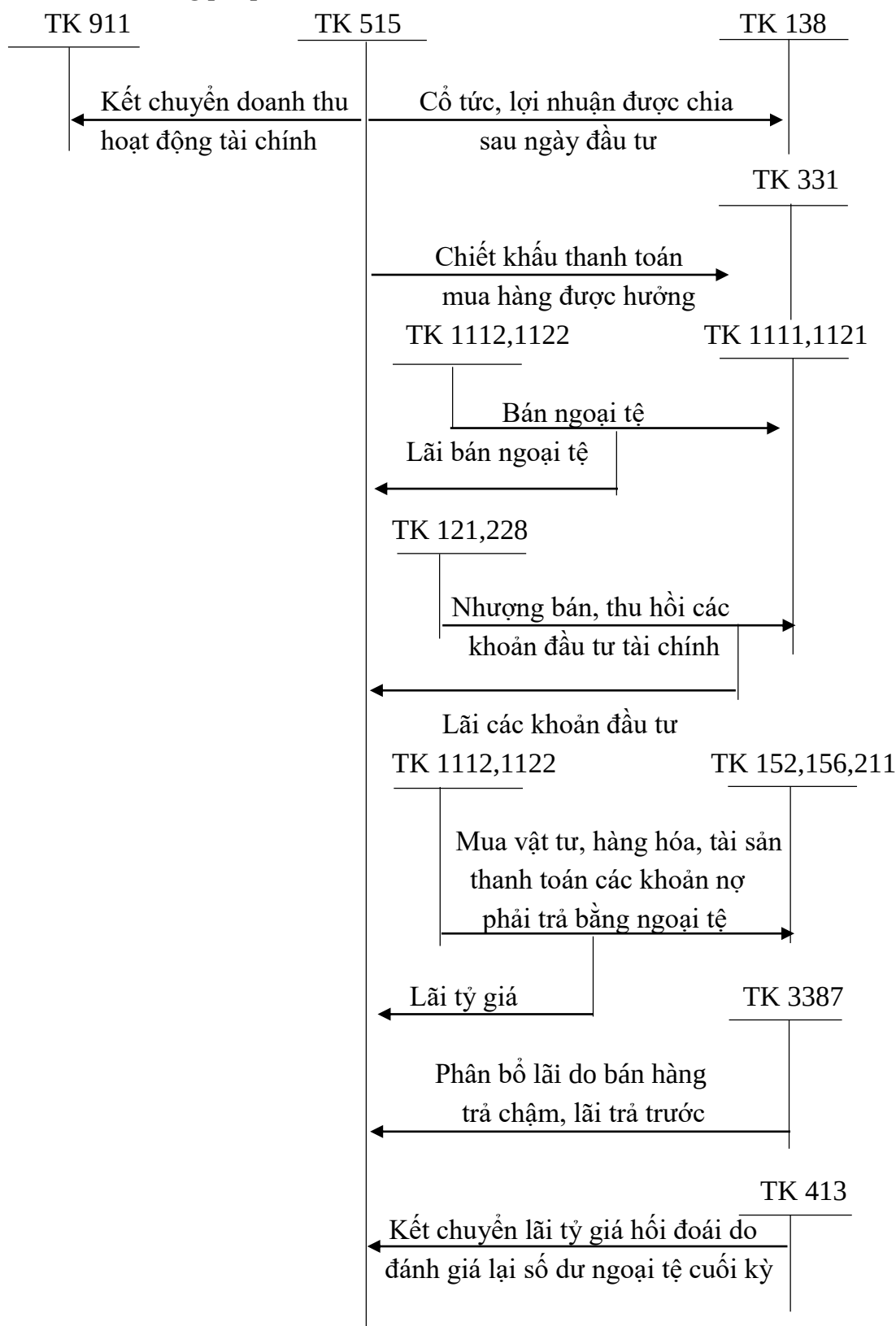
Để hạch toán doanh thu hoạt động tài chính, kế toán sử dụng: Tài khoản 515 “Doanh thu hoạt động tài chính”

#### ❖ Kết cấu tài khoản:

| Nợ                                                                                                                                                                       | TK 515 | Có                                                            |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|---------------------------------------------------------------|
| + Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có);<br>+ Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản 911- “Xác định kết quả kinh doanh”. |        | + Các khoản doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ. |

**Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ**

1.3.1.4. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.10. Sơ đồ trình tự kế toán hoạt động tài chính

### 1.3.2. Kế toán chi phí tài chính

#### 1.3.2.1. Khái niệm

-Chi phí tài chính là chi phí liên quan đến hoạt động cho vay hoặc đi vay vốn, chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư và các khoản chi phí tài chính khác,... cụ thể:

- + Chi phí lãi tiền vay, lãi thuê tài sản thuê tài chính
- + Các khoản chi phí hoặc các khoản liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính
- + Chiết khấu thanh toán cho người mua
- + Chi phí giao dịch bán chứng khoán

#### 1.3.2.2. Chứng từ sử dụng

- Ủy nhiệm chi
- Sổ phụ ngân hàng
- Giấy báo nợ
- Bảng tính lãi

#### 1.3.2.3. Tài khoản sử dụng

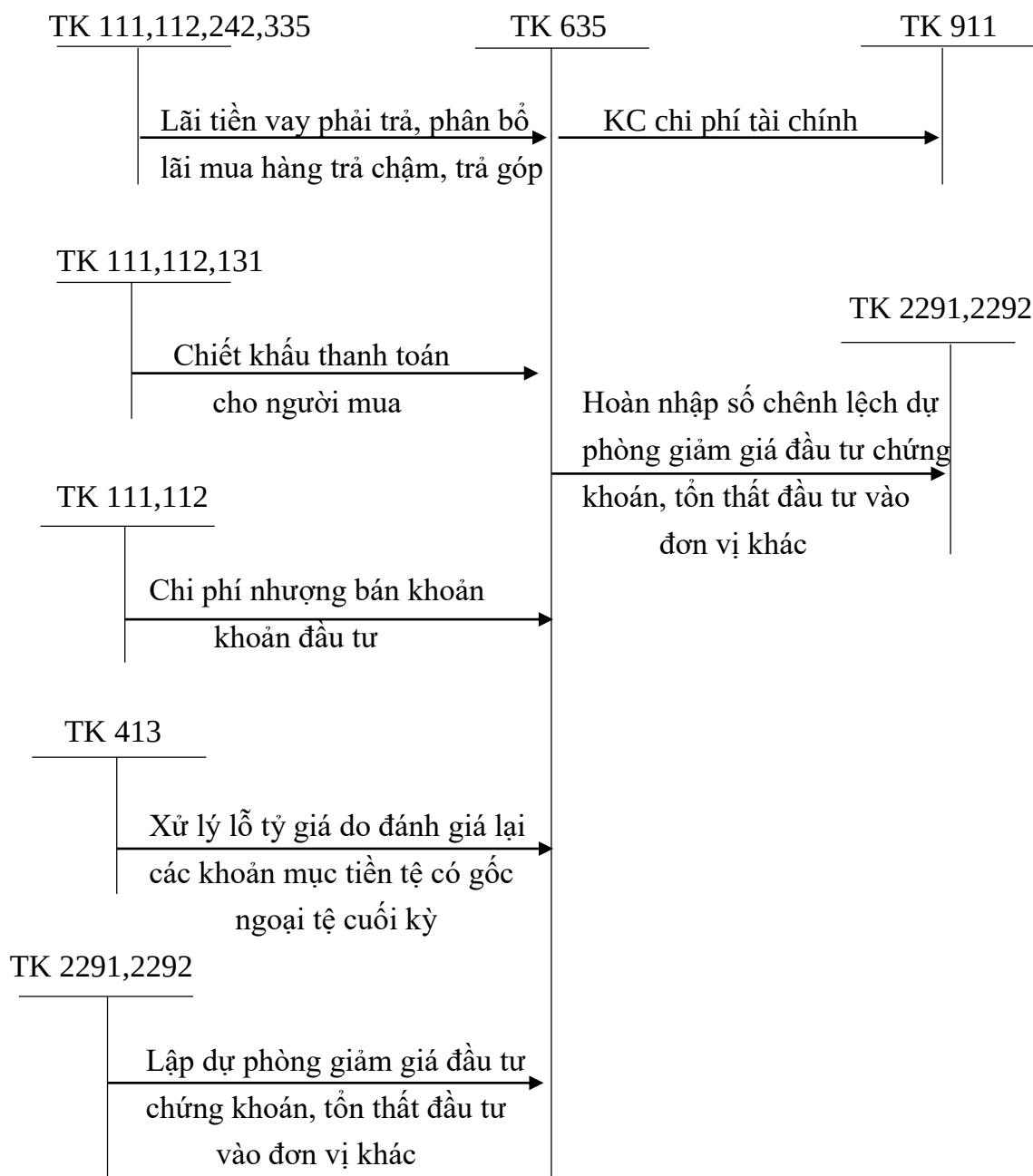
Để hạch toán chi phí tài chính, kế toán sử dụng Tài khoản 635 “Chi phí tài chính”

#### ❖ Kết cấu tài khoản

| Nợ                                                                                                                                 | TK 635 | Có                                                                                                                                                                                                        |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| + Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính.                                                    |        | + Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.                                                                                                                                                  |
| + Lỗ bán ngoại tệ                                                                                                                  |        | + Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết). |
| + Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư                                                                            |        | + Các khoản được ghi giảm chi phí tài chính                                                                                                                                                               |
| + Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ, lỗ tỷ giá hối đoái đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ. |        | + Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.                                                                                      |
| + Số trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác                                  |        |                                                                                                                                                                                                           |

**Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ**

### 1.3.2.4. Phương pháp hạch toán



### Sơ đồ 1.11. Sơ đồ trình tự kế toán chi phí tài chính

## 1.4. Kế toán hoạt động khác

### 1.4.1. Kế toán thu nhập khác

#### 1.4.1.1. Khái niệm

Thu nhập khác là những khoản thu nhập góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu ngoài hoạt động tạo ra, doanh thu bao gồm thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định, thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng kinh tế, thu nhập quà biếu, quà tặng ...

#### 1.4.1.2. Chứng từ sử dụng

- Hoá đơn GTGT.
- Giấy báo có ngân hàng.
- Phiếu thu.
- Biên bản thanh lý TSCĐ.
- Các chứng từ khác có liên quan,...

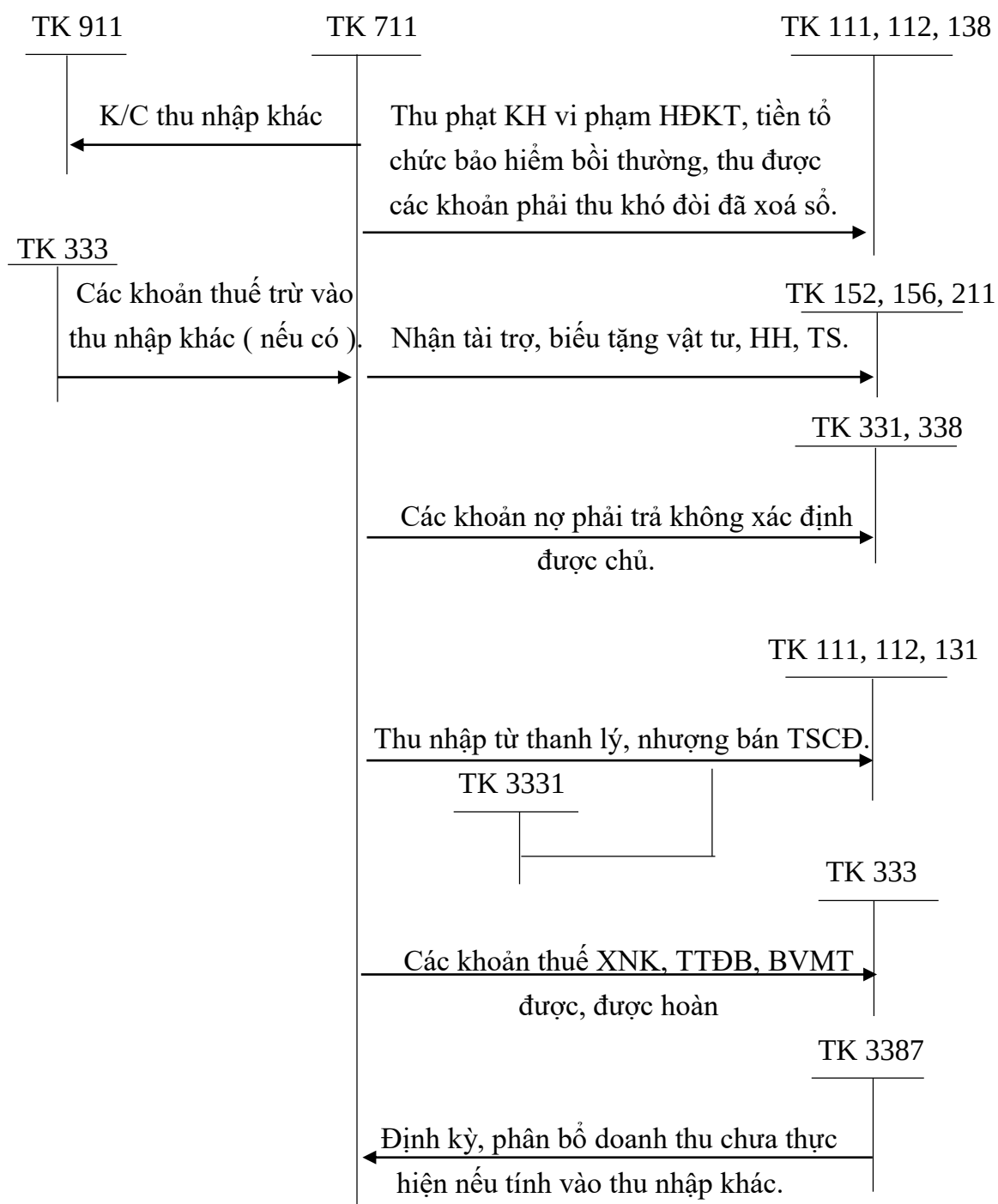
#### 1.4.1.3. Tài khoản sử dụng

Đề hạch toán thu nhập khác, kế toán sử dụng tài khoản 711 “ *Thu nhập khác* ”.

#### ❖ Kết cấu tài khoản

| Nợ                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | TK 711 | Có                                                                                            |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|
| <ul style="list-style-type: none"><li>- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.</li><li>- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.</li></ul> |        | <ul style="list-style-type: none"><li>- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.</li></ul> |
| Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ                                                                                                                                                                                                                                                                         |        |                                                                                               |

#### 1.4.1.4. Phương pháp hạch toán



#### Sơ đồ 1.12. Sơ đồ trình tự kế toán thu nhập khác

#### 1.4.2. Kế toán chi phí khác

##### 1.4.2.1. Khái niệm

Chi phí khác là những chi phí phát sinh do các sự kiện hay nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp. Bao gồm các chi phí như: Chi phí

thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ; các khoản bị phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế, bị phạt khi truy nộp thuế, ...

#### 1.4.2.2. Chứng từ sử dụng

- Ủy nhiệm chi
- Biên bản vi phạm hợp đồng
- Biên bản thanh lý TSCĐ
- Biên bản đánh giá lại TSCĐ
- Quyết định phạt từ cơ quan nhà nước

#### 1.4.2.3. Tài khoản sử dụng

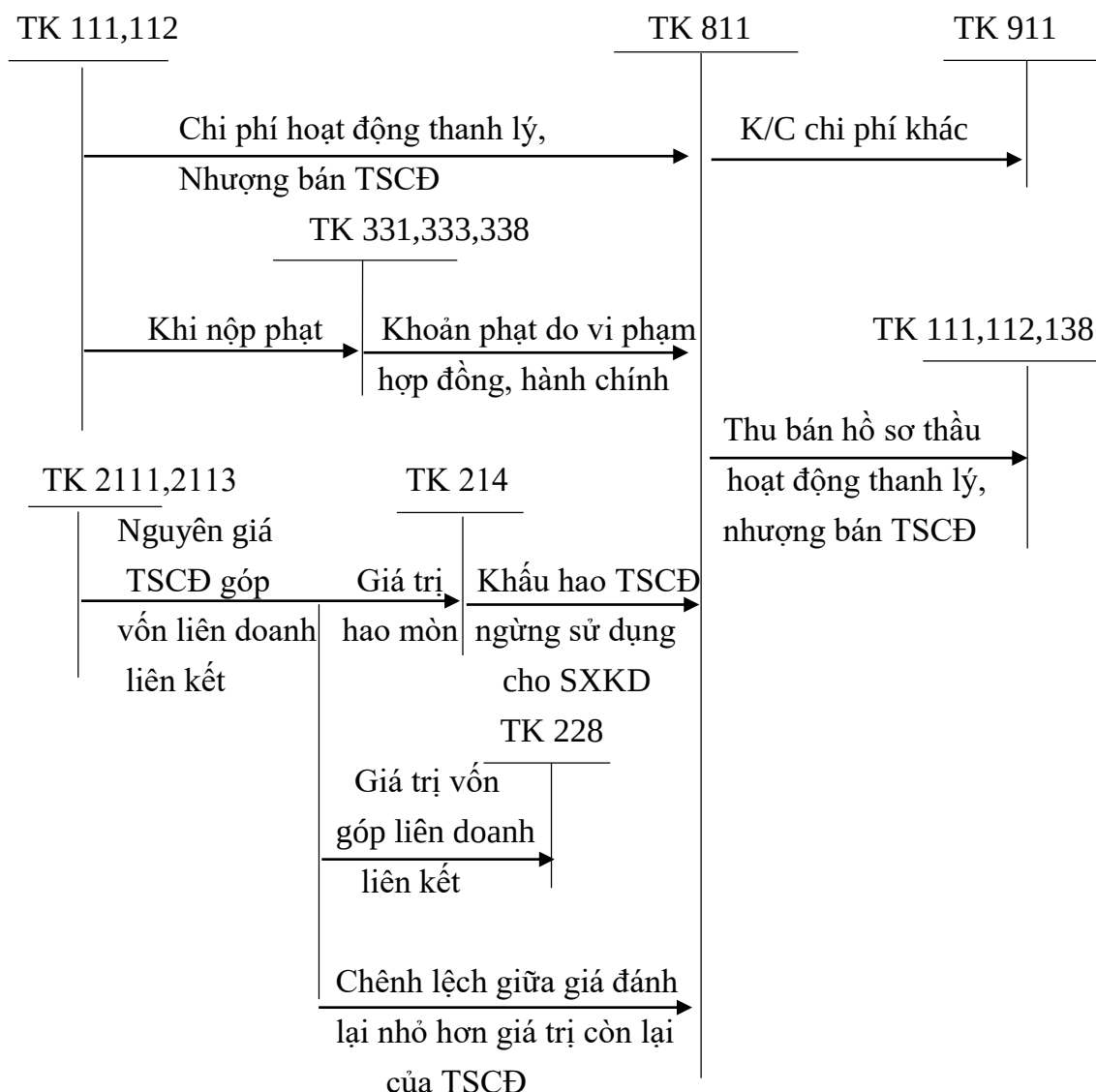
Đề hạch toán chi phí khác, kế toán sử dụng Tài khoản 811 “Chi phí khác”

#### ❖ Kết cấu tài khoản

| Nợ                                | TK 811 | Có                                                                                                                     |
|-----------------------------------|--------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Các khoản chi phí khác phát sinh. |        | Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”. |

**Tài khoản 811- Chi phí khác không có số dư cuối kỳ**

#### 1.4.2.4. Phương pháp hạch toán



**Sơ đồ 1.13. Sơ đồ trình tự kế toán chi phí khác**

### 1.5. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

#### 1.5.1. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

##### 1.5.1.1. Khái niệm

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại khi xác định lợi nhuận lãi hoặc lỗ của một kỳ.
- Thuế TNDN là loại thuế trực thu, đánh trực tiếp vào thu nhập chịu thuế của cơ sở sản xuất kinh doanh hàng hóa dịch vụ sau khi đã trừ các khoản chi phí liên quan đến việc tạo ra doanh thu và thu nhập chịu thuế của cơ sở sản xuất kinh doanh.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận vào tài khoản này là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

- Thu nhập chịu thuế là khoản thu nhập sau khi lấy tổng doanh thu trừ đi khoản chi phí được trừ, rồi cộng thêm các khoản thu nhập khác.

- Theo Điều 10 Luật thuế thu nhập doanh nghiệp 2025 có hiệu lực từ ngày 01/10/2025, mức thuế suất được quy định linh hoạt để tạo môi trường kinh doanh minh bạch, khuyến khích đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ. Cụ thể:

+ 20%: Thuế suất cơ bản áp dụng cho phần lớn các doanh nghiệp.

+ 15%: Áp dụng cho doanh nghiệp có tổng doanh thu năm không vượt quá 3 tỷ VND.

+ 17%: Áp dụng cho doanh nghiệp có tổng doanh thu từ trên 3 tỷ VND đến 50 tỷ VND.

+ 25% - 50%: Áp dụng cho các hoạt động tìm kiếm, thăm dò và khai thác dầu khí, quyết định cụ thể dựa trên vị trí, điều kiện khai thác và trữ lượng mỏ theo từng hợp đồng dầu khí.

+ 50% - 70%: Áp dụng cho các hoạt động thăm dò, khai thác tài nguyên quý hiếm (bao gồm bạch kim, vàng, bạc, thiếc, wolfram, antimon, đá quý, đất hiếm và các tài nguyên quý khác). Mức thuế suất cơ bản là 50%, riêng các mỏ có từ 70% diện tích trở lên nằm trên địa bàn đặc biệt khó khăn được áp dụng 40%. Theo Điều 6 của luật Thuế TNDN 2025 căn cứ tính thuế là thu nhập tính thuế và thuế suất.

- Thu nhập tính thuế trong kỳ tính theo được xác định bằng thu nhập chịu thuế trừ thu nhập được miễn thuế và các khoản lỗ được kết chuyển từ các năm trước theo quy định.

- Thu nhập tính thuế được xác định theo công thức sau ( Điều 7 của luật Thuế TNDN 2025).

|                       |   |                       |   |   |                               |   |                                                  |   |
|-----------------------|---|-----------------------|---|---|-------------------------------|---|--------------------------------------------------|---|
| Thu nhập<br>tính thuế | = | Thu nhập<br>chịu thuế | - | [ | Thu nhập<br>được miễn<br>thuế | + | Các khoản lỗ được<br>kết chuyển theo quy<br>định | ] |
|-----------------------|---|-----------------------|---|---|-------------------------------|---|--------------------------------------------------|---|

Trong đó:

- Thu nhập chịu thuế được xác định bởi theo công thức sau:

|                       |   |   |           |   |                  |   |   |                            |
|-----------------------|---|---|-----------|---|------------------|---|---|----------------------------|
| Thu nhập<br>chịu thuế | = | [ | Doanh thu | - | Chi phí được trừ | ] | + | Các khoản thu<br>nhập khác |
|-----------------------|---|---|-----------|---|------------------|---|---|----------------------------|

#### 1.5.1.2. Chứng từ sử dụng

Các chứng từ kế toán để phản ánh chi phí thuế TNDN gồm:

- Quyết toán thuế TNDN hằng năm

- Thông báo thuế và biên lai nộp

### 1.5.1.3. Tài khoản sử dụng

- Theo quy định của thông tư 133/2016/TT-BTC, để hạch toán chi phí thuế TNDN, kế toán sử dụng Tài khoản 821 “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp”.

#### ❖ Kết cấu tài khoản

| Nợ                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | TK 821                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Có |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong năm.</li> <li>- Thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện tại.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số thuế thu nhập doanh nghiệp thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp đã ghi nhận trong năm;</li> <li>- Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện tại;</li> <li>- Kết chuyển số chênh lệch giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong năm lớn hơn khoản được ghi giảm chi phí thuế TNDN trong năm vào TK 911</li> </ul> |    |

#### Tài khoản 821 không có số dư cuối kỳ

### 1.5.1.4. Phương pháp hạch toán

| TK 3334                                                                             | TK 821                                                                     | TK 911  |
|-------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|---------|
| Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp                                                  | K/C thuế thu nhập doanh nghiệp                                             |         |
| Phải nộp bổ sung thuế TNDN do sai sót không trọng yếu của năm trước                 | Giảm thuế TNDN trong năm do sai sót trọng yếu năm trước                    | TK 3334 |
| Chênh lệch số thuế TNDN trong năm do quyết toán thuế TNDN lớn hơn thuế TNDN tạm nộp | Giảm thuế TNDN trong năm do quyết toán thuế TNDN nhỏ hơn thuế TNDN tạm nộp |         |

#### Sơ đồ 1.14. Sơ đồ trình tự kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

### 1.5.2. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

#### 1.5.2.1. Khái niệm

Kết quả kinh doanh là kết quả cuối cùng về hoạt động của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán nhất định. Kết quả kinh doanh là phần chênh lệch giữa tổng doanh thu và chi phí của các hoạt động kinh tế đã thực hiện.

#### 1.5.2.2. Phương pháp xác định kết quả kinh doanh

- Kết quả hoạt động kinh doanh được xác định theo công thức sau:

$$\text{Lợi nhuận sau thuế TNDN} = \text{Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN} - \text{Chi phí thuế TNDN}$$

- Trong đó, tổng lợi nhuận trước thuế TNDN được xác định theo công thức sau:

$$\text{Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN} = \text{Lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh} + \text{Lợi nhuận khác}$$

- Trong đó, chi phí thuế TNDN được xác định theo công thức sau:

$$\text{Chi phí thuế TNDN} = \text{Thu nhập tính thuế} \times \text{Thuế suất thuế TNDN}$$

- Trong đó, lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh được xác định theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Lợi nhuận} \\ \text{thuần hoạt} \\ \text{động kinh} \\ \text{doanh} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Doanh} \\ \text{thu} \\ \text{thuần} \\ \text{BH và} \\ \text{CCDV} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Giá vốn} \\ \text{hàng} \\ \text{bán} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Doanh thu} \\ \text{hoạt động} \\ \text{tài chính} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{tài} \\ \text{chính} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{quản lý} \\ \text{kinh} \\ \text{doanh} \end{array}$$

- Trong đó, lợi nhuận khác được xác định theo công thức sau:

$$\text{Lợi nhuận khác} = \text{Thu nhập khác} - \text{Chi phí khác}$$

- Trong đó, doanh thu thuần BH và CCDV được xác định theo công thức:

$$\text{Doanh thu thuần BH và CCDV} = \text{Doanh thu BH và CCDV} - \text{Các khoản giảm trừ doanh thu}$$

#### 1.5.2.3. Tài khoản sử dụng

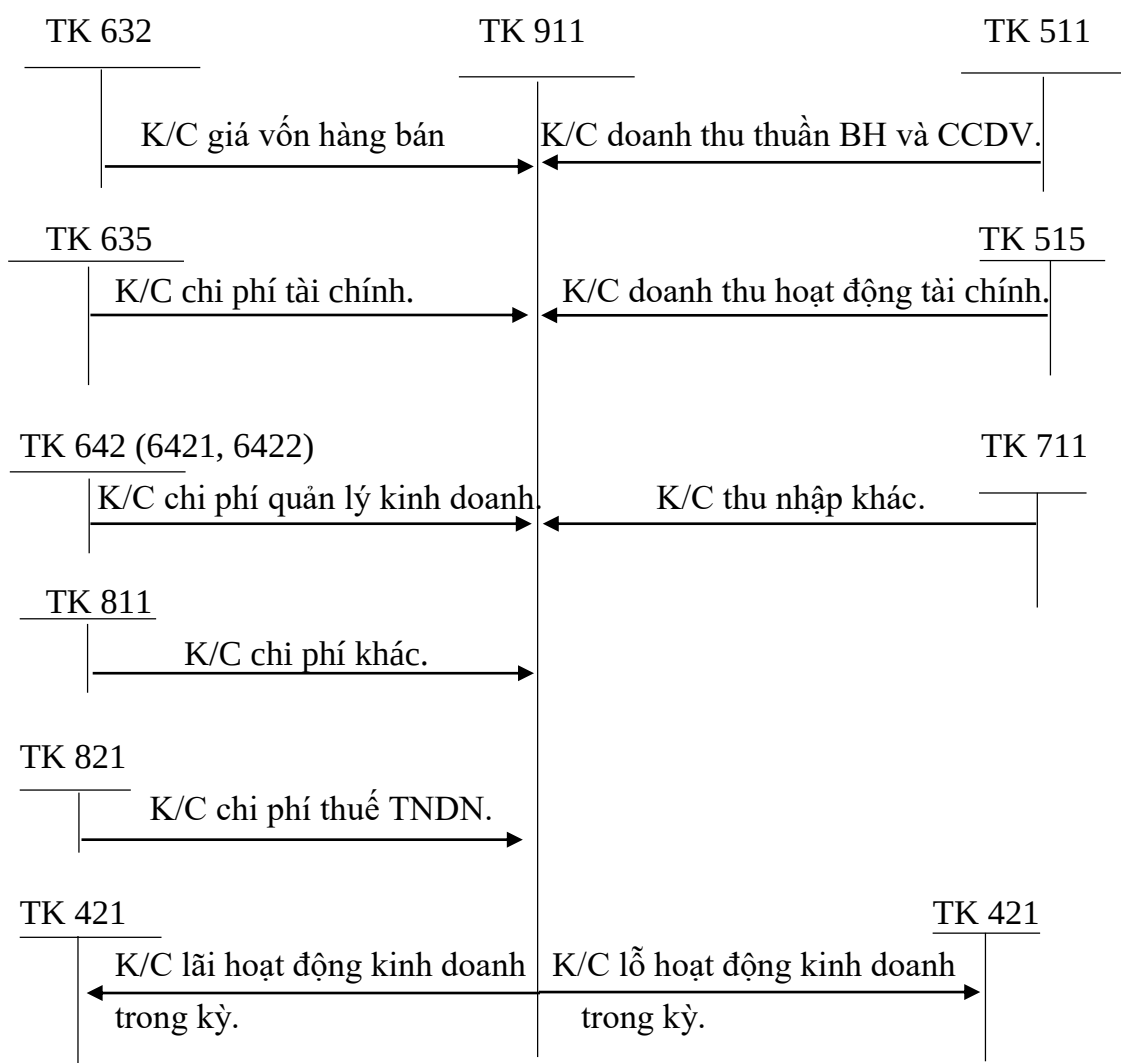
Để hạch toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh, kế toán sử dụng tài khoản 911 “Xác định kết quả hoạt động kinh doanh”.

#### ❖ Kết cấu tài khoản

| Nợ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | TK 911 | Có                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán.</li> <li>- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác.</li> <li>- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.</li> <li>- Kết chuyển lãi.</li> </ul> |        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ.</li> <li>- Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản kết chuyển giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.</li> <li>- Kết chuyển lỗ.</li> </ul> |

**Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ**

*1.5.2.4. Phương pháp hạch toán*



**Sơ đồ 1.15. Sơ đồ trình tự kế toán xác định kết quả kinh doanh**

## **CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TRUNG TÍN**

### **2.1. Tổng quan về Công ty TNHH đầu tư phát triển công nghệ Trung Tín**

#### **2.1.1. Giới thiệu chung về Công ty TNHH đầu tư phát triển công nghệ Trung Tín**

- Mã số thuế : 0402048795
- Địa chỉ : 140 Trịnh Đình Thảo, Phường Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
- Người đại diện : Đặng Trung
- SĐT : 0905394886
- Ngày hoạt động : 25-06-2020
- Loại hình doanh nghiệp : Công ty trách nhiệm hữu hạn ngoài Nhà nước

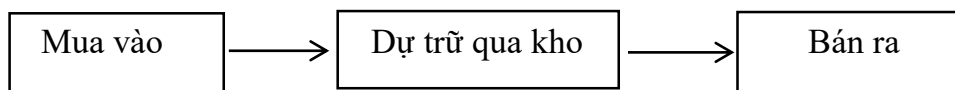
#### **2.1.2. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH đầu tư phát triển công nghệ Trung Tín**

- Công Ty TNHH đầu tư phát triển công nghệ Trung Tín, thành lập ngày 25/06/2020, có trụ sở tại 140 Trịnh Đình Thảo, Phường Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.
- Khi mới thành lập công ty có vốn điều lệ là 2.000.000.000 đồng, với sự phát triển ngày càng mạnh cho đến tháng 12 năm 2025 vốn điều lệ của công ty đã tăng lên 9.000.000.000 đồng.
- Trải qua gần 6 năm hoạt động với ngành nghề chính bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông, cho đến hiện nay công ty đã tạo cho mình một chỗ đứng trên thị trường về cung cấp các thiết bị máy tính, laptop cao cấp, và các linh kiện chính hãng.

#### **2.1.3. Đặc điểm, chức năng, nhiệm vụ của Công ty TNHH đầu tư phát triển công nghệ Trung Tín**

##### **2.1.3.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh của công ty**

- Với đặc điểm của một công ty hoạt động kinh doanh chủ yếu là mua vào bán ra nên công tác tổ chức kinh doanh của công ty là tổ chức quy trình luân chuyển hàng hóa. Quy trình luân chuyển của công ty được thực hiện qua sơ đồ sau:



##### **Sơ đồ 2.1. Quy trình luân chuyển hàng hóa**

- Công Ty TNHH đầu tư phát triển công nghệ Trung Tín là một công ty hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính và doanh nghiệp chuyên cung cấp các thiết bị công nghệ thông tin như: máy tính, máy in, chuột máy tính, màn hình máy tính... nên doanh thu của công ty được thu từ việc bán các thiết bị công nghệ đó.

- Hiện nay các sản phẩm công nghệ tại công ty đang chịu mức thuế là 8%.
- Ngoài ra đối với bộ máy vi tính, doanh nghiệp sẽ lắp ráp từ các linh kiện khác nhau và tạo thành một bộ máy tính bán cho khách hàng.
- Công ty TNHH đầu tư và phát triển công nghệ Trung Tín tập trung vào cung cấp các sản phẩm công nghệ cao cấp, đặc biệt là máy tính để bàn (PC), laptop,... sản phẩm đa dạng, chính hãng từ các thương hiệu công nghệ hàng đầu thế giới.

#### *2.1.3.2. Chức năng*

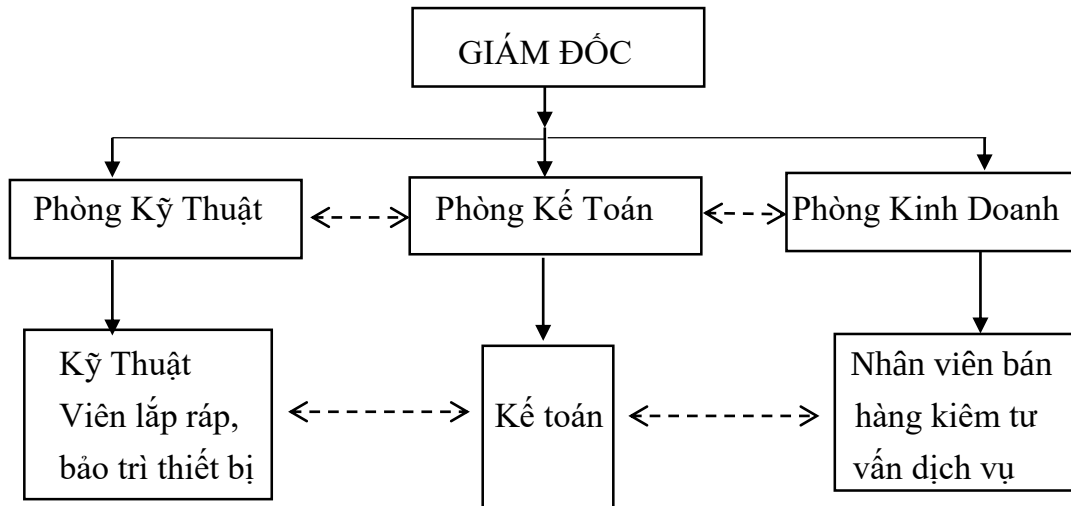
- Phân phối các sản phẩm công nghệ: Cung cấp các thiết bị máy tính, linh kiện, và thiết bị công nghệ chính hãng.
- Tư vấn và hỗ trợ kỹ thuật: Cung cấp dịch vụ tư vấn, lắp đặt và bảo trì thiết bị công nghệ phù hợp với nhu cầu khách hàng.
- Trung Tín luôn tự hào là đơn vị duy nhất tại Đà Nẵng nói riêng và Việt Nam nói chung có hệ thống hậu mãi và bảo hành tốt nhất cũng như phục vụ tận nơi bất kì khi nào khách có yêu cầu, cung cấp sản phẩm đến khắp các tỉnh thành trên toàn quốc với ưu đãi miễn phí vận chuyển cho toàn bộ các sản phẩm PC, laptop.

#### *2.1.3.3. Nhiệm vụ*

- Đáp ứng nhu cầu công nghệ: Mang đến những sản phẩm chất lượng cao, giá cả cạnh tranh để đáp ứng nhu cầu của cá nhân và doanh nghiệp.
- Thiết lập và thực hiện kế hoạch kinh doanh, luôn giữ vững phương châm hoạt động doanh thu tăng đều qua các năm, năm sau cao hơn năm trước.
- Hoàn thành tốt nghĩa vụ đối với cơ quan Nhà nước như: Nộp đầy đủ các khoản thuế GTGT, thuế TNDN,...
- Thực hiện tốt việc quản lý nhân sự và tiền lương. Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao tay nghề cho đội ngũ công nhân viên, thúc đẩy quá trình chuyên môn hóa trong sản xuất, ổn định đời sống nhân viên.
- Cam kết nghiêm túc thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng kinh tế kí kết với khách hàng. Luôn tạo mối quan hệ hợp tác uy tín, chất lượng với khách hàng.
- Thực hiện đầy đủ các báo cáo với chi cục thuế quản lý, cục thống kê, sở kế hoạch đầu tư.

### **2.1.4. Tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty TNHH đầu tư phát triển công nghệ Trung Tín**

#### *2.1.4.1. Khát quát bộ máy quản lý tại công ty*



**Sơ đồ 2.2. Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý tại công ty**

Ghi chú:

Quan hệ chỉ đạo  $\longrightarrow$

Quan hệ phối hợp  $\longleftrightarrow$

#### 2.1.4.2. Chức năng, nhiệm vụ của các bộ phận

##### a. Giám đốc:

- Là người đại diện pháp luật, chịu trách nhiệm quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Ngoài ra là người đại diện cho mọi nghĩa vụ, quyền hạn của Công ty trước Pháp luật và cơ quan Nhà nước. Giám đốc công ty thực hiện các chức năng sau:

- + Đại diện ký kết các hợp đồng, văn bản liên quan đến công ty.
- + Bổ nhiệm, miễn nhiệm trực tiếp các chức danh Kế toán trưởng, trưởng bộ phận và các nhân viên của công ty .
- + Quyết định các chính sách đãi ngộ (lương, phụ cấp) của nhân viên công ty.

##### b. Phòng kỹ thuật: Gồm có 4 nhân viên kỹ thuật

- Bộ phận này thực hiện các kế hoạch, chịu trách nhiệm về kỹ thuật lắp đặt, sửa chữa các thiết bị công nghệ cho khách hàng. Tham mưu giúp việc cho giám đốc trong công tác quản lý kỹ thuật.
- Hỗ trợ phòng kinh doanh bàn giao, giao nhận hàng hóa.
- Hỗ trợ khách hàng về kỹ thuật, tính năng bảo hành của các thiết bị công nghệ.
- Hỗ trợ lắp đặt thiết bị, bảo trì sản phẩm

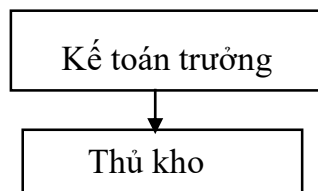
##### c. Phòng kinh doanh: Gồm 2 nhân viên bán hàng

- Xây dựng các kế hoạch kinh doanh, các chiến lược bán hàng, tiếp thị sản phẩm và đưa ra các định hướng kinh doanh trong tương lai, phân tích thị trường để tìm kiếm cơ hội kinh doanh mới.

- Tiếp thị, nghiên cứu thị trường và các đối thủ cạnh tranh để đưa ra mức giá bán hợp lý, thực hiện các chương trình bán hàng.
  - Xây dựng và duy trì mối quan hệ với khách hàng, đồng thời tìm kiếm những khách hàng tiềm năng.
  - Phân tích hiệu quả kinh doanh, theo dõi, kiểm tra và lập báo cáo tình hình kinh doanh của công ty định kỳ hàng tháng, quý, năm theo yêu cầu của tổng giám đốc.
- d. Phòng kế toán: Tại công ty TNHH đầu tư phát triển công nghệ Trung Tín, Kế toán trưởng là người chịu trách nhiệm quản lý bộ phận này.
- Hỗ trợ giám đốc xây dựng các kế hoạch tài chính liên quan đến quá trình khai thác và luân chuyển vốn.
  - Thu thập, xử lý các dữ liệu kế toán đầu vào và kết xuất thông tin như báo cáo tài chính và báo cáo thuế định kì theo quy định của pháp luật.
  - Lập các kế hoạch thu chi tài chính, kế hoạch phân phối lợi nhuận, quản lý các nguồn vốn, thực hiện các nghĩa vụ tài chính với nhà nước, quyết toán tài chính, quan hệ với các ngân hàng, các cơ quan tài chính có liên quan đến tài chính, kế toán.

#### **2.1.5. Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty TNHH đầu tư phát triển công nghệ Trung Tín**

##### **2.1.5.1. Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty**



#### **Sơ đồ 2.3. Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán**

Ghi chú:

Quan hệ chỉ đạo —————>

##### **2.1.5.2. Chức năng, nhiệm vụ từng bộ phận**

###### **a. Kế toán trưởng**

- Là người đứng ra chịu trách nhiệm giải trình về công tác kế toán với giám đốc và các cơ quan nhà nước.
- Điều hành công tác kế toán và giúp giám đốc trong việc quản lý, điều hành tổ chức và chỉ đạo công tác kế toán công ty.
- Ghi chép tất cả các công việc liên quan đến nghiệp vụ bán hàng của doanh nghiệp, từ ghi hóa đơn bán hàng, ghi sổ chi tiết doanh thu bán hàng, ghi sổ chi tiết hàng xuất bán. Theo dõi công nợ phải thu cũng như phải trả. Cuối kỳ lập bảng tổng hợp bán hàng.

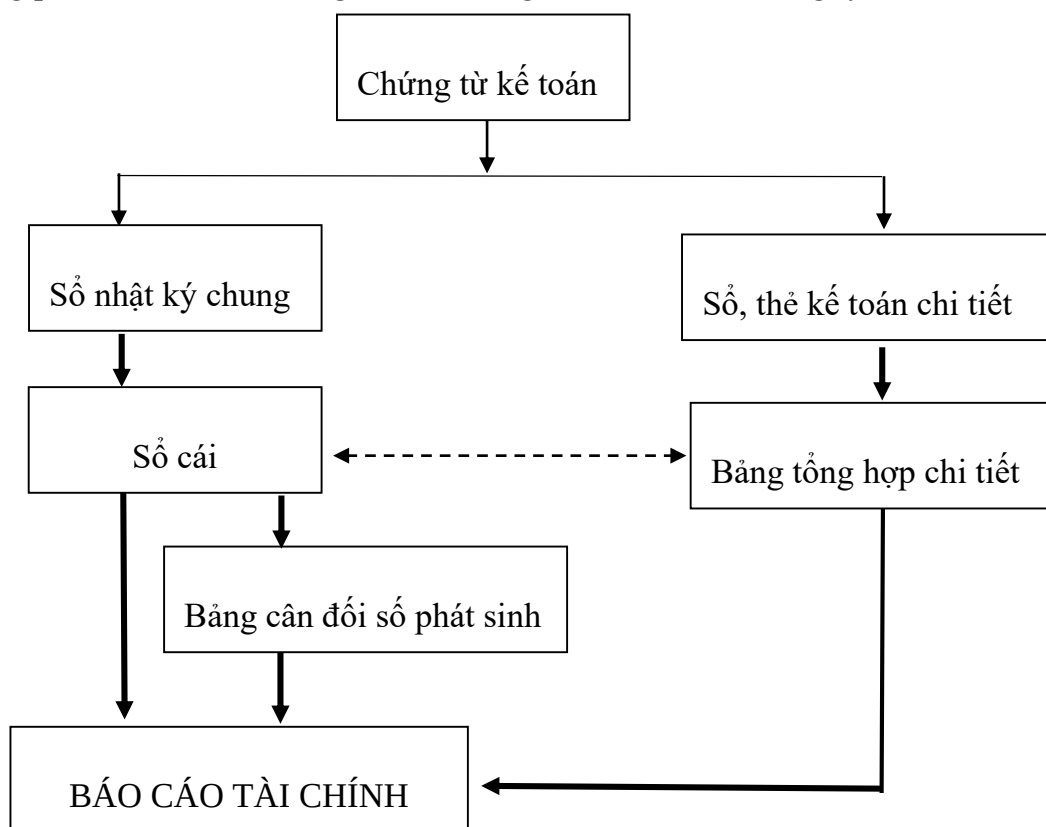
- Tổ chức hạch toán và tổng hợp số liệu, lập báo cáo quyết toán, xác định kết quả hoạt động kinh doanh ...Định kỳ lập các BCTC theo quy định.
- Trực tiếp làm việc với cơ quan thuế khi có nghiệp vụ phát sinh; Lập báo cáo thuế hàng quý, hàng năm; Kiểm tra đối chiếu hóa đơn GTGT với bảng kê đầu vào, bảng kê đầu ra; Theo dõi, báo cáo tình hình nộp thuế, hoàn thuế của công ty; Cập nhật kịp thời các thông tin về Luật thuế, soạn thông báo các nghiệp vụ quy định của Luật thuế có liên quan đến hoạt động kinh doanh của công ty;...

**b. Thủ kho**

Thực hiện việc nhập xuất hàng cho những bộ phận có liên quan. Theo dõi tồn kho, chứng từ nhập, xuất hàng theo đúng quy định.

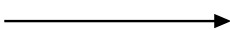
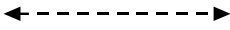
**2.1.6. Hình thức ghi sổ kế toán**

Để phù hợp với đặc điểm tổ chức, quy mô hoạt động và đặc điểm của ngành nghề kinh doanh, công ty đã áp dụng hình thức kế toán “ Nhật ký chung” đồng thời đã sử dụng phần mềm Excel trong tổ chức công tác kế toán của công ty.

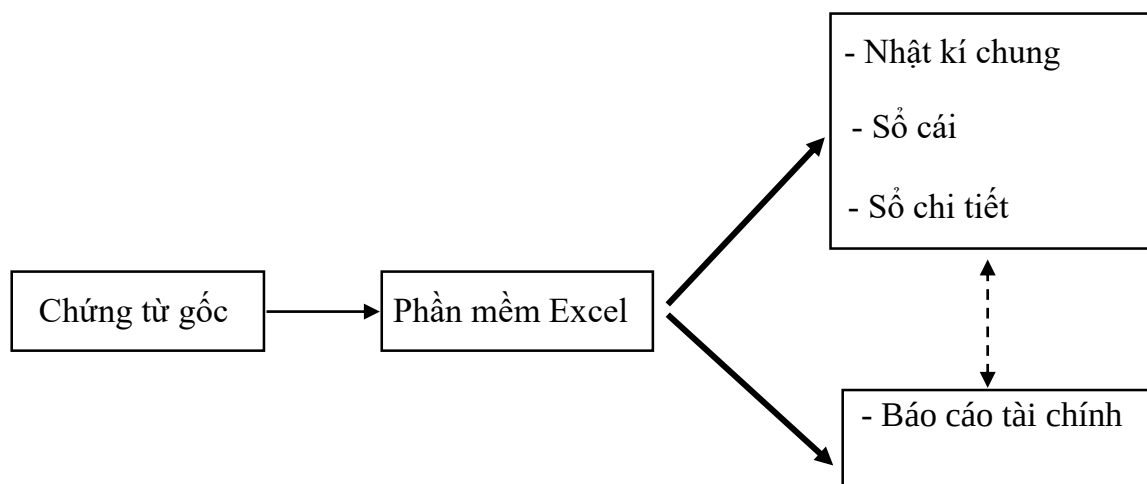


**Sơ đồ 2.4. Sơ đồ hình thức ghi sổ kế toán**

**Ghi chú:**

Ghi hàng ngày :   
 Ghi cuối tháng :   
 Đối chiếu, kiểm tra: 

\*Sơ đồ ghi sổ kế toán bằng Excel:



**Sơ đồ 2.5. Sơ đồ ghi sổ kế toán bằng Excel**

#### **Ghi chú:**

Ghi hàng ngày :

In sổ báo cáo cuối quý, cuối năm:

Đối chiếu, kiểm tra:



+ Hàng ngày, căn cứ vào các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh kế toán đều ghi vào sổ Nhật ký chung, sau đó ghi vào Sổ cái các tài khoản phù hợp.

+ Đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ chi tiết liên quan.

+ Cuối tháng, cuối quý, cuối năm: cộng số liệu trên sổ cái, lập bảng cân đối phát sinh. Sau khi kiểm tra đối chiếu khớp đúng số liệu ghi trên sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ kế toán chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính. Cuối cùng là tiến hành lưu trữ cẩn thận các sổ và chứng từ kế toán.

#### **2.1.7. Chế độ, chính sách kế toán**

- Chế độ kế toán: Công ty áp dụng chế độ kế toán tuân theo Thông tư 133/2016/TTBTC ban hành ngày 26 tháng 08 năm 2016 của Bộ Tài Chính.
- Niên độ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 năm dương lịch.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng: Việt Nam Đồng.
- Phương pháp tính thuế GTGT: Tính thuế theo phương pháp khấu trừ.
- Phương pháp khấu hao tài sản cố định: tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

- Thời gian trích khấu hao được áp dụng theo Thông tư 45/2013/TT-BTC
- Phương pháp tính giá hàng tồn kho: Tính giá hàng tồn kho theo phương pháp bình quân cuối kỳ.
- Hình thức ghi sổ: Nhật ký chung kết hợp Excel .

## **2.2. Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH đầu tư phát triển công nghệ Trung Tín**

### **2.2.1. Kế toán hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ**

*2.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu ở Công ty TNHH đầu tư phát triển công nghệ Trung Tín*

*a, Nội dung doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

- Quy trình tạo doanh thu:

Khách hàng đặt hàng → Kiểm tra tồn kho và xác nhận đơn đặt hàng → Xuất kho hàng hóa → Lập hóa đơn GTGT → Giao hàng cho khách → Ghi nhận doanh thu và thuế GTGT → Theo dõi và thu tiền từ khách hàng

- Công ty áp dụng mức VAT đầu ra 8% là do:

+ Máy tính và nhiều sản phẩm liên quan trước đây chịu VAT 10% theo luật thuế GTGT.

+ Tuy nhiên, trong giai đoạn giảm thuế theo chính sách hỗ trợ, nếu mặt hàng đó không nằm trong danh sách loại trừ, thì công ty được tính thuế VAT 8% khi bán ra cho khách hàng.

### ***Căn cứ văn bản pháp luật:***

Việc giảm thuế này được thực hiện theo các văn bản pháp luật của Quốc hội và Chính phủ:

\* *Nghị quyết của Quốc hội:* Quốc hội Việt Nam ban hành nghị quyết về giảm VAT từ 10% xuống 8% cho nhiều loại hàng hóa và dịch vụ trong một khoảng thời gian nhất định, nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

\* *Nghị định của Chính phủ:* Nghị định của Chính phủ (ví dụ như Nghị định 174/2025/NĐ-CP và tương tự) quy định chi tiết:

- VAT giảm còn 8% đối với các nhóm hàng hóa, dịch vụ trước đây chịu thuế 10%.
- Áp dụng trong thời gian nhất định (từ 01/07/2025 đến 31/12/2026 theo nghị định mới nhất) trừ một số trường hợp ngoại lệ như viễn thông, tài chính – ngân hàng, bất động sản, sản phẩm kim loại...
- Các nghị định này cụ thể hóa đối tượng và điều kiện áp dụng thuế suất 8%, ngày hiệu lực, và cách kê khai trên hóa đơn VAT.

\* *Luật Thuế Giá trị gia tăng (hiện hành)*: Luật Thuế GTGT quy định các mức thuế suất cơ bản (0%, 5%, 8%, 10%) và nguyên tắc lựa chọn mức thuế cho từng loại hàng hóa, dịch vụ. Việc giảm từ 10% xuống 8% là điều chỉnh tạm thời dựa trên nghị quyết và nghị định.

- Doanh nghiệp là đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ nên khi bán hàng sẽ lập hóa đơn GTGT thể hiện rõ tiền thuế và giá bán chưa thuế.

- Công ty áp dụng 2 loại hóa đơn:

+ Hóa đơn giá trị gia tăng: chủ yếu xuất cho doanh nghiệp yêu cầu hóa đơn để hạch toán.

+ Hóa đơn khởi tạo từ máy tính tiền: chủ yếu xuất cho khách lẻ không yêu cầu hóa đơn (*Theo quy định tại Điều 11 Nghị định 123/2020/NĐ-CP được sửa đổi bởi khoản 8 Điều 1 Nghị định 70/2025/NĐ-CP hiệu lực từ ngày 01/06/2025*).

- Phương thức bán hàng: chủ yếu bán trực tiếp cho khách cá nhân hoặc doanh nghiệp thông qua cửa hàng.

- Phương thức thanh toán: Tiền mặt hoặc chuyển khoản

#### *b, Chứng từ sử dụng*

- Chủ yếu sử dụng để ghi nhận doanh thu là hóa đơn GTGT, ngoài ra còn sử dụng:

+ Phiếu xuất kho

+ Giấy báo có của ngân hàng

#### *c, Tài khoản sử dụng*

*Theo điều 57 thông tư 133/2016 TT-BTC, Công ty sử dụng tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ”*

- Tài khoản 511-Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ các khoản giảm trừ doanh thu của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất, kinh doanh từ các giao dịch và các nghiệp vụ bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác.

- Là một công ty có tính chất thương mại nên doanh thu của công ty là doanh thu bán hàng và tài khoản sử dụng là TK 511

+ Tài khoản 5111- Doanh thu bán hàng hóa: Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng hàng hóa được xác định là đã bán trong một kỳ kế toán của doanh nghiệp.

#### *d, Sổ sách sử dụng*

- Sổ chi tiết TK 5111

- Sổ nhật ký chung

- Sổ cái TK 511

*e, Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH đầu tư phát triển công nghệ Trung Tín*

**\*Nghịệp vụ minh họa số 1:** Ngày 04/12/2025 Công Ty TNHH đầu tư phát triển công nghệ Trung Tín bán cho Công Ty TNHH kinh doanh và dịch vụ Bảo Châu theo hóa đơn GTGT số 501 với số tiền chưa VAT là 103.379.630 với thuế 8% là 8.270.370. Khách hàng chưa thanh toán tiền hàng.

**\* Trình tự quy trình luân chuyển chứng từ và ghi sổ tại Công Ty TNHH đầu tư phát triển công nghệ Trung Tín**

- Khi khách hàng đến cửa hàng, xem các sản phẩm, khách hàng có thể trực tiếp đến cửa hàng để xem trực tiếp và lựa chọn các thiết bị công nghệ như máy tính, máy in, các linh kiện máy tính...hoặc đặt mua online giao tận nhà.

- Khi có đề nghị mua hàng nhân viên bán hàng sẽ lập bảng báo giá, sau khi khách hàng đồng ý mua thì lập hợp đồng mua bán sau đó sẽ giao cho thủ kho tiến hành kiểm tra số lượng hàng trên đơn đặt, soạn hàng đồng thời lập phiếu xuất kho. Cùng theo đó kế toán tiến hành lập hóa đơn GTGT và chuyển cho giám đốc hoặc kế toán trưởng ký. Sau đó kế toán tiến hành lập phiếu thu (nếu là bán hàng thu tiền ngay) hoặc nếu khách hàng thanh toán bằng chuyển khoản, kế toán kiểm tra giấy báo có.

- Khi khách hàng nhận hàng và thanh toán đủ cho công ty ( bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản), dựa vào hóa đơn GTGT và phiếu thu hoặc giấy báo có, kế toán sẽ tiến hành ghi nhận doanh thu.

Sau khi Công ty TNHH kinh doanh và dịch vụ Bảo Châu đồng ý mua hàng, kế toán tiến hành lập hóa đơn điện tử trên phần mềm **VIN-HOADON**. Hóa đơn số 501 được lập theo các bước sau:

**Bước 1:** Vào trang VIN-HOADON

Đăng nhập vào **VIN-HOADON** bằng mã số thuế và mật khẩu của Công ty

**Bước 2:** Để tạo hóa đơn GTGT đầu tiên vào mục hóa đơn đầu ra: chọn “thêm mới”

→ chọn “hóa đơn giá trị gia tăng”

**Bước 3:** Nhập đầy đủ các thông tin của hóa đơn GTGT như: ký hiệu hóa đơn, ngày hóa đơn, số hóa đơn, tên người mua, số tiền, tên hàng hóa...Sau đó bấm thêm chi tiết để nhập thông tin hàng hóa.

**Bước 4:** Sau khi nhập và kiểm tra đầy đủ thông tin bấm “ghi lại”. Khi đó tại giao diện hóa đơn đầu ra, dòng hóa đơn mới tạo, bấm “ký” → bấm chữ ký số của công ty vào và nhập mã pin, phần mềm sẽ ký vào hóa đơn và được thể hiện theo mẫu sau:



**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG**  
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử  
(Electronic invoice display)

Ngày (date) 04 tháng (month) 12 năm (year) 2025

Mã QGT: 00D656D87B751E4ADE8986BA73576952D8

Ký hiệu (Serial No): 1C25TTT  
Số (No.): 501

Đơn vị bán hàng (Seller): **CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TRUNG TÍN**

Mã số thuế (Tax code): 0402048795

Địa chỉ (Address): 61 Bùi Công Trùng, Phường Hòa Xuân, TP Đà Nẵng, Việt Nam

Điện thoại (Tel): 0905394886

Email: trungtin.nhanhoadon@gmail.com

Fax:

Website: https://trungtinpc.vn/

Số tài khoản (A/C No): 83862999 NGÂN HÀNG TMCP KỸ THUẬT VIỆT NAM (TECHCOMBANK)

Họ tên người mua hàng (Buyer's fullname):

Tên đơn vị (Company's name): **CÔNG TY TNHH KINH DOANH VÀ DỊCH VỤ BẢO CHẨU**

Địa chỉ (Address): Số 02, Nhà G11, KTT Kho 708, Xã Ngọc Hồi, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mã số thuế (Tax code): 0109124356

Mã đơn vị quan hệ ngân sách (Budget unit code):

Hình thức thanh toán (Payment method): Chuyển khoản

Số tài khoản (A/C No):

| STT<br>(No.)                                                                           | Tên hàng hóa, dịch vụ<br>(Description)                                                            | Đơn vị tính<br>(Unit) | Số lượng<br>(Quantity)       | Đơn giá<br>(Unit price) | Thành tiền<br>(Amount) |
|----------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|------------------------------|-------------------------|------------------------|
| (1)                                                                                    | (2)                                                                                               | (3)                   | (4)                          | (5)                     | (6) = (4) x (5)        |
| 1                                                                                      | Bộ nhớ trong của máy vi tính KINGSTON 16G D5 - 5600 40 - 40 FURY BEAST ( KF556C40BB - 16WP )      | Cái                   | 10                           | 3.453.703,7             | 34.537.037             |
| 2                                                                                      | Bộ nhớ trong của máy vi tính KINGSTON 32G D5 - 5600 40 - 40 FURY BEAST K2 ( KF556C40BBK2 - 32WP ) | bộ                    | 5                            | 6.768.518,52            | 33.842.593             |
| 3                                                                                      | Bộ nhớ trong của máy vi tính KINGSTON 32G D5 - 560040 FURY Beast RGB K2 ( KF556C40BBAK2- 32 )     | bộ                    | 5                            | 7.000.000               | 35.000.000             |
| Cộng tiền hàng (Total amount):                                                         |                                                                                                   |                       |                              |                         | 103.379.630            |
| Thuế suất GTGT (VAT Rate): 8%                                                          |                                                                                                   |                       | Tiền thuế GTGT (VAT amount): |                         | 8.270.370              |
| Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):                                             |                                                                                                   |                       |                              |                         | 111.650.000            |
| Số tiền viết bằng chữ (In words): Một trăm mười một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng |                                                                                                   |                       |                              |                         |                        |

Người mua hàng (Buyer)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign & Fullname)

Người bán hàng (Seller)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign & Fullname)

Signature valid

Được ký bởi: **CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ  
PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TRUNG TÍN**

Ngày ký: 04 / 12 / 2025

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Tra cứu hóa đơn điện tử tại trang web: <http://tracuu.vin-hoadon.com> Mã số tra cứu: 2G5YGG224/KCC  
Đơn vị cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VISNAM, MST: 0401486901

**Hình 2.1. Hóa đơn 501 ngày 04 tháng 12 năm 2025**

\* **Nghiệp vụ minh họa số 2:** Ngày 12/12/2025 Công Ty TNHH đầu tư phát triển công nghệ Trung Tín bán cho Nguyễn Thịn theo hóa đơn GTGT số 47 với số tiền chưa VAT là 5.740.741 với thuế 8% là 459.259. Khách hàng thanh toán bằng tiền mặt.

| <b>Đơn vị bán hàng (Seller): CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TRUNG TÍN</b><br><b>Mã số thuế (Tax code): 0402048795</b><br><b>Địa chỉ (Address): 140 Trịnh Đình Thảo, Phường Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam</b><br><b>Điện thoại (Tel): 0905394886</b> <b>Email: trungtin.nhanhoadon@gmail.com</b><br><b>Fax:</b> <b>Website: https://trungtinpc.vn/</b><br><b>Số tài khoản (A/C No): 83862999 NGÂN HÀNG TMCP KỸ THƯƠNG VIỆT NAM (TECHCOMBANK)</b> |                                                  |                                |                        |                                                                                               |                                                            |                                       |                                      |                                                         |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|--------------------------------|------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|---------------------------------------|--------------------------------------|---------------------------------------------------------|
| <b>HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b><br><b>(VAT INVOICE)</b><br>Bản thể hiện của hóa đơn điện tử<br>(Electronic invoice display)<br>Ngày (date) 12 tháng (month) 12 năm (year) 2025<br><b>Mã QGT: M1-25-SVHQ4-00001455189</b>                                                                                                                                                                                                                                        |                                                  |                                |                        |                                                                                               |                                                            |                                       |                                      |                                                         |
| <b>Họ tên người mua hàng (Buyer's fullname): NGUYỄN THỊN</b><br><b>Tên đơn vị (Company's name):</b><br><b>Địa chỉ (Address): ĐÀ NẴNG</b><br><b>Mã số thuế (Tax code):</b><br><b>Hình thức thanh toán (Payment method): Tiền mặt</b><br><b>Số tài khoản (A/C No):</b><br><b>Mã đơn vị quan hệ ngân sách:</b>                                                                                                                                                     |                                                  |                                |                        |                                                                                               |                                                            |                                       |                                      |                                                         |
| STT<br>(No.)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Tên hàng hóa, dịch vụ<br>(Description)           | Đơn<br>vị<br>(Unit)            | Số lượng<br>(Quantity) | Đơn giá<br>(Unit price)                                                                       | Thành tiền<br>trước thuế<br>GTGT<br>(Amount before<br>VAT) | Thuế suất<br>GTGT(%)<br>(VAT rate)    | Tiền thuế<br>GTGT<br>(VAT<br>amount) | Thành tiền<br>sau thuế<br>GTGT<br>(Amount<br>after VAT) |
| 1                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Card đồ họa ASUS DUAL-RTX3050-6G_90YV0K61-MINA00 | chiếc                          | 2                      | 2.870.370,37                                                                                  | 5.740.741                                                  | 8%                                    | 459.259                              | 6.200.000                                               |
| <b>Tổng hợp</b><br>(Summary)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                  | <b>Thuế suất</b><br>(VAT rate) |                        | <b>Trị giá chưa thuế GTGT</b><br>(Amount before VAT)                                          |                                                            | <b>Tiền thuế GTGT</b><br>(VAT amount) |                                      | <b>Giá trị thanh toán</b><br>(Total amount)             |
| Tổng tiền không tính thuế GTGT:                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                  | /                              |                        |                                                                                               |                                                            |                                       |                                      |                                                         |
| Tổng tiền không chịu thuế GTGT:                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                  | /                              |                        |                                                                                               |                                                            |                                       |                                      |                                                         |
| Tổng tiền chịu thuế suất:                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                  | 0%                             |                        |                                                                                               |                                                            |                                       |                                      |                                                         |
| Tổng tiền chịu thuế suất:                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                  | 5%                             |                        |                                                                                               |                                                            |                                       |                                      |                                                         |
| Tổng tiền chịu thuế suất:                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                  | 8%                             |                        | 5.740.741                                                                                     |                                                            | 459.259                               |                                      | 6.200.000                                               |
| Tổng tiền chịu thuế suất:                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                  | 10%                            |                        |                                                                                               |                                                            |                                       |                                      |                                                         |
| <b>Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                  |                                |                        | <b>5.740.741</b>                                                                              |                                                            | <b>459.259</b>                        |                                      | <b>6.200.000</b>                                        |
| <b>Tổng số tiền viết bằng chữ (Amount in words): Sáu triệu hai trăm nghìn đồng</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                  |                                |                        |                                                                                               |                                                            |                                       |                                      |                                                         |
| Người mua hàng (Buyer)<br>(Ký, ghi rõ họ tên)<br>(Sign & Fullname)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                  |                                |                        | Người bán hàng (Seller)<br>(Ký, ghi rõ họ tên)<br>(Sign & Fullname)                           |                                                            |                                       |                                      |                                                         |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                  |                                |                        | Được ký bởi: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ<br>PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TRUNG TÍN<br>Ngày ký: 12 / 12 / 2025 |                                                            |                                       |                                      |                                                         |

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)  
 Tra cứu hóa đơn điện tử tại trang web: <http://tracuu.yin-hoadon.com> Mã số tra cứu: 2TZL2SZFNXBE  
 Đơn vị cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VISNAM, MST: 0401486901

**Hình 2.2. Hóa đơn 47 ngày 12 tháng 12 năm 2025**

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TRUNG TÍN  
Địa chỉ :140 Trịnh Đình Thảo, Phường Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng,  
Mã số thuế : 0402048795

Mẫu số : 01 - TT  
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC  
ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

## PHIẾU THU

Ngày 12 tháng 12 năm 2025

Số : 583

Nợ 1111: 6.200.000

Có 5111: 5.740.741

33311: 459.259

Họ và tên người nộp tiền : NGUYỄN THIN

Địa chỉ : ĐÀ NẴNG

Lý do nộp : Card đồ họa ASUS DUAL-RTX3050-6G\_90YV0K61-M1NA00 Ngày: 12/12/2025

Số tiền : **6.200.000** (Viết bằng chữ) : Sáu triệu hai trăm ngàn đồng

Kèm theo :47

Ngày 12 tháng 12 năm 2025

Giám đốc  
(Ký,họ tên,đóng dấu)

Kế toán trưởng  
(Ký họ tên)

Người nộp tiền  
(Ký,họ tên)

Người lập phiếu  
(Ký,họ tên)

Thủ quỹ  
(Ký,họ tên)

### ***Hình 2.3. Phiếu thu tiền theo HĐ 47 ngày 12 tháng 12 năm 2025***

- Sau đó, căn cứ vào hóa đơn GTGT kế toán sẽ hạch toán nghiệp vụ phát sinh vào sổ chi tiết TK 5111, sổ nhật ký chung sau đó là sổ cái TK 511

Trích sổ chi tiết TK 5111 ( Xem trang số 41 )

Trích nhật ký chung ( Xem trang số 42 )

Trích sổ cái TK 511 ( Xem trang số 43 )

**Công ty TNHH đầu tư phát triển công nghệ Trung Tín**  
**Địa chỉ: 140 Trịnh Đình Thảo, Phường Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam**

Ban hành theo 133/2016/TT-BTC  
 Ngày 26/08/2016 của bộ tài chính

**SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN**  
**5111: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**  
*Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025*

| Ngày, tháng<br>ghi sổ | Chứng từ   |                   | Diễn giải                                             | TK<br>đối<br>ứng | Số phát sinh          |                       | Số dư |                |
|-----------------------|------------|-------------------|-------------------------------------------------------|------------------|-----------------------|-----------------------|-------|----------------|
|                       | Số<br>hiệu | Ngày tháng        |                                                       |                  | Nợ                    | Có                    | Nợ    | Có             |
|                       |            |                   | <b>Số dư đầu kỳ</b>                                   |                  |                       |                       |       |                |
|                       | ...        |                   | ...                                                   |                  |                       | ...                   |       |                |
| 22/01/2025            | 19         | 22/01/2025        | Bán hàng theo HĐ 19                                   | 131              |                       | 8.227.273             |       | 584.650.040    |
| 03/03/2025            | 84         | 03/03/2025        | Bán hàng theo HĐ 84                                   | 131              |                       | 34.010.909            |       | 1.887.948.127  |
|                       | ...        |                   | ...                                                   |                  |                       | ...                   |       |                |
| 18/06/2025            | 178        | 18/06/2025        | Bán hàng theo HĐ 178                                  | 112              |                       | 46.404.546            |       | 5.589.428.762  |
| 26/10/2025            | 430        | 26/10/2025        | Bán hàng theo HĐ 430                                  | 112              |                       | 63.888.888            |       | 10.410.437.624 |
|                       | ...        |                   | ...                                                   |                  |                       | ...                   |       |                |
| 04/12/2025            | 501        | 04/12/2025        | Bán hàng theo HĐ 501                                  | 131              |                       | 103.379.630           |       | 11.752.387.779 |
| 12/12/2025            | 47         | 12/12/2025        | Bán hàng theo HĐ 47                                   | 1111             |                       | 5.740.741             |       | 12.138.469.540 |
| 30/12/2025            | 573        | 30/12/2025        | Bán hàng theo HĐ 573                                  | 131              |                       | 24.250.001            |       | 12.873.718.338 |
| <b>31/12/2025</b>     | <b>001</b> | <b>31/12/2025</b> | <b>K/c Doanh thu bán hàng để<br/>xác định kết quả</b> | <b>911</b>       | <b>12.873.718.338</b> |                       |       |                |
|                       |            |                   | <b>Cộng phát sinh trong kỳ</b>                        |                  | <b>12.873.718.338</b> | <b>12.873.718.338</b> |       |                |
|                       |            |                   | <b>Số dư cuối kỳ</b>                                  |                  |                       |                       |       |                |

**Kế toán trưởng**  
 (Ký, ghi rõ họ và tên)

Ngày 31 Tháng 12 Năm 2025  
**Người ghi sổ**  
 (Ký, ghi rõ họ và tên)

| Công ty TNHH đầu tư phát triển công nghệ Trung Tín<br>Địa chỉ: 140 Trịnh Đình Thảo, Phường Cẩm Lệ,<br>Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam |                   |                |                             | Ban hành theo TT số 133/2016/TT- BTC<br>Ngày 26/08/2016 của bộ tài chính |                 |                 |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|----------------|-----------------------------|--------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------------|
| SỔ NHẬT KÍ CHUNG<br>Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025                                                                        |                   |                |                             |                                                                          |                 |                 |
| Ngày,<br>tháng ghi<br>số                                                                                                          | Chứng từ          |                | Diễn giải                   | Tài<br>khoản<br>đối<br>ứng                                               | Số phát sinh    |                 |
|                                                                                                                                   | Số<br>chứng<br>từ | Ngày,<br>tháng |                             |                                                                          | Nợ              | Có              |
| ...                                                                                                                               | ...               |                | ...                         | ...                                                                      | ...             |                 |
| 01/12/2025                                                                                                                        | 486               | 01/12/2025     | Bán hàng theo HĐ 486        |                                                                          |                 |                 |
|                                                                                                                                   |                   |                | Phải thu của khách hàng     | 131                                                                      | 11.280.000      |                 |
|                                                                                                                                   |                   |                | Doanh thu hàng hóa          | 5111                                                                     |                 | 10.444.444      |
|                                                                                                                                   |                   |                | Thuế GTGT đầu ra            | 33311                                                                    |                 | 835.556         |
| 01/12/2025                                                                                                                        | 486               | 01/12/2025     | Bán hàng theo HĐ 486        |                                                                          |                 |                 |
|                                                                                                                                   |                   |                | Giá vốn hàng hóa            | 632                                                                      | 10.317.123      |                 |
|                                                                                                                                   |                   |                | Hàng hóa                    | 1561                                                                     |                 | 10.317.123      |
| ...                                                                                                                               |                   | ...            | ...                         |                                                                          | ...             | ...             |
| 04/12/2025                                                                                                                        | 501               | 04/12/2025     | Bán hàng theo HĐ 501        |                                                                          |                 |                 |
|                                                                                                                                   |                   |                | Phải thu của khách hàng     | 131                                                                      | 111.650.000     |                 |
|                                                                                                                                   |                   |                | Doanh thu hàng hóa          | 5111                                                                     |                 | 103.379.630     |
|                                                                                                                                   |                   |                | Thuế GTGT đầu ra            | 33311                                                                    |                 | 8.270.370       |
| 04/12/2025                                                                                                                        | 501               | 04/12/2025     | Bán hàng theo HĐ 501        |                                                                          |                 |                 |
|                                                                                                                                   |                   |                | Giá vốn hàng hóa            | 632                                                                      | 103.194.440     |                 |
|                                                                                                                                   |                   |                | Hàng hóa                    | 1561                                                                     |                 | 103.194.440     |
| ...                                                                                                                               |                   | ...            | ...                         |                                                                          | ...             | ...             |
| 12/12/2025                                                                                                                        | 47                | 12/12/2025     | Bán hàng theo HĐ 47         |                                                                          |                 |                 |
|                                                                                                                                   |                   |                | Phải thu của khách hàng     | 1111                                                                     | 6.200.000       |                 |
|                                                                                                                                   |                   |                | Doanh thu hàng hóa          | 5111                                                                     |                 | 5.740.741       |
|                                                                                                                                   |                   |                | Thuế GTGT đầu ra            | 33311                                                                    |                 | 459.259         |
| 12/12/2025                                                                                                                        | 47                | 12/12/2025     | Bán hàng theo HĐ 47         |                                                                          |                 |                 |
|                                                                                                                                   |                   |                | Giá vốn hàng hóa            | 632                                                                      | 5.694.440       |                 |
|                                                                                                                                   |                   |                | Hàng hóa                    | 1561                                                                     |                 | 5.694.440       |
| ...                                                                                                                               |                   | ...            | ...                         |                                                                          | ...             | ...             |
| 31/12/2025                                                                                                                        | 001               | 31/12/2025     | Kết chuyển doanh thu        |                                                                          |                 |                 |
|                                                                                                                                   |                   |                | Doanh thu bán hàng          | 5111                                                                     | 12.873.718.338  |                 |
|                                                                                                                                   |                   |                | Xác định kết quả kinh doanh | 911                                                                      |                 | 12.873.718.338  |
|                                                                                                                                   |                   |                | Tổng cộng                   |                                                                          | 101.333.642.113 | 101.333.642.113 |
| Kế toán trưởng<br>(Ký, ghi rõ họ và tên)                                                                                          |                   |                |                             | Ngày 31 tháng 12 năm 2025<br>Người ghi sổ<br>(Ký, ghi rõ họ và tên)      |                 |                 |

| <b>Công ty TNHH đầu tư phát triển công nghệ Trung Tín</b> Ban hành theo TT số 133/2016/TT- BTC<br><b>Địa chỉ: 140 Trịnh Đình Thảo, Phường Cẩm Lệ,</b> Ngày 26/08/2016 của bộ tài chính<br><b>Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam</b> |                   |                   |                                      |                            |                                                                            |                       |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-------------------|--------------------------------------|----------------------------|----------------------------------------------------------------------------|-----------------------|
| <b>SỔ CÁI TÀI KHOẢN</b><br><b>Tài khoản: 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b><br><b>Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025</b>                                                                                    |                   |                   |                                      |                            |                                                                            |                       |
| Ngày,<br>tháng ghi<br>số                                                                                                                                                                                                     | Chứng từ          |                   | Diễn giải                            | Tài<br>khoản<br>đối<br>ứng | Số phát sinh                                                               |                       |
|                                                                                                                                                                                                                              | Số<br>chứng<br>từ | Ngày,<br>tháng    |                                      |                            | Nợ                                                                         | Có                    |
|                                                                                                                                                                                                                              |                   |                   | <b>Số dư đầu kỳ</b>                  |                            |                                                                            |                       |
| ...                                                                                                                                                                                                                          | ...               |                   |                                      | ...                        |                                                                            | ...                   |
| 22/01/2025                                                                                                                                                                                                                   | 15                | 22/01/2025        | Bán hàng theo HĐ 15                  | 131                        |                                                                            | 36.703.704            |
| 03/03/2025                                                                                                                                                                                                                   | 389               | 03/03/2025        | Bán hàng theo HĐ 389                 | 131                        |                                                                            | 119.907.407           |
|                                                                                                                                                                                                                              | ...               |                   | ...                                  |                            |                                                                            | ...                   |
| 18/06/2025                                                                                                                                                                                                                   | 26                | 18/06/2025        | Bán hàng theo HĐ 26                  | 112                        |                                                                            | 37.259.259            |
| 26/10/2025                                                                                                                                                                                                                   | 410               | 26/10/2025        | Bán hàng theo HĐ 410                 | 112                        |                                                                            | 63.888.888            |
|                                                                                                                                                                                                                              | ...               |                   | ...                                  |                            |                                                                            | ...                   |
| 04/12/2025                                                                                                                                                                                                                   | 501               | 04/12/2025        | Bán hàng theo HĐ 501                 | 131                        |                                                                            | 103.379.630           |
| 12/12/2025                                                                                                                                                                                                                   | 47                | 12/12/2025        | Bán hàng theo HĐ 47                  | 1111                       |                                                                            | 5.740.741             |
| 30/12/2025                                                                                                                                                                                                                   | 573               | 30/12/2025        | Bán hàng theo HĐ 573                 | 131                        |                                                                            | 24.250.001            |
| <b>31/12/2025</b>                                                                                                                                                                                                            | <b>001</b>        | <b>31/12/2025</b> | <b>Kết chuyển doanh thu bán hàng</b> | <b>911</b>                 | <b>12.873.718.338</b>                                                      |                       |
|                                                                                                                                                                                                                              |                   |                   | <b>Cộng phát sinh trong kỳ</b>       |                            | <b>12.873.718.338</b>                                                      | <b>12.873.718.338</b> |
|                                                                                                                                                                                                                              |                   |                   | <b>Số dư cuối kỳ</b>                 |                            |                                                                            |                       |
| <b>Kế toán trưởng</b><br>(Ký, ghi rõ họ và tên)                                                                                                                                                                              |                   |                   |                                      |                            | Ngày 31 tháng 12 năm 2025<br><b>Người ghi sổ</b><br>(Ký, ghi rõ họ và tên) |                       |

#### 2.2.1.2. Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH đầu tư phát triển công nghệ Trung Tín

##### a, Nội dung giá vốn hàng bán tại Công ty

- Giá vốn hàng bán trong năm được xác định theo phương pháp bình quân cuối kỳ (cuối tháng), giá trị mua vào của hàng hóa bán ra trong kỳ. Chi phí lương kỹ thuật phát sinh hàng tháng được tập hợp vào TK 154 và chỉ được kết chuyển toàn bộ vào TK 632 vào thời điểm cuối năm. Do đó, giá vốn hàng bán các tháng trong năm chưa

bao gồm chi phí kỹ thuật, phần chi phí này sẽ được cộng vào giá vốn hàng bán trong kỳ kết chuyển cuối năm.

*b, Phương pháp xác định giá vốn hàng bán*

|                                       |   |                                                                                                                                                                                               |
|---------------------------------------|---|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Đơn giá bình quân hàng tồn kho loại i | = | $\frac{\text{Giá trị thực tế hàng i tồn đầu kỳ} + \text{Giá trị thực tế hàng i nhập kho trong kỳ}}{\text{Số lượng thực tế hàng i tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng thực tế hàng i nhập trong kỳ}}$ |
|---------------------------------------|---|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

Công ty sử dụng phương pháp bình quân cuối kỳ. Theo phương pháp này cuối kỳ mới tính giá vốn của hàng tồn kho trong kỳ. Kế toán căn cứ vào giá nhập, lượng hàng tồn kho đầu kỳ, số lượng hàng nhập trong kỳ để tính giá xuất kho bình quân trong kỳ.

*c, Chứng từ sử dụng*

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu xuất kho

*d, Tài khoản sử dụng*

Công ty sử dụng tài khoản 632- Giá vốn hàng bán để phản ánh giá vốn của hàng hóa đã xuất trong kỳ. Tài khoản này cuối kỳ kết chuyển hết sang tài khoản 911 nên không có số dư cuối kỳ.

*e, Sổ sách sử dụng*

- Sổ chi tiết TK 6321
- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái 632

*f, Trình tự ghi sổ*

Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, việc nhập xuất được ghi nhận hàng ngày khi các nghiệp vụ phát sinh. Giá trị hàng xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân cuối kỳ (cuối kỳ ở đây là cuối tháng).

**Sổ chi tiết sản phẩm, hàng hóa (Xem phụ lục 01).**

*Ví dụ minh họa:* Đối với Card đồ họa ASUS DUAL RTX3050-6G\_90YV0K61 M1NA00 đã bán cho NGUYEN THIN theo hóa đơn số 47 ngày 04/12/2025 tồn đầu kỳ với số lượng 0. Trong kỳ công ty nhập hàng số lượng 4 với số tiền 11.388.880 VND. Theo phương pháp tính giá vốn bình quân cuối kỳ ta có:

$$\text{Đơn giá bình quân} = \frac{0 + 11.388.880}{0 + 4} = 2.847.220$$

- Doanh nghiệp áp dụng tính giá xuất kho theo phương pháp bình quân cuối kỳ (cụ thể là cuối mỗi tháng), nên tại thời điểm xuất kho thì chưa cập nhật đơn giá và thành tiền vào phiếu xuất mà chỉ cập nhật số lượng hàng xuất lên phiếu xuất kho. Cuối tháng thì đơn vị mới in phiếu xuất kho ra 1 lần rồi kẹp với chứng từ đi kèm.

**\* Nghiệp vụ minh họa số 4:** Ngày 4/12/2025 tính giá vốn hàng hóa đã bán trong tháng 12 năm 2025. Lấy ví dụ tính giá vốn của hóa đơn GTGT số 501 đã bán cho Công Ty TNHH kinh doanh và dịch vụ Bảo Châu.

| <b>Công Ty TNHH đầu tư phát triển công nghệ Trung Tín</b><br>140 Trịnh Đình Thảo, Phường Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam                                                                                                                                 |                                                                                                   |                                |                                       | Mẫu số: 02-VT<br>(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ tài chính) |           |                    |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|---------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|-----------|--------------------|
| <b>PHIẾU XUẤT KHO</b>                                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                   |                                |                                       |                                                                                        |           |                    |
| Ngày 04/12/2025<br>Số: 501                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                   |                                |                                       | Nợ 6321: 103.194.440<br>Có 1561: 103.194.440                                           |           |                    |
| - Họ và tên người nhận hàng: <b>CÔNG TY TNHH KINH DOANH VÀ DỊCH VỤ BẢO CHÂU</b><br>- Địa chỉ: Số 02, Nhà G11, KTT Kho 708, Xã Ngọc Hồi, Thành phố Hà Nội, Việt Nam<br>- Lý do xuất kho: Bán hàng theo hóa đơn 501<br>- Xuất kho tại: <b>HH- Kho hàng hóa</b> |                                                                                                   |                                |                                       |                                                                                        |           |                    |
| STT                                                                                                                                                                                                                                                          | Tên, nhãn hiệu, quy cách phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa                             | Đơn vị tính                    | Số lượng                              |                                                                                        | Đơn giá   | Thành tiền         |
| A                                                                                                                                                                                                                                                            | B                                                                                                 | C                              | Yêu cầu<br>1                          | Thực xuất<br>2                                                                         | 3         | 4                  |
| 1                                                                                                                                                                                                                                                            | Bộ nhớ trong của máy vi tính KINGSTON 16G D5 - 5600 40 - 40 FURY BEAST ( KF556C40BB - 16WP )      | Cái                            | 10                                    |                                                                                        | 3.495.371 | 34.953.710         |
| 2                                                                                                                                                                                                                                                            | Bộ nhớ trong của máy vi tính KINGSTON 32G D5 - 5600 40 - 40 FURY BEAST K2 ( KF556C40BBK2 - 32WP ) | Bộ                             | 5                                     |                                                                                        | 6.759.259 | 33.796.295         |
| 3                                                                                                                                                                                                                                                            | Bộ nhớ trong của máy vi tính KINGSTON 32G D5 - 560040 FURY Beast RGB K2 ( KF556C40BBAK2- 32 )     | Bộ                             | 5                                     |                                                                                        | 6.888.888 | 34.444.440         |
| <b>Cộng tiền hàng</b>                                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                   |                                |                                       |                                                                                        |           | <b>103.194.440</b> |
| - Tổng số tiền (viết bằng chữ): <i>Một trăm lẻ ba triệu một trăm chín mươi bốn ngàn bốn trăm bốn mươi đồng.</i><br>- Số chứng từ gốc kèm theo:                                                                                                               |                                                                                                   |                                |                                       |                                                                                        |           |                    |
| Người lập phiếu<br><i>(Ký, họ tên)</i>                                                                                                                                                                                                                       | Người nhận hàng<br><i>(Ký, họ tên)</i>                                                            | Thủ kho<br><i>(Ký, họ tên)</i> | Kế toán trưởng<br><i>(Ký, họ tên)</i> | Giám đốc<br><i>(Ký, họ tên)</i>                                                        |           |                    |

**Hình 2.4. Phiếu xuất kho hóa đơn 501**

**\* Nghiệp vụ minh họa số 5:** Ngày 12/12/2025 tính giá vốn hàng hóa đã bán trong tháng 12 năm 2025. Lấy ví dụ tính giá vốn của hóa đơn GTGT số 47 đã bán cho NGUYỄN THIN.

| <b>Công Ty TNHH đầu tư phát triển công nghệ Trung Tín</b><br>140 Trịnh Đình Thảo, Phường Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng,<br>Việt Nam                        |                                                                       |                                |                                       | Mẫu số: 02-VT<br>(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016<br>của Bộ tài chính) |           |                  |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|--------------------------------|---------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|------------------|
| <b>PHIẾU XUẤT KHO</b><br>Ngày 12/12/2025<br>Số: 564                                                                                                    |                                                                       |                                |                                       | Nợ 6321: 5.694.440<br>Có 1561: 5.694.440                                                  |           |                  |
| - Họ và tên người nhận hàng: <b>NGUYỄN THIN</b><br>- Địa chỉ:<br>- Lý do xuất kho: Bán hàng theo hóa đơn 47<br>- Xuất kho tại: <b>HH- Kho hàng hóa</b> |                                                                       |                                |                                       |                                                                                           |           |                  |
| STT                                                                                                                                                    | Tên, nhãn hiệu, quy cách phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa | Đơn vị tính                    | Số lượng                              |                                                                                           | Đơn giá   | Thành tiền       |
| A                                                                                                                                                      | B                                                                     | C                              | Yêu cầu                               | Thực xuất                                                                                 | 3         | 4                |
| 1                                                                                                                                                      | Card đồ họa ASUS DUAL-RTX3050-6G 90YV0K61-M1NA00                      | Cái                            | 2                                     |                                                                                           | 2.847.220 | 5.694.440        |
| <b>Cộng tiền hàng</b>                                                                                                                                  |                                                                       |                                |                                       |                                                                                           |           | <b>5.694.440</b> |
| - Tổng số tiền (viết bằng chữ): <i>Năm triệu sáu trăm chín mươi bốn ngàn bốn trăm bốn mươi bốn đồng.</i><br>- Số chứng từ gốc kèm theo:                |                                                                       |                                |                                       |                                                                                           |           |                  |
| <b>Người lập phiếu</b><br>(Ký, họ tên)                                                                                                                 | <b>Người nhận hàng</b><br>(Ký, họ tên)                                | <b>Thủ kho</b><br>(Ký, họ tên) | <b>Kê toán trưởng</b><br>(Ký, họ tên) | <b>Giám đốc</b><br>(Ký, họ tên)                                                           |           |                  |

**Hình 2.5. Phiếu xuất kho hóa đơn 47**

- Sau đó lên sổ Chi tiết, Nhật ký chung rồi lên sổ Cái
- Trích sổ chi tiết TK 6321 (Xem trang số 47 )
- Trích sổ nhật ký chung (Xem trang số 48 )
- Trích sổ cái TK 632 (Xem trang số 49 )

**Công ty TNHH đầu tư phát triển công nghệ Trung Tín**  
**Địa chỉ: 140 Trịnh Đình Thảo, Phường Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam**

Ban hành theo 133/2016/TT-BTC  
 Ngày 26/08/2016 của bộ tài chính

**SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN**

**6321: Giá vốn hàng bán**

*Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025*

| Ngày, tháng ghi sổ | Chứng từ   |                   | Tên                                                                      | Diễn giải                                | TK đối ứng | Số phát sinh          |                       | Số dư          |    |
|--------------------|------------|-------------------|--------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|------------|-----------------------|-----------------------|----------------|----|
|                    | Số hiệu    | Ngày tháng        |                                                                          |                                          |            | Nợ                    | Có                    | Nợ             | Có |
|                    |            |                   |                                                                          | <b>Số dư đầu kỳ</b>                      |            |                       |                       |                |    |
| ...                | ...        |                   | ...                                                                      | ...                                      |            | ...                   |                       | ...            |    |
| 22/01/2025         | 19         | 22/01/2025        | CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HOÀNG KHANG GIANG                            | Bán hàng theo HĐ 19                      | 1561       | 6.700.000             |                       | 68.320.392     |    |
| 03/03/2025         | 84         | 03/03/2025        | CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC ĐÀ NẴNG                               | Bán hàng theo HĐ 84                      | 1561       | 33.522.224            |                       | 719.368.781    |    |
| ...                | ...        |                   | ...                                                                      | ...                                      |            | ...                   |                       | ...            |    |
| 18/06/2025         | 178        | 18/06/2025        | ĐỖ VĂN TUỜNG                                                             | Bán hàng theo HĐ 178                     | 1561       | 44.454.546            |                       | 1.523.928.565  |    |
| 26/10/2025         | 430        | 26/10/2025        | CÔNG TY TNHH MYTEAM VIETNAM                                              | Bán hàng theo HĐ 430                     | 1561       | 63.668.520            |                       | 6.033.658.346  |    |
| ...                | ...        |                   | ...                                                                      | ...                                      |            | ...                   |                       | ...            |    |
| 04/12/2025         | 501        | 04/12/2025        | CÔNG TY TNHH KINH DOANH VÀ DỊCH VỤ BẢO CHÂU                              | Bán hàng theo HĐ 501                     | 1561       | 103.194.440           |                       | 7.352.642.564  |    |
| 12/12/2025         | 47         | 12/12/2025        | NGUYỄN THIN                                                              | Bán hàng theo HĐ 47                      | 1561       | 5.694.440             |                       | 7.797.980.012  |    |
| 30/12/2025         | 573        | 30/12/2025        | TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM QUÂN ĐỘI - CÔNG TY BẢO HIỂM MIC QUẢNG NGÃI | Bán hàng theo HĐ 573                     | 1561       | 23.596.427            |                       | 10.927.439.007 |    |
| 31/12/2025         | 241        | 31/12/2025        |                                                                          | Kết chuyển số dư tài khoản 154 sang 6321 | 154        | 409.603.531           |                       | 11.579.706.837 |    |
| <b>31/12/2025</b>  | <b>001</b> | <b>31/12/2025</b> |                                                                          | <b>Kết chuyển giá vốn hàng bán</b>       | <b>911</b> |                       | <b>11.585.751.490</b> |                |    |
|                    |            |                   |                                                                          | <b>Cộng phát sinh trong kỳ</b>           |            | <b>11.585.751.490</b> | <b>11.585.751.490</b> |                |    |
|                    |            |                   |                                                                          | <b>Số dư cuối kỳ</b>                     |            |                       |                       |                |    |

Ngày 31 Tháng 12 Năm 2025

**Kế toán trưởng**  
 (Ký, ghi rõ họ và tên)

**Người ghi sổ**  
 (Ký, ghi rõ họ và tên)

**Công ty TNHH đầu tư phát triển công nghệ Trung Tín**  
**Địa chỉ: 140 Trịnh Đình Thảo, Phường Cẩm Lệ,**  
**Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam**

Ban hành theo TT số 133/2016/TT- BTC  
 Ngày 26/08/2016 của bộ tài chính

**SỔ NHẬT KÍ CHUNG**

*Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025*

| Ngày,<br>tháng ghi<br>số | Chứng từ          |                   | Diễn giải                          | Tài<br>khoản<br>đối<br>ứng | Số phát sinh           |                        |
|--------------------------|-------------------|-------------------|------------------------------------|----------------------------|------------------------|------------------------|
|                          | Số<br>chứng<br>từ | Ngày,<br>tháng    |                                    |                            | Nợ                     | Có                     |
| ...                      | ...               |                   | ...                                | ...                        | ...                    |                        |
| <b>01/12/2025</b>        | <b>486</b>        | <b>01/12/2025</b> | <b>Bán hàng theo HD 486</b>        |                            |                        |                        |
|                          |                   |                   | Phải thu của khách hàng            | 131                        | 11.280.000             |                        |
|                          |                   |                   | Doanh thu hàng hóa                 | 5111                       |                        | 10.444.444             |
|                          |                   |                   | Thuế GTGT đầu ra                   | 33311                      |                        | 835.556                |
| <b>01/12/2025</b>        | <b>486</b>        | <b>01/12/2025</b> | <b>Bán hàng theo HD 486</b>        |                            |                        |                        |
|                          |                   |                   | Giá vốn hàng hóa                   | 632                        | 10.317.123             |                        |
|                          |                   |                   | Hàng hóa                           | 1561                       |                        | 10.317.123             |
| ...                      |                   | ...               | ...                                |                            | ...                    | ...                    |
| <b>04/12/2025</b>        | <b>501</b>        | <b>04/12/2025</b> | <b>Bán hàng theo HD 501</b>        |                            |                        |                        |
|                          |                   |                   | Phải thu của khách hàng            | 131                        | 111.650.000            |                        |
|                          |                   |                   | Doanh thu hàng hóa                 | 5111                       |                        | 103.379.630            |
|                          |                   |                   | Thuế GTGT đầu ra                   | 33311                      |                        | 8.270.370              |
| <b>04/12/2025</b>        | <b>501</b>        | <b>04/12/2025</b> | <b>Bán hàng theo HD 501</b>        |                            |                        |                        |
|                          |                   |                   | Giá vốn hàng hóa                   | 632                        | 103.194.440            |                        |
|                          |                   |                   | Hàng hóa                           | 1561                       |                        | 103.194.440            |
| ...                      |                   | ...               | ...                                |                            | ...                    | ...                    |
| <b>12/12/2025</b>        | <b>47</b>         | <b>12/12/2025</b> | <b>Bán hàng theo HD 47</b>         |                            |                        |                        |
|                          |                   |                   | Phải thu của khách hàng            | 1111                       | 6.200.000              |                        |
|                          |                   |                   | Doanh thu hàng hóa                 | 5111                       |                        | 5.740.741              |
|                          |                   |                   | Thuế GTGT đầu ra                   | 33311                      |                        | 459.259                |
| <b>12/12/2025</b>        | <b>47</b>         | <b>12/12/2025</b> | <b>Bán hàng theo HD 47</b>         |                            |                        |                        |
|                          |                   |                   | Giá vốn hàng hóa                   | 632                        | 5.694.440              |                        |
|                          |                   |                   | Hàng hóa                           | 1561                       |                        | 5.694.440              |
| ...                      |                   | ...               | ...                                |                            | ...                    | ...                    |
| <b>31/12/2025</b>        | <b>001</b>        | <b>31/12/2025</b> | <b>Kết chuyển giá vốn hàng bán</b> |                            |                        |                        |
|                          |                   |                   | Xác định kết quả kinh doanh        | 911                        | 11.585.751.490         |                        |
|                          |                   |                   | Giá vốn hàng hóa                   | 632                        |                        | 11.585.751.490         |
|                          |                   |                   | <b>Tổng cộng</b>                   |                            | <b>101.333.642.113</b> | <b>101.333.642.113</b> |

**Kế toán trưởng**  
 (Ký, ghi rõ họ và tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2025  
**Người ghi sổ**  
 (Ký, ghi rõ họ và tên)

Công ty TNHH đầu tư phát triển công nghệ Trung Tín

Địa chỉ: 140 Trịnh Đình Thảo, Phường Cẩm Lệ,

Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Ban hành theo TT số 133/2016/TT- BTC

Ngày 26/08/2016 của bộ tài chính

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản: 632- Giá vốn hàng bán

Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

| Ngày,<br>tháng ghi<br>số | Chứng từ              |                | Diễn giải                                     | Tài<br>khoả<br>n đối<br>ứng | Số phát sinh   |                |
|--------------------------|-----------------------|----------------|-----------------------------------------------|-----------------------------|----------------|----------------|
|                          | Số<br>chứ<br>ng<br>từ | Ngày,<br>tháng |                                               |                             | Nợ             | Có             |
|                          |                       |                | Số dư đầu kỳ                                  |                             |                |                |
| ...                      | ...                   |                | ...                                           | ...                         | ...            |                |
| 22/01/2025               | 19                    | 22/01/2025     | Bán hàng theo<br>HĐ 19                        | 1561                        | 6.700.000      |                |
| 03/03/2025               | 84                    | 03/03/2025     | Bán hàng theo<br>HĐ 84                        | 1561                        | 33.522.224     |                |
| ...                      | ...                   |                | ...                                           |                             | ...            |                |
| 18/06/2025               | 178                   | 18/06/2025     | Bán hàng theo<br>HĐ 178                       | 1561                        | 44.454.546     |                |
| 26/10/2025               | 430                   | 26/10/2025     | Bán hàng theo<br>HĐ 430                       | 1561                        | 63.668.520     |                |
| ...                      | ...                   |                | ...                                           |                             | ...            |                |
| 04/12/2025               | 501                   | 04/12/2025     | Bán hàng theo<br>HĐ 501                       | 1561                        | 103.194.440    |                |
| 12/12/2025               | 47                    | 12/12/2025     | Bán hàng theo<br>HĐ 47                        | 1561                        | 5.694.440      |                |
| 30/12/2025               | 573                   | 30/12/2025     | Bán hàng theo<br>HĐ 573                       | 1561                        | 23.596.427     |                |
| 31/12/2025               | 241                   | 31/12/2025     | Kết chuyển số dư<br>tài khoản 154<br>sang 632 | 154                         | 409.603.531    |                |
| 31/12/2025               | 001                   | 31/12/2025     | Kết chuyển giá<br>vốn hàng bán                | 911                         |                | 11.585.751.490 |
|                          |                       |                | Cộng phát sinh<br>trong kỳ                    |                             | 11.585.751.490 | 11.585.751.490 |
|                          |                       |                | Số dư cuối kỳ                                 |                             |                |                |

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người ghi sổ

(Ký, ghi rõ họ và tên)

### 2.2.1.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

#### a, Nội dung chi phí quản lý kinh doanh

- Năm 2025, công ty phát sinh chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### b, Tài khoản sử dụng

*Tài khoản 642 – Chi phí quản lý kinh doanh.*

Tài khoản cấp 2 là:

- Tài khoản 6421: Chi phí quản lý bán hàng.
- Tài khoản 6422: Chi phí quản lý kinh doanh.

#### c, Chứng từ và sổ sách sử dụng

##### ❖ Chứng từ sử dụng

- Hoá đơn giá trị gia tăng.
- Bảng phân bổ công cụ dụng cụ.
- Phiếu chi.
- Bảng thanh toán tiền lương.

##### ❖ Sổ sách sử dụng

- Sổ chi tiết TK 6421.
- Sổ chi tiết TK 6422.
- Sổ nhật ký chung.
- Sổ cái TK 642.

#### d, Chi tiết từng loại chi phí

##### ❖ Chi phí bán hàng bao gồm:

- Chi phí nhân viên: tiền lương nhân viên bán hàng.
- Chi phí dịch vụ Vimo phí thanh toán qua máy POS

##### ❖ Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm:

- Chi phí dịch vụ mua ngoài: xăng dầu, phí chuyển khoản, cước internet, tiền ăn uống tiếp khách.
- Chi phí phân bổ CCCD

#### e, Quy trình ghi sổ kế toán

##### • Đối với chi phí bán hàng

##### ➤ Chi phí dịch vụ Vimo.

\* **Nghiệp vụ minh họa số 7:** Ngày 30/3/2025 Công Ty TNHH đầu tư phát triển công nghệ Trung Tín chi tiền mặt thanh toán phí dịch vụ Vimo. Số tiền đã bao gồm VAT là 909.000 VND, thuế GTGT 10%.



## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(VAT INVOICE)

Ngày (date) 30 tháng (month) 03 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1C25TVM

Số (No.): **15740**

---

Mã của Cơ quan thuế: **0028E91B24A7A145F9B86A7082E76884A6**

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VI MÔ**

Mã số thuế (Tax code): **0106393463**

Địa chỉ (Address): Tầng 12A, Toà nhà VTC Online, Số 18, Đường Tam Trinh, Phường Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội, Việt Nam

Số tài khoản (Account No):

Điện thoại (Tel): 02436320986 Email: hotro@vimo.vn



---

Họ tên người mua hàng (Customer's name):

Tên đơn vị (Company's name): **CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TRUNG TÍN**

Mã số thuế (Tax code): **0402048795**

Địa chỉ (Address): 61 Bùi Công Trừng, Phường Hoà Xuân, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

| STT<br>(No.)                                                             | Tên hàng hóa, dịch vụ<br>(Descriptions)                                 | Đơn vị<br>tính<br>(Unit) | Số lượng<br>(Quantity) | Đơn giá<br>(Unit Price) | Thành tiền<br>(Amount)              |
|--------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|--------------------------|------------------------|-------------------------|-------------------------------------|
| (1)                                                                      | (2)                                                                     | (3)                      | (4)                    | (5)                     | (6=4x5)                             |
| 1                                                                        | Phí dịch vụ thanh toán trên vimo tháng 03/2025 theo hợp đồng số DN02863 |                          |                        |                         | 826.364                             |
|                                                                          |                                                                         |                          |                        |                         |                                     |
|                                                                          |                                                                         |                          |                        |                         |                                     |
|                                                                          |                                                                         |                          |                        |                         |                                     |
|                                                                          |                                                                         |                          |                        |                         |                                     |
|                                                                          |                                                                         |                          |                        |                         |                                     |
| Cộng tiền hàng (Total amount):                                           |                                                                         |                          |                        |                         | 826.364                             |
| Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%                                           |                                                                         |                          |                        |                         | Tiền thuế GTGT (VAT amount): 82.636 |
| Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):                               |                                                                         |                          |                        |                         | 909.000                             |
| Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): Chín trăm linh chín nghìn đồng. |                                                                         |                          |                        |                         |                                     |

**Người mua hàng (Buyer)**

**Người bán hàng (Seller)**

Signature Valid

Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VI MÔ

Ký ngày: 30/03/2025

(Tra cứu hóa đơn điện tử tại: [vimo.vn](http://vimo.vn), mã tra cứu: **fb1F283144946868709915740**)

Đơn vị cung cấp giải pháp Hóa đơn điện tử: CÔNG TY CỔ PHẦN MEGABIZ VIỆT NAM, MST:0105844836

**Hình 2.6. Hóa đơn GTGT số 15740 ngày 30 tháng 03 năm 2025**

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TRUNG TÍN  
Địa chỉ : 140 Trịnh Đình Thảo, Phường Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam  
Mã số thuế : 0402048795

Mẫu số : 02 - TT  
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC  
ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

**PHIẾU CHI**  
*Ngày 30 tháng 3 năm 2025*

Số : 0857  
Nợ 6421: 826.364  
1331: 82.636  
Có 1111: 909.000

Họ và tên người nhận tiền : CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VI MÔ  
Địa chỉ : Tầng 12A, toà nhà VTC Online, số 18, đường Tam Trinh, Phường Tương Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam  
Lý do chi : Thanh toán phí dịch vụ  
Số tiền : **909.000** (Viết bằng chữ) : chín trăm lẻ chín ngàn đồng.  
Kèm theo:.....Chứng từ gốc:.....

*Ngày 30 tháng 3 năm 2025*  

Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng  
(Ký họ tên)

Thủ quỹ  
(Ký, họ tên)

Người lập  
(Ký, họ tên)

Người nhận tiền  
(Ký, họ tên)

**Hình 2.7. Phiếu chi trả tiền phí dịch vụ theo HĐ 15740**

➤ **Chi phí lương bộ phận bán hàng.**

|                                                                 |                       |                           |   |   |   |   |   |   |   |                                    |   |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |          |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |  |
|-----------------------------------------------------------------|-----------------------|---------------------------|---|---|---|---|---|---|---|------------------------------------|---|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----------|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|--|
| CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TRUNG TÍN              |                       |                           |   |   |   |   |   |   |   | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM |   |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |          |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |  |
| MST: 0402048795                                                 |                       |                           |   |   |   |   |   |   |   | <u>Độc Lập - Tự do - Hạnh Phúc</u> |   |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |          |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |  |
| 140 Trịnh Đình Thảo, Phường Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam |                       |                           |   |   |   |   |   |   |   |                                    |   |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |          |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |  |
| BẢNG CHẤM CÔNG                                                  |                       |                           |   |   |   |   |   |   |   |                                    |   |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |          |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |  |
| THÁNG 12 NĂM 2025                                               |                       |                           |   |   |   |   |   |   |   |                                    |   |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |          |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |  |
| STT                                                             | Họ và tên             | Chức vụ                   | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8                                  | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20       | 21 | 22 | 23 | 24 | 25 | 26 | 27 | 28 | 29 | 30 | 31 | TC |  |
| 1                                                               | Nguyễn Thanh Toàn     | Nhân viên kỹ thuật trưởng | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |   | 1                                  | 1 | 1  | 1  | 1  | 1  |    | 1  | 1  | 1  | 1  | 1  | 1        |    | 1  | 1  | 1  | 1  | 1  | 1  |    | 1  | 1  |    | 26 |  |
| 2                                                               | Trần Thanh Long       | Nhân viên kỹ thuật        | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |   | 1                                  | 1 | 1  |    | 1  | 1  |    | 1  | 1  | 1  | 1  | 1  | 1        |    | 1  | 1  |    | 1  |    | 1  |    | 1  | 1  | 1  | 24 |  |
| 3                                                               | Trần Văn Hữu          | Nhân viên kỹ thuật        | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |   | 1                                  | 1 | 1  | 1  | 1  | 1  |    | 1  | 1  | 1  | 1  | 1  | 1        |    | 1  | 1  | 1  | 1  | 1  | 1  |    | 1  |    | 1  | 26 |  |
| 4                                                               | Châu Minh Khải        | Nhân viên kỹ thuật        | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |   | 1                                  | 1 |    | 1  | 1  |    |    | 1  | 1  | 1  | 1  | 1  | 1        |    | 1  | 1  | 1  | 1  | 1  | 1  |    | 1  | 1  | 1  | 25 |  |
| 5                                                               | Nguyễn Xuân Thắng     | Nhân viên Bán hàng        |   | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |   | 1                                  | 1 | 1  | 1  | 1  | 1  |    | 1  | 1  | 1  |    |    |          |    | 1  | 1  | 1  | 1  | 1  | 1  |    | 1  | 1  | 1  | 23 |  |
| 6                                                               | Trần Trịnh Đức Nguyên | Nhân viên Bán hàng        | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |   | 1                                  |   |    | 1  | 1  | 1  |    | 1  | 1  | 1  | 1  | 1  | 1        |    | 1  | 1  | 1  | 1  | 1  | 1  |    | 1  | 1  | 1  | 25 |  |
| 8                                                               | Lê Bảo Hưng           | Thủ quỹ                   | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |   | 1                                  | 1 | 1  | 1  | 1  | 1  |    | 1  | 1  | 1  | 1  | 1  | 1        |    | 1  | 1  | 1  | 1  | 1  | 1  |    | 1  | 1  |    | 26 |  |
| 9                                                               | Võ Thị Lan Chi        | Kế toán                   | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |   | 1                                  | 1 | 1  | 1  |    | 1  |    | 1  | 1  | 1  | 1  | 1  | 1        |    | 1  | 1  | 1  | 1  | 1  | 1  |    | 1  | 1  | 1  | 26 |  |
|                                                                 |                       |                           |   |   |   |   |   |   |   |                                    |   |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |          |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |  |
| Người lập biên                                                  |                       |                           |   |   |   |   |   |   |   | Ngày 31 tháng 12 năm 2025          |   |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | Giám Đốc |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |  |

**Hình 2.8. Bảng chấm công tháng 12**

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TRUNG TÍN

MST: 0402048795

140 Trịnh Đình Thảo, Phường Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢNG LƯƠNG THÁNG 12/2025

| TT        | Họ và tên             | Chức vụ                   | Lương CB   | Ngày công | Phụ cấp   |            |           |           |              | Tổng thu nhập                      | Các khoản giảm trừ NLD |             |           |           | Các khoản giảm trừ CP DN |           |           |               |           | Thực Nhận  |
|-----------|-----------------------|---------------------------|------------|-----------|-----------|------------|-----------|-----------|--------------|------------------------------------|------------------------|-------------|-----------|-----------|--------------------------|-----------|-----------|---------------|-----------|------------|
|           |                       |                           |            |           | Ăn ca     | Điện thoại | Đồng phục | Xăng xe   | Hỗ trợ nhà ở |                                    | BHXH (8%)              | BHYT (1,5%) | BHTN (1%) | Tổng      | BHXH (17,5%)             | BHYT (3%) | BHTN (1%) | BHTNLD (0,5%) | Tổng      |            |
| 1         | Nguyễn Thanh Toàn     | Nhân viên kỹ thuật trưởng | 5,000,000  | 26        | 700,000   | 200,000    | 400,000   | 500,000   | 500,000      | 7,300,000                          | 400,000                | 75,000      | 50,000    | 525,000   | 875,000                  | 150,000   | 50,000    | 25,000        | 1,100,000 | 6,775,000  |
| 2         | Trần Thanh Long       | Nhân viên kỹ thuật        | 4,500,000  | 24        | 700,000   | 200,000    | 400,000   | 500,000   | 500,000      | 6,453,846                          | 360,000                | 67,500      | 45,000    | 472,500   | 787,500                  | 135,000   | 45,000    | 22,500        | 990,000   | 5,981,346  |
| 3         | Trần Văn Hữu          | Nhân viên kỹ thuật        | 4,500,000  | 26        | 700,000   | 200,000    | 400,000   | 500,000   | 500,000      | 6,800,000                          | 360,000                | 67,500      | 45,000    | 472,500   | 787,500                  | 135,000   | 45,000    | 22,500        | 990,000   | 6,327,500  |
| 4         | Châu Minh Khải        | Nhân viên kỹ thuật        | 4,500,000  | 25        | 700,000   | 200,000    | 400,000   | 500,000   | 500,000      | 6,626,923                          | 360,000                | 67,500      | 45,000    | 472,500   | 787,500                  | 135,000   | 45,000    | 22,500        | 990,000   | 6,154,423  |
| 5         | Nguyễn Xuân Thắng     | Nhân viên Bán hàng        | 4,450,000  | 23        | 700,000   | 200,000    | 400,000   | 500,000   | 500,000      | 6,236,538                          | 356,000                | 66,750      | 44,500    | 467,250   | 778,750                  | 133,500   | 44,500    | 22,250        | 979,000   | 5,769,288  |
| 6         | Trần Trịnh Đức Nguyên | Nhân viên Bán hàng        | 4,450,000  | 25        | 700,000   | 200,000    | 400,000   | 500,000   | 500,000      | 6,578,846                          | 356,000                | 66,750      | 44,500    | 467,250   | 778,750                  | 133,500   | 44,500    | 22,250        | 979,000   | 6,111,596  |
| 7         | Lê Bảo Hưng           | Thủ kho                   | 4,500,000  | 26        | 700,000   | 200,000    | 400,000   | 500,000   | 500,000      | 6,800,000                          | 360,000                | 67,500      | 45,000    | 472,500   | 787,500                  | 135,000   | 45,000    | 22,500        | 990,000   | 6,327,500  |
| 8         | Võ Thị Lan Chi        | Kế toán                   | 4,600,000  | 26        | 700,000   | 200,000    | 400,000   | 500,000   | 500,000      | 6,900,000                          | 368,000                | 69,000      | 46,000    | 483,000   | 805,000                  | 138,000   | 46,000    | 23,000        | 1,012,000 | 6,417,000  |
| Tổng Cộng |                       |                           | 36,500,000 | 201       | 5,600,000 | 1,600,000  | 3,200,000 | 4,000,000 | 4,000,000    | 53,696,154                         | 2,920,000              | 547,500     | 365,000   | 3,832,500 | 6,387,500                | 1,095,000 | 365,000   | 182,500       | 8,030,000 | 49,863,654 |
|           |                       |                           |            |           |           |            |           |           |              |                                    |                        |             |           |           |                          |           |           |               |           |            |
| Giám đốc  |                       |                           |            |           |           |            |           |           |              | Đà Nẵng, ngày 31 tháng 12 năm 2025 |                        |             |           |           |                          |           |           |               |           |            |
|           |                       |                           |            |           |           |            |           |           |              | Người lập biểu                     |                        |             |           |           |                          |           |           |               |           |            |

Hình 2.9. Bảng lương tháng 12

**Ví dụ minh họa:** Tính lương nhân viên bán hàng Nguyễn Xuân Thắng

Lương cơ bản: 4.450.000 VND

Tổng ngày công: 23 ngày

$$\rightarrow \text{Lương thực tế} = \frac{4.450.000}{26} \times 23 = 3.936.538 \text{ VND}$$

$$\begin{aligned} \text{Tổng lương} &= \text{Lương thực tế} + \text{phụ cấp}(\text{Ăn ca} + \text{đồng phục} + \text{Xăng xe} + \text{hỗ trợ nhà ở}) \\ &= 3.936.538 + 700.000 + 200.000 + 400.000 + 500.000 + 500.000 \\ &= 6.236.538 \text{ VND} \end{aligned}$$

***Các khoản khấu trừ vào lương***

+ Bảo hiểm xã hội (BHXH): 8%.

$$= 4.450.000 \times 8\% \times 1 \text{ người} = 356.000 \text{ VND}$$

+ Bảo hiểm y tế (BHYT): 1.5%.

$$= 4.450.000 \times 1.5\% \times 1 \text{ người} = 66.750 \text{ VND}$$

+ Bảo hiểm thất nghiệp (BHTN): 1%.

$$= 4.450.000 \times 1\% \times 1 \text{ người} = 44.500 \text{ VND}$$

***Tổng các khoản khấu trừ vào lương***

$$= 356.000 + 66.750 + 44.500$$

$$= 467.250 \text{ VND}$$

Thực nhận = Tổng lương – Các khoản khấu trừ vào lương

$$= 6.236.538 - 467.250 = 5.769.288 \text{ VND}$$

***Tỷ lệ trích bảo hiểm tính vào chi phí của doanh nghiệp***

+ Bảo hiểm xã hội (BHXH): 17.5%

$$= 4.450.000 \times 17.5\% \times 1 \text{ người} = 778.750 \text{ VND}$$

+ Bảo hiểm y tế (BHYT): 3%

$$= 4.450.000 \times 3\% \times 1 \text{ người} = 133.500 \text{ VND}$$

+ Bảo hiểm thất nghiệp (BHTN): 1%

$$= 4.450.000 \times 1\% \times 1 \text{ người} = 44.500 \text{ VND}$$

+ Bảo hiểm tai nạn lao động (BHTNLD): 0.5%

$$= 4.450.000 \times 0.5\% \times 1 \text{ người} = 22.250 \text{ VND}$$

***Tổng các khoản trích bảo hiểm tính vào chi phí của doanh nghiệp***

$$= 778.750 + 133.500 + 44.500 + 22.250$$

$$= 979.000 \text{ VND}$$

**Vì bộ phận bán hàng có 2 nhân viên nên**

Tổng các khoản khấu trừ vào lương

$$= 467.250 * 2 = 934.500 \text{ VND}$$

Tổng các khoản trích bảo hiểm tính vào chi phí của doanh nghiệp

$$= 979.000 * 2 = 1.958.000 \text{ VND}$$

Đối với nhân viên bán hàng lương sẽ hạch toán vào TK 6421, đối với kế toán, thủ kho sẽ được hạch toán vào TK 6422 và nhân viên kỹ thuật sẽ đưa vào TK 154.

❖ **Trích sổ chi tiết tài khoản 6421**

Công ty TNHH đầu tư phát triển công nghệ Trung Tín  
Địa chỉ: 140 Trịnh Đình Thảo, Phường Cẩm Lệ,  
Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Ban hành theo 133/2016/TT-BTC  
Ngày 26/08/2016 của bộ tài chính

**SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN**

**6421: Chi phí bán hàng**

*Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025*

| Ngày,<br>tháng ghi<br>số | Chứng từ       |                   | Diễn giải                                             | TK đối<br>ứng | Số phát sinh       |                    | Số dư       |    |
|--------------------------|----------------|-------------------|-------------------------------------------------------|---------------|--------------------|--------------------|-------------|----|
|                          | Số hiệu        | Ngày tháng        |                                                       |               | Nợ                 | Có                 | Nợ          | Có |
|                          |                |                   | <b>Số dư đầu kỳ</b>                                   |               |                    |                    |             |    |
|                          | ...            |                   | ...                                                   |               | ...                |                    |             |    |
| 31/01/2025               | KHTS.001<br>/1 | 31/01/2025        | Khấu hao Ô tô tải 5 chỗ ngồi: FORD<br>Tháng 1         | 2141          | 6.410.985          |                    | 56.786.990  |    |
| 30/03/2025               | 0857           | 30/03/2025        | Phí dịch vụ trên Vimo tháng 03/2025                   | 1111          | 826.364            |                    | 135.859.649 |    |
| ...                      |                |                   | ...                                                   |               | ...                |                    |             |    |
| 30/06/2025               | 1334           | 30/06/2025        | Chi tiền theo HĐ số: 62214                            | 1111          | 250.364            |                    | 211.993.780 |    |
| ...                      |                |                   | ...                                                   |               | ...                |                    |             |    |
| 30/09/2025               | KHTS.001<br>/9 | 30/09/2025        | Khấu hao Ô tô tải 5 chỗ ngồi: FORD<br>Tháng 9         | 2141          | 6.410.985          |                    | 274.666.901 |    |
| ...                      |                |                   | ...                                                   |               | ...                |                    |             |    |
| 31/12/2025               | 225            | 31/12/2025        | Lương tháng 12                                        | 334           | 12.815.385         |                    | 302.845.096 |    |
| 31/12/2025               | 247            | 31/12/2025        | Chi phí BHXH, BHYT, BHTN bộ phận<br>bán hàng tháng 12 | 3383          | 1.602.000          |                    | 303.015.240 |    |
| 31/12/2025               | 247            | 31/12/2025        | Chi phí BHXH, BHYT, BHTN bộ phận<br>bán hàng tháng 12 | 3384          | 267.000            |                    | 303.140.025 |    |
| 31/12/2025               | 247            | 31/12/2025        | Chi phí BHXH, BHYT, BHTN bộ phận<br>bán hàng tháng 12 | 3385          | 89.000             |                    | 303.297.105 |    |
| <b>31/12/2025</b>        | <b>250</b>     | <b>31/12/2025</b> | <b>Kết chuyển chi phí bán hàng</b>                    | <b>911</b>    |                    | <b>309.845.096</b> |             |    |
|                          |                |                   | <b>Cộng phát sinh trong kỳ</b>                        |               | <b>309.845.096</b> | <b>309.845.096</b> |             |    |
|                          |                |                   | <b>Số dư cuối kỳ</b>                                  |               |                    |                    |             |    |

Ngày 31 Tháng 12 Năm 2025

**Kế toán trưởng**  
(Ký, ghi rõ họ và tên)

**Người ghi sổ**  
(Ký, ghi rõ họ và tên)

- **Đối với chi phí quản lý doanh nghiệp**

- **Chi phí dịch vụ mua ngoài**

\* **Nghiệp vụ minh họa số 8:** Ngày 13/12/2025 Công Ty TNHH đầu tư phát triển công nghệ Trung Tín chi tiền mặt mua Dầu Diesel 0,001S Mức 5 phục vụ giao hàng hóa. Số tiền chưa VAT là 925.926 VNĐ, thuế GTGT 8%.

**CÔNG TY TNHH MTV PETROLIMEX ĐÀ NẴNG**

Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH MTV PETROLIMEX ĐÀ NẴNG  
Địa chỉ: 122 đường 2 tháng 9, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam  
Cửa hàng số: PETROLIMEX-Cửa hàng 11  
Người mua hàng:  
Đơn vị mua hàng: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TRUNG TÍN  
Địa chỉ: 61 Bùi Công Trừng, Phường Hoà Xuân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam  
Hình thức thanh toán: TM/CK/Thẻ

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Ngày 13 tháng 12 năm 2025 17:40

Ký hiệu: 1K25TTC  
Số: **995613**

Mã số thuế: 0400101683

Biển số xe: 43A-953.19  
Mã số thuế: 0402048795  
Mã QHNS:

| STT                      | Tên hàng hóa, dịch vụ   | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá   | Thành tiền |
|--------------------------|-------------------------|-------------|----------|-----------|------------|
| 1                        | Dầu Diesel 0,001S Mức 5 | Lít         | 54,025   | 17.138,89 | 925.926    |
|                          |                         |             |          |           |            |
|                          |                         |             |          |           |            |
|                          |                         |             |          |           |            |
| Cộng tiền hàng:          |                         |             |          |           | 925.926    |
| Tiền thuế GTGT ( 8% )    |                         |             |          |           | 74.074     |
| Tiền phí khác:           |                         |             |          |           |            |
| Tổng số tiền thanh toán: |                         |             |          |           | 1.000.000  |

Tổng số tiền thanh toán bằng chữ: **Một triệu đồng**

**Người mua hàng**  
(Ký, ghi rõ họ, tên)

**Người bán hàng**  
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Signature Valid

Ký bởi: CÔNG TY TNHH MTV  
PETROLIMEX ĐÀ NẴNG  
Ký ngày: 13/12/2025

Mã tra cứu: 3AQL3LIDE\* Website tra cứu: <https://hoadon.petrolimex.com.vn>

Giải pháp hóa đơn điện tử được cung cấp bởi Tổng Công ty Dịch vụ Viễn thông (VNPT-Vinaphone)  
MST: 0106869738 - Tel: 18001260



**Hình 2.10. Hóa đơn GTGT số 995613 ngày 13 tháng 12 năm 2025**

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TRUNG TÍN  
Địa chỉ :140 Trịnh Đình Thảo, Phường Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam  
Mã số thuế : 0402048795

Mẫu số : 02 - TT  
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

**PHIẾU CHI**

Ngày 13 tháng 12 năm 2025

Họ và tên người nhận tiền : CÔNG TY TNHH MTV PETROLIMEX ĐÀ NẴNG  
Địa chỉ : 122 đường 2 tháng 9, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam  
Lý do chi : Dầu Diesel 0,001S Mức 5 Ngày: 13/12/2025  
Số tiền : **1.000.000** (Viết bằng chữ) : Một triệu đồng  
Kèm theo:.....Chứng từ gốc:.....

Số : 2354

Nợ 6422 : 925.926  
1331 : 74.074  
Có 1111 : 1.000.000

Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng  
(Ký họ tên)

Thủ quỹ  
(Ký, họ tên)

Người lập  
(Ký, họ tên)

Ngày 13 tháng 12 năm 2025  
Người nhận tiền  
(Ký, họ tên)

**Hình 2.11. Phiếu chi trả tiền mua Dầu Diesel theo HĐ 995613**

➤ **Chi phí phân bổ CCCD**

**\* Nghiệp vụ minh họa số 9:** Ngày 26/05/2025, Công Ty TNHH đầu tư phát triển công nghệ Trung Tín mua máy tính xách tay nhằm mục đích phục vụ bộ phận quản lý, được kế toán đưa vào chi phí quản lý kinh doanh, thời gian phân bổ cho công cụ dụng cụ này là 12 tháng. Năm 2025 thì công cụ dụng cụ này vẫn đang còn phân bổ.

| <b>CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TRUNG TÍN</b><br><b>MST : 0402048795</b><br><b>BẢNG PHÂN BỐ CÔNG CỤ DỤNG CỤ</b><br><i>Tháng 12 năm 2025</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                        |              |                    |                  |                          |                   |                        |                         |                       |                |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|--------------|--------------------|------------------|--------------------------|-------------------|------------------------|-------------------------|-----------------------|----------------|
| Mã CCD C                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Tên CCDC                               | Ngày phân bổ | Giá trị            | Số kỳ PB (tháng) | GT phân bổ 1 tháng (1/2) | GT đã phân bổ     | GT phân bổ trong tháng | GT phân bổ lũy kế (4+5) | Giá trị còn lại (1-6) | TK CHỖ PHÂN BỐ |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                        |              | 1                  | 2                | 3                        | 4                 | 5                      | 6                       | 7                     | 8              |
| MTX TFX5 1                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Máy tính xách tay Asus FX517ZC-HN079W  | 26/05/2025   | 19.181.818         | 12               | 1.598.485                | 9.590.910         | 1.598.485              | 11.189.395              | 7.992.423             | 6422           |
| MRN AF85                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Máy giặt Panasonic 8.5kg nA-F85A9BRV   | 20/05/2025   | 5.097.273          | 12               | 424.773                  | 2.548.638         | 424.773                | 2.973.411               | 2.123.862             | 6422           |
| TLNR TV26                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Tủ lạnh Panasonic 234L NR-TV261APSV    | 20/05/2025   | 5.846.364          | 12               | 487.803                  | 2.923.182         | 487.803                | 3.410.379               | 2.435.985             | 6422           |
| MLM SHD7 7                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Máy làm máy không khí Sunhouse SHD7727 | 20/05/2025   | 3.453.636          | 12               | 287.803                  | 1.726.818         | 287.803                | 2.014.621               | 1.439.015             | 6422           |
| IP14P M                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Điện thoại Iphone 14 Pro Max 128GB đen | 28/06/2025   | 24.163.636         | 12               | 2.013.636                | 10.068.180        | 2.013.636              | 12.081.816              | 12.081.820            | 6422           |
| CTS4 Y6M                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Chứng thư số gói ONECA4Y6M             | 07/05/2025   | 3.267.181          | 12               | 272.265                  | 1.633.591         | 272.265                | 1.905.856               | 1.361.325             | 6422           |
| GXC2 13                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Ghế xoay EEC213, hiệu E-đra            | 28/06/2025   | 2.462.037          | 6                | 410.340                  | 2.051.700         | 410.340                | 2.462.037               | -                     | 6422           |
| MTB9 TH                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Máy tính bảng Apple Ipad Gen           | 11/07/2025   | 6.354.545          | 6                | 1.059.091                | 4.236.365         | 1.059.091              | 5.295.456               | 1.059.089             | 6422           |
| BV10 105F                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Bộ vi xử lý i3-10105F                  | 11/06/2025   | 7.204.546          | 6                | 1.200.000                | 6.003.791         | 1.200.000              | 7.204.549               | -                     | 6422           |
| CMH TI407                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Cạc màn hình TRIO 12G                  | 23/11/2025   | 22.136.364         | 6                | 3.689.394                | 983.838           | 3.689.394              | 4.673.232               | 17.463.132            | 6422           |
| DCU TP5E                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Dây cáp mạng cat5E                     | 23/11/2025   | 1.090.909          | 3                | 363.636                  | 96.970            | 96.970                 | 460.606                 | 630.303               | 6422           |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | <b>Tổng cộng</b>                       |              | <b>100.258.312</b> |                  | <b>11.807.378</b>        | <b>41.863.984</b> | <b>11.807.378</b>      | <b>53.671.359</b>       | <b>46.586.953</b>     |                |
| <div style="text-align: right;">                     -Số này có 1 trang, đánh từ trang 1 đến trang 1<br/>                     - Ngày mở sổ...<br/>                     Ngày.....tháng.....năm                 </div> <div style="display: flex; justify-content: space-between; margin-top: 20px;"> <div style="text-align: center;"> <b>Người lập phiếu</b><br/> <i>(Ký, họ tên)</i> </div> <div style="text-align: center;"> <b>Kế toán trưởng</b><br/> <i>(Ký, họ tên)</i> </div> <div style="text-align: center;"> <b>Giám đốc</b><br/> <i>(Ký, họ tên, đóng dấu)</i> </div> </div> |                                        |              |                    |                  |                          |                   |                        |                         |                       |                |

**Hình 2.12. Bảng chi tiết phân bổ công cụ dụng cụ**

Ví dụ: Tính giá trị phân bổ trong tháng 12 của Máy tính xách tay Asus FX517ZC-HN079W, giá trị của máy tính là 19.181.818 VND thời gian phân bổ 12 tháng.

$$\text{Giá trị phân bổ CCDC hàng tháng} = \frac{\text{Giá trị công cụ dụng cụ}}{\text{Thời gian phân bổ (tháng)}}$$

$$\text{Giá trị phân bổ trong kỳ của máy tính} = \frac{19.181.818}{12} = 1.598.485(\text{VND})$$

Trong tháng 12 tổng giá trị phân bổ là 11.807.378 VND.

❖ **Trích sổ chi tiết tài khoản 6422**

| Công ty TNHH đầu tư phát triển công nghệ Trung Tín<br>Địa chỉ: 140 Trịnh Đình Thảo, Phường Cẩm Lệ,<br>Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam |          |            |                                         |            | Ban hành theo 133/2016/TT-BTC<br>Ngày 26/08/2016 của bộ tài chính   |             |             |    |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|------------|-----------------------------------------|------------|---------------------------------------------------------------------|-------------|-------------|----|
| SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN<br>6422: Chi phí quản lý doanh nghiệp<br>Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025                             |          |            |                                         |            |                                                                     |             |             |    |
| Ngày, tháng ghi sổ                                                                                                                | Chứng từ |            | Diễn giải                               | TK đối ứng | Số phát sinh                                                        |             | Số dư       |    |
|                                                                                                                                   | Số hiệu  | Ngày tháng |                                         |            | Nợ                                                                  | Có          | Nợ          | Có |
|                                                                                                                                   |          |            | Số dư đầu kỳ                            |            |                                                                     |             |             |    |
| ...                                                                                                                               |          |            | ...                                     |            | ...                                                                 |             | ...         |    |
| 03/01/2025                                                                                                                        | 7        | 03/01/2025 | Chi phí tiếp khách                      | 1111       | 1.910.741                                                           |             | 2.057.038   |    |
| 28/02/2025                                                                                                                        | 0639     | 28/02/2025 | Chi Tiền HD số: 1693988                 | 1111       | 66.205                                                              |             | 81.046.579  |    |
| ...                                                                                                                               |          |            | ...                                     |            | ...                                                                 |             | ...         |    |
| 31/05/2025                                                                                                                        | 132      | 31/05/2025 | Tính lương tháng 5                      | 334        | 20.900.000                                                          |             | 240.604.762 |    |
| ...                                                                                                                               |          |            | ...                                     |            | ...                                                                 |             | ...         |    |
| 23/08/2025                                                                                                                        | 1730     | 23/08/2025 | Chi phí tiếp khách                      | 1111       | 2.610.000                                                           |             | 308.068.151 |    |
| ...                                                                                                                               |          |            | ...                                     |            | ...                                                                 |             | ...         |    |
| 13/12/2025                                                                                                                        | 2354     | 13/12/2025 | Dầu Đêzen 0,001S Mức 5                  | 1111       | 925.926                                                             |             | 771.612.882 |    |
| ...                                                                                                                               |          |            | ...                                     |            | ...                                                                 |             | ...         |    |
| 31/12/2025                                                                                                                        | 035      | 31/12/2025 | Chi phí trích trước tháng 12            | 242        | 11.807.378                                                          |             | 791.875.591 |    |
| ...                                                                                                                               |          |            | ...                                     |            | ...                                                                 |             | ...         |    |
| 31/12/2025                                                                                                                        | 254      | 31/12/2025 | Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp | 911        |                                                                     | 845.452.132 |             |    |
|                                                                                                                                   |          |            | Cộng phát sinh trong kỳ                 |            | 845.452.132                                                         | 845.452.132 |             |    |
|                                                                                                                                   |          |            | Số dư cuối kỳ                           |            |                                                                     |             |             |    |
| Kế toán trưởng<br>(Ký, ghi rõ họ và tên)                                                                                          |          |            |                                         |            | Ngày 31 Tháng 12 Năm 2025<br>Người ghi sổ<br>(Ký, ghi rõ họ và tên) |             |             |    |

|                                                                                                                                   |                   |                |                              |                                                                          |                 |                 |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|----------------|------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------------|
| Công ty TNHH đầu tư phát triển công nghệ Trung Tín<br>Địa chỉ: 140 Trịnh Đình Thảo, Phường Cẩm Lệ,<br>Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam |                   |                |                              | Ban hành theo TT số 133/2016/TT- BTC<br>Ngày 26/08/2016 của bộ tài chính |                 |                 |
| SỔ NHẬT KÍ CHUNG<br>Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025                                                                        |                   |                |                              |                                                                          |                 |                 |
| Ngày,<br>tháng ghi<br>số                                                                                                          | Chứng từ          |                | Diễn giải                    | Tài<br>khoản<br>đối<br>ứng                                               | Số phát sinh    |                 |
|                                                                                                                                   | Số<br>chứng<br>từ | Ngày,<br>tháng |                              |                                                                          | Nợ              | Có              |
| ...                                                                                                                               |                   |                | ...                          | ...                                                                      | ...             |                 |
| 30/03/2025                                                                                                                        | 0857              | 30/03/2025     | Phí dịch vụ Vimo             |                                                                          |                 |                 |
|                                                                                                                                   |                   |                | Chi phí bán hàng             | 6421                                                                     | 826.364         |                 |
|                                                                                                                                   |                   |                | Thuế GTGT đầu vào            | 1331                                                                     | 82.636          |                 |
|                                                                                                                                   |                   |                | Tiền mặt                     | 1111                                                                     |                 | 909.000         |
| ...                                                                                                                               |                   | ...            | ...                          | ...                                                                      | ...             |                 |
| 23/08/2025                                                                                                                        | 1730              | 23/08/2025     | Chi phí tiếp khách           |                                                                          |                 |                 |
|                                                                                                                                   |                   |                | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 6422                                                                     | 2.610.000       |                 |
|                                                                                                                                   |                   |                | Thuế GTGT đầu vào            | 1331                                                                     | 208.800         |                 |
|                                                                                                                                   |                   |                | Tiền mặt                     | 1111                                                                     |                 | 2.818.800       |
| ...                                                                                                                               |                   | ...            | ...                          | ...                                                                      | ...             | ...             |
| 13/12/2025                                                                                                                        | 2354              | 13/12/2025     | Dầu Diesel 0,001S Mức 5      |                                                                          |                 |                 |
|                                                                                                                                   |                   |                | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 6422                                                                     | 925.926         |                 |
|                                                                                                                                   |                   |                | Thuế GTGT đầu vào            | 1331                                                                     | 74.074          |                 |
|                                                                                                                                   |                   |                | Tiền mặt                     | 1111                                                                     |                 | 1.000.000       |
| ...                                                                                                                               |                   | ...            | ...                          | ...                                                                      | ...             |                 |
| 31/12/2025                                                                                                                        | 035               | 31/12/2025     | Chi phí trích trước tháng 12 |                                                                          |                 |                 |
|                                                                                                                                   |                   |                | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 6422                                                                     | 11.807.378      |                 |
|                                                                                                                                   |                   |                | Chi phí trả trước dài hạn    | 242                                                                      |                 | 11.807.378      |
| ...                                                                                                                               |                   | ...            | ...                          | ...                                                                      | ...             |                 |
| 31/12/2025                                                                                                                        | 225               | 31/12/2025     | Tính lương tháng 12          |                                                                          |                 |                 |
|                                                                                                                                   |                   |                | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 6422                                                                     | 13.700.000      |                 |
|                                                                                                                                   |                   |                | Chi phí nhân công trực tiếp  | 154                                                                      | 27.180.769      |                 |
|                                                                                                                                   |                   |                | Chi phí bán hàng             | 6421                                                                     | 12.815.384      |                 |
|                                                                                                                                   |                   |                | Phải trả người lao động      | 334                                                                      |                 | 53.696.154      |
| 31/12/2025                                                                                                                        | 247               | 31/12/2025     | Chi phí BHXH, BHYT, BHTN     |                                                                          |                 |                 |
|                                                                                                                                   |                   |                | Chi phí bán hàng             | 6421                                                                     | 1.958.000       |                 |
|                                                                                                                                   |                   |                | Bảo hiểm xã hội              | 3383                                                                     |                 | 1.602.000       |
|                                                                                                                                   |                   |                | Bảo hiểm y tế                | 3384                                                                     |                 | 267.000         |
|                                                                                                                                   |                   |                | Bảo hiểm thất nghiệp         | 3385                                                                     |                 | 89.000          |
| ...                                                                                                                               |                   | ...            | ...                          | ...                                                                      | ...             | ...             |
| 31/12/2025                                                                                                                        | 001               | 31/12/2025     | Chi phí quản lý kinh doanh   |                                                                          |                 |                 |
|                                                                                                                                   |                   |                | Xác định kết quả kinh doanh  | 911                                                                      | 1.155.297.228   |                 |
|                                                                                                                                   |                   |                | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 6422                                                                     |                 | 845.452.132     |
|                                                                                                                                   |                   |                | Chi phí bán hàng             | 6421                                                                     |                 | 309.845.096     |
|                                                                                                                                   |                   |                | Tổng cộng                    |                                                                          | 101.333.642.113 | 101.333.642.113 |
| Ngày 31 tháng 12 năm 2025                                                                                                         |                   |                |                              |                                                                          |                 |                 |
| Kế toán trưởng<br>(Ký, ghi rõ họ và tên)                                                                                          |                   |                |                              | Người ghi sổ<br>(Ký, ghi rõ họ và tên)                                   |                 |                 |

## ❖ Trích sổ cái tài khoản 642

| Công ty TNHH đầu tư phát triển công nghệ Trung Tín |                   |                |                                                          | Ban hành theo TT số 133/2016/TT- BTC                                |               |               |
|----------------------------------------------------|-------------------|----------------|----------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|---------------|---------------|
| Địa chỉ: 140 Trịnh Đình Thảo, Phường Cẩm Lệ,       |                   |                |                                                          | Ngày 26/08/2016 của bộ tài chính                                    |               |               |
| Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam                        |                   |                |                                                          |                                                                     |               |               |
| SỔ CÁI TÀI KHOẢN                                   |                   |                |                                                          |                                                                     |               |               |
| Tài khoản: 642- Chi phí quản lý kinh doanh         |                   |                |                                                          |                                                                     |               |               |
| Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025             |                   |                |                                                          |                                                                     |               |               |
| Ngày,<br>tháng ghi<br>số                           | Chứng từ          |                | Diễn giải                                                | Tài<br>kho<br>ản<br>đối<br>ứng                                      | Số phát sinh  |               |
|                                                    | Số<br>chứng<br>từ | Ngày,<br>tháng |                                                          |                                                                     | Nợ            | Có            |
|                                                    |                   |                | Số dư đầu kỳ                                             |                                                                     |               |               |
| ...                                                | ...               |                | ...                                                      |                                                                     | ...           |               |
| 03/01/2025                                         | 7                 | 03/01/2025     | Chi phí tiếp khách                                       | 1111                                                                | 1.910.741     |               |
| 28/02/2025                                         | 0639              | 28/02/2025     | Chi Tiền HD số:<br>1693988                               | 1111                                                                | 66.205        |               |
| 30/03/2025                                         | 0857              | 30/03/2025     | Phí dịch vụ trên Vimo<br>tháng 03/2025                   | 1111                                                                | 826.364       |               |
| ...                                                |                   |                | ...                                                      |                                                                     | ...           |               |
| 31/05/2025                                         | 132               | 31/05/2025     | Tính lương tháng 5                                       | 334                                                                 | 20.900.000    |               |
| ...                                                |                   |                | ...                                                      |                                                                     | ...           |               |
| 23/08/2025                                         | 1730              | 23/08/2025     | Chi phí tiếp khách                                       | 1111                                                                | 2.610.000     |               |
| ...                                                |                   |                | ...                                                      |                                                                     | ...           |               |
| 13/12/2025                                         | 2354              | 13/12/2025     | Dầu Diesel 0,001S Mức<br>5                               | 1111                                                                | 925.926       |               |
| ...                                                |                   |                | ...                                                      |                                                                     | ...           |               |
| 31/12/2025                                         | 035               | 31/12/2025     | Chi phí trích trước tháng<br>12                          | 242                                                                 | 11.807.378    |               |
| ...                                                |                   |                | ...                                                      |                                                                     | ...           |               |
| 31/12/2025                                         | 225               | 31/12/2025     | Tính lương tháng 12                                      | 334                                                                 | 12.815.385    |               |
| 31/12/2025                                         | 247               | 31/12/2025     | Chi phí BHXH, BHYT,<br>BHTN bộ phận bán hàng<br>tháng 12 | 3383                                                                | 1.602.000     |               |
| 31/12/2025                                         | 247               | 31/12/2025     | Chi phí BHXH, BHYT,<br>BHTN bộ phận bán hàng<br>tháng 12 | 3384                                                                | 267.000       |               |
| 31/12/2025                                         | 247               | 31/12/2025     | Chi phí BHXH, BHYT,<br>BHTN bộ phận bán hàng<br>tháng 12 | 3385                                                                | 89.000        |               |
| ...                                                |                   |                | ...                                                      |                                                                     | ...           |               |
| 31/12/2025                                         | 001               | 31/12/2025     | Kết chuyển chi phí<br>quản lý kinh doanh                 | 911                                                                 |               | 1.155.297.228 |
|                                                    |                   |                | Cộng phát sinh trong<br>kỳ                               |                                                                     | 1.155.297.228 | 1.155.297.228 |
|                                                    |                   |                | Số dư cuối kỳ                                            |                                                                     |               |               |
| Kế toán trưởng<br>(Ký, ghi rõ họ và tên)           |                   |                |                                                          | Ngày 31 tháng 12 năm 2025<br>Người ghi sổ<br>(Ký, ghi rõ họ và tên) |               |               |

## **2.2.2. Kế toán hoạt động tài chính**

### **2.2.2.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính**

#### **a, Nội dung doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính của công ty chủ yếu là các khoản thu lãi từ ngân hàng.

#### **b, Chứng từ sử dụng**

- Sổ phụ ngân hàng
- Giấy báo có

#### **c, Tài khoản sử dụng**

##### **Tài khoản 515 “Doanh thu hoạt động tài chính”**

Để hạch toán doanh thu hoạt động tài chính Công Ty TNHH đầu tư phát triển công nghệ Trung Tín sử dụng TK 515 “Doanh thu hoạt động tài chính”. Tài khoản này cuối kỳ kết chuyển hết sang tài khoản 911 nên không có số dư cuối kỳ.

#### **d, Sổ sách kế toán sử dụng**

- Sổ chi tiết tài khoản 515
- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái tài khoản 515

#### **e, Trình tự ghi sổ**

- Vào cuối mỗi tháng kế toán mang giấy giới thiệu có chữ ký của giám đốc tới ngân hàng để in sổ phụ về đối chiếu số liệu.
- Căn cứ vào Giấy báo có lãi tiền gửi, Sổ phụ ngân hàng hoặc sao kê tài khoản ngân hàng, kế toán nhập liệu vào phần mềm Excel

\* **Nghiệp vụ minh họa số 10:** Ngày 30/09/2025 Công ty nhận giấy báo Có nhận được lãi tiền gửi của ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (VPBANK). Số tiền lãi công ty nhận được là 82.567 VND.



**VPBank**  
Ngân Hàng Việt Nam Thịnh Vượng

Chi nhánh/Branch: **VPBANK - CN Đà Nẵng**

**SỔ PHỤ KIỂM PHIẾU BẢO NỢ, BẢO CỐ**  
**BANK STATEMENT, DEBIT - CREDIT TRANSACTION**

**Kỳ sao kê/from 01/09/2025 tới/to 30/09/2025**

|                                       |                     |                                                   |                                                    |
|---------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------|----------------------------------------------------|
| Số tài khoản/<br>Account number:      | 381546648           | Tên khách hàng<br>Customer's Name:                | CONG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TRUNG TIN |
| Loại tài khoản/<br>Account type:      | Tiền gửi thanh toán | Địa chỉ/<br>Address:                              | 6 BUI CÔNG TRUNG QUAN CẨM LÊ                       |
| Loại tiền tệ/<br>Currency:            | VND                 | Mã số KH/<br>Customer CIF:                        | 17876281                                           |
| Hạn mức thấu chi/<br>Overdraft limit: |                     | Số CMND/CCCD/HC/GCNDKDN/<br>QĐTL/ID paper/BRC No: | 0402048795                                         |

---

|                                      |                                          |                                         |                                                       |
|--------------------------------------|------------------------------------------|-----------------------------------------|-------------------------------------------------------|
| Số dư đầu kỳ<br>Begin balance<br>(1) | Tổng phát sinh có<br>Total credit<br>(2) | Tổng phát sinh nợ<br>Total debit<br>(3) | Số dư cuối kỳ<br>End balance<br>(4) = (1) + (2) - (3) |
| <b>1.213.763</b>                     | <b>565.182.067</b>                       | <b>8.391.851</b>                        | <b>558.003.979</b>                                    |

Chi tiết giao dịch/Transaction details:

| STT No                             | Nội dung<br>Txn details                                                                            | Số chứng từ<br>Ref No | Phát sinh nợ<br>Debit Amt | Phát sinh có<br>Credit Amt | Số dư<br>Balance |
|------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|---------------------------|----------------------------|------------------|
| 7                                  | PDLĐ2502202413-TRUNG TIN TĐT CO LTD CT TNHH DT PT CN TRUNG TIN                                     | 8                     | 5.208.333                 |                            |                  |
| Ngày giao dịch/Txn date 08/09/2025 |                                                                                                    |                       |                           |                            |                  |
| 8                                  | BIL-VN0010104-CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TRUNG TIN-2025-27-13-010104-001288-DNTD SME | FT25251914510341      | 202.067                   |                            | 557.948.085      |
| Ngày giao dịch/Txn date 09/09/2025 |                                                                                                    |                       |                           |                            |                  |
| 9                                  | CÔNG TY TRUNG TIN THANH TOÁN CÔNG NƠI HOA ĐƠN SỐ 20088 VÀ 19605                                    | FT25252379400433      | 26.673                    |                            | 557.921.412      |
| Ngày giao dịch/Txn date 30/09/2025 |                                                                                                    |                       |                           |                            |                  |
| 10                                 | Hạch toán lãi                                                                                      | 381546648-20250930    |                           | 82.567                     | 558.003.979      |

Người kiểm soát  
(Approved by)

Đã được ký điện tử bởi  
(Digitally Signed by):

**NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG**

Ký ngày (Signed date): 03/10/2025



**Hình 2.13. Giấy báo Có tiền lãi ngân hàng ngày 30 tháng 09 năm 2025**

Căn cứ vào sổ phụ ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng kế toán tiến hành ghi nhận lãi tiền gửi vào phần mềm.

- Sau đó lên sổ chi tiết, sổ Nhật ký chung, sổ Cái,...

- Cuối năm, kế toán in sổ chi tiết, sổ Nhật ký chung, sổ Cái,... để lưu trữ.

Trích Sổ chi tiết TK 515 ( Xem trang số 64 )

Trích Sổ nhật ký chung (Xem trang số 65 )

Trích Sổ cái TK 515 ( Xem trang số 66 )

Công ty TNHH đầu tư phát triển công nghệ Trung Tín

Địa chỉ: 140 Trịnh Đình Thảo, Phường Cẩm Lệ,

Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Ban hành theo

133/2016/TT-BTC

Ngày 26/08/2016 của bộ tài chính

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

515: Doanh thu hoạt động tài chính

Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

| Ngày, tháng ghi sổ | Chứng từ       |            | Diễn giải                                | TK đối ứng  | Số phát sinh |         | Số dư |         |
|--------------------|----------------|------------|------------------------------------------|-------------|--------------|---------|-------|---------|
|                    | Số hiệu        | Ngày tháng |                                          |             | Nợ           | Có      | Nợ    | Có      |
|                    |                |            | Số dư đầu kỳ                             |             |              |         |       |         |
| ...                |                | ...        | ...                                      |             |              | ...     |       | ...     |
| 25/01/2025         | CTNH.00052/01  | 25/01/2025 | Lãi tiền gửi                             | 1121VCB     |              | 16.762  |       | 16.762  |
| 25/02/2025         | CTNH.00077/01  | 25/02/2025 | Lãi tiền gửi                             | 1121VCB     |              | 9.237   |       | 25.999  |
| ...                |                | ...        | ...                                      |             |              | ...     |       | ...     |
| 25/06/2025         | CTNH.000300/01 | 25/06/2025 | Lãi tiền gửi                             | 1121VPBA NK |              | 23.639  |       | 175.287 |
| ...                |                | ...        | ...                                      |             |              | ...     |       | ...     |
| 25/08/2025         | CTNH.000992/01 | 25/08/2025 | Lãi tiền gửi                             | 1121VCB     |              | 13.250  |       | 196.048 |
| ...                |                | ...        | ...                                      |             |              | ...     |       | ...     |
| 30/09/2025         | CTNH.001022/01 | 30/09/2025 | Lãi tiền gửi                             | 1121VPBA NK |              | 82.567  |       | 279.769 |
| 25/11/2025         | CTNH.001037/01 | 25/11/2025 | Lãi tiền gửi                             | 1121VCB     |              | 4.036   |       | 302.407 |
| ...                |                | ...        | ...                                      |             |              | ...     |       | ...     |
| 31/12/2025         | CTNH.001045/01 | 31/12/2025 | Lãi tiền gửi                             | 1121VPBA NK |              | 1.441   |       | 335.171 |
| 31/12/2025         | 001            | 31/12/2025 | Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính | 911         | 335.171      |         |       |         |
|                    |                |            | Cộng phát sinh trong kỳ                  |             | 335.171      | 335.171 |       |         |
|                    |                |            | Số dư cuối kỳ                            |             |              |         |       |         |

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Ngày 31 Tháng 12 Năm 2025

Người ghi sổ

(Ký, ghi rõ họ và tên)

| Công ty TNHH đầu tư phát triển công nghệ Trung Tín |                    |                |                                             | Ban hành theo TT số 133/2016/TT- BTC                                |                 |                 |
|----------------------------------------------------|--------------------|----------------|---------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------------|
| Địa chỉ: 140 Trịnh Đình Thảo, Phường Cẩm Lệ,       |                    |                |                                             | Ngày 26/08/2016 của bộ tài chính                                    |                 |                 |
| Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam                        |                    |                |                                             |                                                                     |                 |                 |
| SỔ NHẬT KÍ CHUNG                                   |                    |                |                                             |                                                                     |                 |                 |
| Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025             |                    |                |                                             |                                                                     |                 |                 |
| Ngày,<br>tháng ghi<br>số                           | Chứng từ           |                | Diễn giải                                   | Tài<br>khoản<br>đối ứng                                             | Số phát sinh    |                 |
|                                                    | Số<br>chứng<br>từ  | Ngày,<br>tháng |                                             |                                                                     | Nợ              | Có              |
| ...                                                |                    |                | ...                                         | ...                                                                 | ...             |                 |
| 25/01/2025                                         | CTNH.00<br>0052/01 | 25/01/2025     | Lãi tiền gửi                                |                                                                     |                 |                 |
|                                                    |                    |                | Tiền gửi ngân hàng                          | 1121VCB                                                             | 16.762          |                 |
|                                                    |                    |                | Doanh thu từ lãi tiền gửi                   | 515                                                                 |                 | 16.762          |
| 25/02/2025                                         | CTNH.00<br>0077/01 | 25/02/2025     | Lãi tiền gửi                                |                                                                     |                 |                 |
|                                                    |                    |                | Tiền gửi ngân hàng                          | 1121VCB                                                             | 9.237           |                 |
|                                                    |                    |                | Doanh thu từ lãi tiền gửi                   | 515                                                                 |                 | 9.237           |
| ...                                                |                    | ...            | ...                                         | ...                                                                 | ...             | ...             |
| 25/06/2025                                         | CTNH.00<br>0300/01 | 25/06/2025     | Lãi tiền gửi                                |                                                                     |                 |                 |
|                                                    |                    |                | Tiền gửi ngân hàng                          | 1121VPBA<br>NK                                                      | 23.639          |                 |
|                                                    |                    |                | Doanh thu từ lãi tiền gửi                   | 515                                                                 |                 | 23.639          |
| ...                                                | ...                | ...            | ...                                         | ...                                                                 | ...             | ...             |
| 25/08/2025                                         | CTNH.00<br>0992/01 | 25/08/2025     | Lãi tiền gửi                                |                                                                     |                 |                 |
|                                                    |                    |                | Tiền gửi ngân hàng                          | 1121VCB                                                             | 13.250          |                 |
|                                                    |                    |                | Doanh thu từ lãi tiền gửi                   | 515                                                                 |                 | 13.250          |
| ...                                                |                    | ...            | ...                                         | ...                                                                 | ...             | ...             |
| 30/09/2025                                         | CTNH.00<br>1022/01 | 30/09/2025     | Lãi tiền gửi                                |                                                                     |                 |                 |
|                                                    |                    |                | Tiền gửi ngân hàng                          | 1121VPBA<br>NK                                                      | 82.567          |                 |
|                                                    |                    |                | Doanh thu từ lãi tiền gửi                   | 515                                                                 |                 | 82.567          |
| ...                                                |                    | ...            | ...                                         | ...                                                                 | ...             | ...             |
| 25/11/2025                                         | CTNH.00<br>1037/01 | 25/11/2025     | Lãi tiền gửi                                |                                                                     |                 |                 |
|                                                    |                    |                | Tiền gửi ngân hàng                          | 1121VCB                                                             | 4.036           |                 |
|                                                    |                    |                | Doanh thu từ lãi tiền gửi                   | 515                                                                 |                 | 4.036           |
| ...                                                |                    | ...            | ...                                         | ...                                                                 | ...             | ...             |
| 25/12/2025                                         | CTNH.00<br>1045/01 | 25/12/2025     | Lãi tiền gửi                                |                                                                     |                 |                 |
|                                                    |                    |                | Tiền gửi ngân hàng                          | 1121VPBA<br>NK                                                      | 4.036           |                 |
|                                                    |                    |                | Doanh thu từ lãi tiền gửi                   | 515                                                                 |                 | 4.036           |
| ...                                                |                    | ...            | ...                                         | ...                                                                 | ...             | ...             |
| 31/12/2025                                         | 001                | 31/12/2025     | Kết chuyển doanh thu<br>hoạt động tài chính |                                                                     |                 |                 |
|                                                    |                    |                | Doanh thu từ lãi tiền gửi                   | 515                                                                 | 335.171         |                 |
|                                                    |                    |                | Xác định kết quả kinh<br>doanh              | 911                                                                 |                 | 335.171         |
|                                                    |                    |                | Tổng cộng                                   |                                                                     | 101.333.642.113 | 101.333.642.113 |
| Kế toán trưởng<br>(Ký, ghi rõ họ và tên)           |                    |                |                                             | Ngày 31 tháng 12 năm 2025<br>Người ghi sổ<br>(Ký, ghi rõ họ và tên) |                 |                 |

**Công ty TNHH đầu tư phát triển công nghệ Trung Tín** Ban hành theo TT số 133/2016/TT- BTC  
**Địa chỉ: 140 Trịnh Đình Thảo, Phường Cẩm Lệ,** Ngày 26/08/2016 của bộ tài chính  
**Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam**

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN**

**Tài khoản: 515- Doanh thu hoạt động tài chính**

*Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025*

| Ngày,<br>tháng ghi<br>số | Chứng từ           |                   | Diễn giải                                               | Tài<br>khoả<br>n đối<br>ứng | Số phát sinh   |                |
|--------------------------|--------------------|-------------------|---------------------------------------------------------|-----------------------------|----------------|----------------|
|                          | Số<br>chứng<br>từ  | Ngày,<br>tháng    |                                                         |                             | Nợ             | Có             |
|                          |                    |                   | <b>Số dư đầu kỳ</b>                                     |                             |                |                |
| ...                      | ...                |                   | ...                                                     | ...                         |                | ...            |
| 25/01/2025               | CTNH.0<br>00052/01 | 25/01/2025        | Lãi tiền gửi                                            | 1121<br>VCB                 |                | 16.762         |
| 25/02/2025               | CTNH.0<br>00077/01 | 25/02/2025        | Lãi tiền gửi                                            | 1121<br>VCB                 |                | 9.237          |
| ...                      |                    |                   | ...                                                     |                             |                | ...            |
| 25/06/2025               | CTNH.0<br>00300/01 | 25/06/2025        | Lãi tiền gửi                                            | 1121V<br>PBAN<br>K          |                | 23.639         |
| ...                      |                    | ...               | ...                                                     |                             |                | ...            |
| 25/08/2025               | CTNH.0<br>00992/01 | 25/08/2025        | Lãi tiền gửi                                            | 1121<br>VCB                 |                | 13.250         |
| ...                      |                    |                   | ...                                                     |                             |                | ...            |
| 30/09/2025               | CTNH.0<br>01022/01 | 30/09/2025        | Lãi tiền gửi                                            | 1121<br>VPB<br>ANK          |                | 82.567         |
| 25/11/2025               | CTNH.0<br>01037/01 | 25/11/2025        | Lãi tiền gửi                                            | 1121<br>VCB                 |                | 4.036          |
| ...                      |                    | ...               | ...                                                     |                             |                | ...            |
| 31/12/2025               | CTNH.0<br>01045/01 | 31/12/2025        | Lãi tiền gửi                                            | 1121V<br>PBAN<br>K          |                | 1.441          |
| <b>31/12/2025</b>        | <b>001</b>         | <b>31/12/2025</b> | <b>Kết chuyển<br/>doanh thu hoạt<br/>động tài chính</b> | <b>911</b>                  | <b>335.171</b> |                |
|                          |                    |                   | <b>Cộng phát sinh<br/>trong kỳ</b>                      |                             | <b>335.171</b> | <b>335.171</b> |
|                          |                    |                   | <b>Số dư cuối kỳ</b>                                    |                             |                |                |

**Kế toán trưởng**  
(Ký, ghi rõ họ và tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2025  
**Người ghi sổ**  
(Ký, ghi rõ họ và tên)

#### 2.2.2.2. *Kế toán chi phí tài chính*

##### *a, Nội dung chi phí tài chính*

- Chi phí tài chính là chi phí liên quan đến hoạt động cho vay hoặc đi vay vốn, chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư và các khoản chi phí tài chính khác,...

##### *b, Chứng từ sử dụng*

- Ủy nhiệm chi
- Sổ phụ ngân hàng
- Giấy báo Nợ

##### *c, Tài khoản sử dụng*

Đề hạch toán chi phí tài chính, kế toán sử dụng Tài khoản 635 “Chi phí tài chính” và sử dụng tài khoản chi tiết 635 để hạch toán. Tài khoản này cuối kỳ kết chuyển hết sang tài khoản 911 nên không có số dư cuối kỳ.

##### *d, Sổ sách sử dụng*

- Sổ chi tiết tài khoản 635
- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái tài khoản 635

##### *e, Trình tự ghi sổ*

Sau khi kế toán nhận được báo nợ trả khoản lãi vay, căn cứ vào sao kê giao dịch chuyển khoản thì tiến hành ghi sổ

**\* Nghiệp vụ minh họa số 11:** Ngày 30/10/2025 Công Ty TNHH đầu tư phát triển công nghệ Trung Tín đã trả lãi cho ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (VPBANK) với số tiền lãi 1.172.351 VND. Công ty đã chuyển khoản trả tiền lãi.



**VPBank**  
Ngân Hàng Việt Nam Thịnh Vượng

Chi nhánh/Branch: **VPBANK - CN Đà Nẵng**

**SỔ PHỤ KIỂM PHIẾU BẢO NỢ, BẢO CÓ**  
**BANK STATEMENT, DEBIT - CREDIT TRANSACTION**

**Kỳ sao kê/from 01/10/2025 tới/to 31/10/2025**

|                                       |                     |                                                   |                                                    |
|---------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------|----------------------------------------------------|
| Số tài khoản/<br>Account number:      | 381546648           | Tên khách hàng<br>Customer's Name:                | CONG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TRUNG TÍN |
| Loại tài khoản/<br>Account type:      | Tiền gửi thanh toán | Địa chỉ/<br>Address:                              | 6 BUI CÔNG TRUNG QUAN CẨM LÊ                       |
| Loại tiền tệ/<br>Currency:            | VND                 | Mã số KH/<br>Customer CIF:                        | 17876281                                           |
| Hạn mức thấu chi/<br>Overdraft limit: |                     | Số CMND/CCCD/HC/GCNDKDN/<br>QĐTL/ID paper/BRC No: | 0402048795                                         |

|                                      |                                          |                                         |                                                       |
|--------------------------------------|------------------------------------------|-----------------------------------------|-------------------------------------------------------|
| Số dư đầu kỳ<br>Begin balance<br>(1) | Tổng phát sinh có<br>Total credit<br>(2) | Tổng phát sinh nợ<br>Total debit<br>(3) | Số dư cuối kỳ<br>End balance<br>(4) = (1) + (2) - (3) |
| <b>558.003.979</b>                   | <b>687.264.348</b>                       | <b>1.243.747.118</b>                    | <b>1.521.209</b>                                      |

Chi tiết giao dịch/Transaction details:

| STT No                             | Nội dung<br>Txn details                                                                            | Số chứng từ<br>Ref No | Phát sinh nợ<br>Debit Amt | Phát sinh có<br>Credit Amt | Số dư<br>Balance |
|------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|---------------------------|----------------------------|------------------|
| 19                                 | to: 381546648 CT TNHH DT PHÁT TRIỂN CN TRUNG TÍN tại VPBANK                                        |                       |                           |                            |                  |
| Ngày giao dịch/Txn date 30/10/2025 |                                                                                                    |                       |                           |                            |                  |
| 20                                 | Thanh toán lãi-LD2529001093-TRUNG TÍN INVESTMENT DEVELOPMENT CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN        | LD2529001093          | 433.096                   |                            | 3.585.618        |
| 21                                 | Thanh toán lãi-LD2529002216-TRUNG TÍN INVESTMENT DEVELOPMENT CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN        | LD2529002216          | 1.172.351                 |                            | 2.413.267        |
| Ngày giao dịch/Txn date 31/10/2025 |                                                                                                    |                       |                           |                            |                  |
| 22                                 | BIL-VN0010104-CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TRUNG TÍN-2025-27-13-010104-001539-DNTD SME | FT25304776801609      | 956.406                   |                            | 1.456.861        |
| 23                                 | Nhan lãi từ tài khoản 381546648-20251031                                                           | 381546648-20251031    |                           | 64.348                     | 1.521.209        |

Người kiểm soát  
(Approved by)

Đã được ký điện tử bởi  
(Digitally Signed by):

**NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG**

Ký ngày (Signed date): 04/11/2025

**Hình 2.14. Giấy báo Nợ thanh toán lãi ngày 30/10/2025**

- Sau đó lên sổ chi tiết, sổ Nhật ký chung, sổ Cái,...
- Cuối năm, kế toán in sổ chi tiết, sổ Nhật ký chung, sổ Cái,... để lưu trữ.

Trích Sổ chi tiết TK 635 ( Xem trang số 69 )

Trích Sổ nhật ký chung (Xem trang số 70 )

Trích Sổ cái TK 635 ( Xem trang số 71 )

Công ty TNHH đầu tư phát triển công nghệ Trung Tín

Địa chỉ: 140 Trịnh Đình Thảo, Phường Cẩm Lệ,

Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Ban hành theo 133/2016/TT-BTC

Ngày 26/08/2016 của bộ tài chính

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

635: Chi phí tài chính

Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

| Ngày, tháng ghi sổ | Chứng từ           |            | Diễn giải                    | TK đối ứng     | Số phát sinh |            | Số dư      |    |
|--------------------|--------------------|------------|------------------------------|----------------|--------------|------------|------------|----|
|                    | Số hiệu            | Ngày tháng |                              |                | Nợ           | Có         | Nợ         | Có |
|                    |                    |            | Số dư đầu kỳ                 |                |              |            |            |    |
| ...                |                    | ...        | ...                          | ...            | ...          |            |            |    |
| 05/02/2025         | CTNH.0<br>00370/01 | 05/02/2025 | Trả lãi                      | 1121VP<br>BANK | 1.438.356    |            | 1.438.356  |    |
| ...                |                    |            | ...                          | ...            | ...          |            |            |    |
| 08/04/2025         | CTNH.0<br>00380/01 | 08/04/2025 | Thanh toán lãi               | 1121VP<br>BANK | 3.116.499    |            | 7.411.060  |    |
| ...                |                    | ...        | ...                          | ...            | ...          |            |            |    |
| 05/06/2025         | CTNH.0<br>00385/01 | 05/06/2025 | Thanh toán lãi               | 1121VP<br>BANK | 3.052.226    |            | 16.370.820 |    |
| ...                |                    | ...        | ...                          | ...            | ...          |            |            |    |
| 05/08/2025         | CTNH.0<br>00391/01 | 05/08/2025 | Thanh toán lãi               | 1121VP<br>BANK | 2.985.873    |            | 20.570.456 |    |
| ...                |                    | ...        | ...                          | ...            | ...          |            |            |    |
| 30/10/2025         | CTNH.0<br>00420/01 | 30/10/2025 | Thanh toán lãi               | 1121VP<br>BANK | 1.172.351    |            | 34.380.056 |    |
| ...                |                    |            | ...                          |                | ...          |            |            |    |
| 01/12/2025         | CTNH.0<br>00435/01 | 01/12/2025 | Thanh toán lãi               | 1121VP<br>BANK | 2.869.600    |            | 43.845.489 |    |
| ....               |                    |            | ...                          |                | ...          |            |            |    |
| 31/12/2025         | 001                | 31/12/2025 | Kết chuyển chi phí tài chính | 911            |              | 51.969.967 |            |    |
|                    |                    |            | Cộng phát sinh trong kỳ      |                | 51.969.967   | 51.969.967 |            |    |
|                    |                    |            | Số dư cuối kỳ                |                |              |            |            |    |

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Ngày 31 Tháng 12 Năm 2025

Người ghi sổ

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Công ty TNHH đầu tư phát triển công nghệ Trung Tín  
Địa chỉ: 140 Trịnh Đình Thảo, Phường Cẩm Lệ,  
Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Ban hành theo TT số 133/2016/TT- BTC  
Ngày 26/08/2016 của bộ tài chính

### SỔ NHẬT KÍ CHUNG

Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

| Ngày,<br>tháng ghi<br>số | Chứng từ           |                | Diễn giải                       | Tài<br>khoản<br>đối<br>ứng | Số phát sinh           |                        |
|--------------------------|--------------------|----------------|---------------------------------|----------------------------|------------------------|------------------------|
|                          | Số<br>chứng<br>từ  | Ngày,<br>tháng |                                 |                            | Nợ                     | Có                     |
| ...                      | ...                | ...            | ...                             | ...                        | ...                    | ...                    |
| 05/02/2025               | CTNH.00<br>0370/01 | 05/02/2025     | Trả lãi                         |                            |                        |                        |
|                          |                    |                | Chi trả lãi tiền vay            | 635                        | 1.438.356              |                        |
|                          |                    |                | Tiền gửi ngân hàng              | 1121VP<br>BANK             |                        | 1.438.356              |
| 08/04/2025               | CTNH.00<br>0380/01 | 08/04/2025     | Thanh toán lãi                  |                            |                        |                        |
|                          |                    |                | Chi trả lãi tiền vay            | 635                        | 3.116.499              |                        |
|                          |                    |                | Tiền gửi ngân hàng              | 1121VP<br>BANK             |                        | 3.116.499              |
| ...                      | ...                | ...            | ...                             | ...                        | ...                    | ...                    |
| 05/06/2025               | CTNH.00<br>0385/01 | 05/06/2025     | Thanh toán lãi                  |                            |                        |                        |
|                          |                    |                | Chi trả lãi tiền vay            | 635                        | 3.052.226              |                        |
|                          |                    |                | Tiền gửi ngân hàng              | 1121VP<br>BANK             |                        | 3.052.226              |
| ...                      | ...                | ...            | ...                             | ...                        | ...                    | ...                    |
| 05/08/2025               | CTNH.00<br>0391/01 | 05/08/2025     | Thanh toán lãi                  |                            |                        |                        |
|                          |                    |                | Chi trả lãi tiền vay            | 635                        | 2.985.873              |                        |
|                          |                    |                | Tiền gửi ngân hàng              | 1121VP<br>BANK             |                        | 2.985.873              |
| ...                      | ...                | ...            | ...                             | ...                        | ...                    | ...                    |
| 30/10/2025               | CTNH.00<br>0420/01 | 30/10/2025     | Thanh toán lãi                  |                            |                        |                        |
|                          |                    |                | Chi trả lãi tiền vay            | 635                        | 1.172.351              |                        |
|                          |                    |                | Tiền gửi ngân hàng              | 1121VP<br>BANK             |                        | 1.172.351              |
| ...                      | ...                | ...            | ...                             | ...                        | ...                    | ...                    |
| 01/12/2025               | CTNH.00<br>0435/01 | 01/12/2025     | Thanh toán lãi                  |                            |                        |                        |
|                          |                    |                | Chi trả lãi tiền vay            | 635                        | 2.869.600              |                        |
|                          |                    |                | Tiền gửi ngân hàng              | 1121VP<br>BANK             |                        | 2.869.600              |
| ...                      | ...                | ...            | ...                             | ...                        | ...                    | ...                    |
| 31/12/2025               | 001                | 31/12/2025     | Kết chuyển chi phí<br>tài chính |                            |                        |                        |
|                          |                    |                | Xác định kết quả<br>kinh doanh  | 911                        | 51.969.967             |                        |
|                          |                    |                | Chi trả tiền lãi vay            | 635                        |                        | 51.969.967             |
|                          |                    |                | <b>Tổng cộng</b>                |                            | <b>101.333.642.113</b> | <b>101.333.642.113</b> |

**Kế toán trưởng**  
(Ký, ghi rõ họ và tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2025  
**Người ghi sổ**  
(Ký, ghi rõ họ và tên)



### **2.2.3. Kế toán hoạt động khác**

#### **2.2.3.1. Kế toán thu nhập khác**

##### **a, Nội dung kế toán thu nhập khác**

Trong quá trình hoạt động công ty có các khoản thu nhập phát sinh không thường xuyên trong quá trình hoạt động, không liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất, kinh doanh chính.

##### **b, Chứng từ sử dụng**

- Giấy báo Có

##### **c, Tài khoản sử dụng**

Đề hạch toán thu nhập khác, kế toán sử dụng Tài khoản 711 “Thu nhập khác”. Tài khoản này cuối kỳ kết chuyển hết sang TK 911 nên không có số dư cuối kỳ.

##### **d, Sổ sách sử dụng**

- Sổ chi tiết tài khoản 711
- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái 711

e, Trình tự ghi sổ

\* **Nghiệp vụ minh họa số 12:** Ngày 24/01/2025 Công Ty TNHH đầu tư phát triển công nghệ Trung Tín thu tiền từ Hồ Minh Nhật với số tiền 2.000 VND vào tài khoản ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (VPBANK).



Chi nhánh/Branch: **VPBANK - CN Đà Nẵng**

**SỔ PHỤ KIỂM PHIẾU BẢO NỢ, BẢO CỐ**  
*BANK STATEMENT, DEBIT - CREDIT TRANSACTION*

**Kỳ sao kê/from 01/01/2025 tới/to 31/01/2025**

|                                       |                            |                                                   |                                                           |
|---------------------------------------|----------------------------|---------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|
| Số tài khoản/<br>Account number:      | <b>381546648</b>           | Tên khách hàng<br>Customer's Name:                | <b>CONG TY TNHH DAU TU PHAT TRIEN CONG NGHE TRUNG TIN</b> |
| Loại tài khoản/<br>Account type:      | <b>Tiền gửi thanh toán</b> | Địa chỉ/<br>Address:                              | <b>6 BUI CONG TRUNG QUAN CAM LE</b>                       |
| Loại tiền tệ/<br>Currency:            | <b>VND</b>                 | Mã số KH/<br>Customer CIF:                        | <b>17876281</b>                                           |
| Hạn mức thấu chi/<br>Overdraft limit: |                            | Số CMND/CCCD/HC/GCNDKDN/<br>QĐTL/ID paper/BRC No: | <b>0402048795</b>                                         |

|                                      |                                          |                                         |                                                       |
|--------------------------------------|------------------------------------------|-----------------------------------------|-------------------------------------------------------|
| Số dư đầu kỳ<br>Begin balance<br>(1) | Tổng phát sinh có<br>Total credit<br>(2) | Tổng phát sinh nợ<br>Total debit<br>(3) | Số dư cuối kỳ<br>End balance<br>(4) = (1) + (2) - (3) |
| <b>-2.000</b>                        | <b>2.000</b>                             | <b>0</b>                                | <b>0</b>                                              |

Chi tiết giao dịch/Transaction details:

| STT<br>No                          | Nội dung<br>Txn details                                       | Số chứng từ<br>Ref No | Phát sinh nợ<br>Debit Amt | Phát sinh có<br>Credit Amt | Số dư<br>Balance |
|------------------------------------|---------------------------------------------------------------|-----------------------|---------------------------|----------------------------|------------------|
| Ngày giao dịch/Txn date 24/01/2025 |                                                               |                       |                           |                            |                  |
| 1                                  | NHAN TU 103878287270 TRACE 786487 ND HO MINH NHAT chuyen tien | FT25024631504413      |                           | 2.000                      | 0                |

Người kiểm soát  
(Approved by)

Đã được ký điện tử bởi  
(Digitally Signed by):

**NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG**

Ký ngày (Signed date): 04/02/2025



**Hình 2.15. Giấy báo Có thu tiền khách hàng ngày 24/01/2025**

- Sau đó lên sổ chi tiết, sổ Nhật ký chung, sổ Cái,...
  - Cuối năm, kế toán in sổ chi tiết, sổ Nhật ký chung, sổ Cái,... để lưu trữ.
- Trích Sổ chi tiết TK 711 ( Xem trang số 74 )
- Trích Sổ nhật ký chung (Xem trang số 75 )
- Trích Sổ cái TK 711 ( Xem trang số 76 )

| Công ty TNHH đầu tư phát triển công nghệ Trung Tín |                        |               |                             |                | Ban hành theo             |       |       |       |
|----------------------------------------------------|------------------------|---------------|-----------------------------|----------------|---------------------------|-------|-------|-------|
| Địa chỉ: 140 Trịnh Đình Thảo, Phường Cẩm Lệ,       |                        |               |                             |                | 133/2016/TT-BTC           |       |       |       |
| Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam                        |                        |               |                             |                | Ngày 26/08/2016 của bộ    |       |       |       |
|                                                    |                        |               |                             |                | tài chính                 |       |       |       |
| SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN                              |                        |               |                             |                |                           |       |       |       |
| 711: Thu nhập khác                                 |                        |               |                             |                |                           |       |       |       |
| Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025             |                        |               |                             |                |                           |       |       |       |
| Ngày,<br>tháng ghi<br>sổ                           | Chứng từ               |               | Diễn giải                   | TK đối<br>ứng  | Số phát sinh              |       | Số dư |       |
|                                                    | Số<br>hiệu             | Ngày<br>tháng |                             |                | Nợ                        | Có    | Nợ    | Có    |
|                                                    |                        |               | Số dư đầu kỳ                |                |                           |       |       |       |
| 24/01/2025                                         | CTNH<br>.00036<br>8/02 | 24/01/2025    | Thu tiền từ Hồ<br>Minh Nhật | 1121VPB<br>ANK |                           | 2.000 |       | 2.000 |
| 31/12/2025                                         | 001                    | 31/12/2025    | Kết chuyển<br>thu nhập khác | 911            | 2.000                     |       |       |       |
|                                                    |                        |               | Cộng phát<br>sinh trong kỳ  |                | 2.000                     | 2.000 |       |       |
|                                                    |                        |               | Số dư cuối kỳ               |                |                           |       |       |       |
| Kế toán trưởng                                     |                        |               |                             |                | Ngày 31 Tháng 12 Năm 2025 |       |       |       |
| (Ký, ghi rõ họ và tên)                             |                        |               |                             |                | Người ghi sổ              |       |       |       |
|                                                    |                        |               |                             |                | (Ký, ghi rõ họ và tên)    |       |       |       |

| <b>Công ty TNHH đầu tư phát triển công nghệ Trung Tín</b><br><b>Địa chỉ: 140 Trịnh Đình Thảo, Phường Cẩm Lệ,</b><br><b>Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                    |                |                                | Ban hành theo TT số 133/2016/TT- BTC<br>Ngày 26/08/2016 của bộ tài chính |                        |                        |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|----------------|--------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|
| <b>SỔ NHẬT KÍ CHUNG</b><br><i>Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                    |                |                                |                                                                          |                        |                        |
| Ngày,<br>tháng ghi<br>sổ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Chứng từ           |                | Diễn giải                      | Tài<br>khoản<br>đối<br>ứng                                               | Số phát sinh           |                        |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Số<br>chứng<br>từ  | Ngày,<br>tháng |                                |                                                                          | Nợ                     | Có                     |
| 24/01/2025                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | CTNH.0<br>00368/02 | 24/01/2025     | Thu tiền từ Hồ<br>Minh Nhật    |                                                                          |                        |                        |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                    |                | Thu tiền từ Hồ Minh<br>Nhật    | 1121VP<br>BANK                                                           | 2.000                  |                        |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                    |                | Thu nhập khác                  | 711                                                                      |                        | 2.000                  |
| 31/12/2025                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 001                | 31/12/2025     | Kết chuyển thu<br>nhập khác    |                                                                          |                        |                        |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                    |                | Thu nhập khác                  | 711                                                                      | 2.000                  |                        |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                    |                | Xác định kết quả<br>kinh doanh | 911                                                                      |                        | 2.000                  |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                    |                | <b>Tổng cộng</b>               |                                                                          | <b>101.333.642.113</b> | <b>101.333.642.113</b> |
| <div style="display: flex; justify-content: space-between; align-items: flex-end;"> <div style="width: 45%;"> <p style="text-align: center;"><b>Kế toán trưởng</b></p> <p style="text-align: center;">(Ký, ghi rõ họ và tên)</p> </div> <div style="width: 45%;"> <p style="text-align: right;">Ngày 31 tháng 12 năm 2025</p> <p style="text-align: center;"><b>Người ghi sổ</b></p> <p style="text-align: center;">(Ký, ghi rõ họ và tên)</p> </div> </div> |                    |                |                                |                                                                          |                        |                        |

**Công ty TNHH đầu tư phát triển công nghệ Trung Tín** Ban hành theo TT số 133/2016/TT- BTC  
**Địa chỉ: 140 Trịnh Đình Thảo, Phường Cẩm Lệ,** Ngày 26/08/2016 của bộ tài chính  
**Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam**

## SỔ CÁI TÀI KHOẢN

**Tài khoản: 711- Thu nhập khác**

*Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025*

| Ngày,<br>tháng ghi<br>sổ | Chứng từ               |                | Diễn giải                   | Tài<br>khoản<br>đối<br>ứng | Số phát sinh |       |
|--------------------------|------------------------|----------------|-----------------------------|----------------------------|--------------|-------|
|                          | Số<br>chứng<br>từ      | Ngày,<br>tháng |                             |                            | Nợ           | Có    |
|                          |                        |                | Số dư đầu kỳ                |                            |              |       |
| 24/01/2025               | CTNH.<br>000368/<br>02 | 24/01/2025     | Thu tiền từ Hồ<br>Minh Nhật | 1121VP<br>BANK             |              | 2.000 |
| 31/12/2025               | 001                    | 31/12/2025     | Kết chuyển thu<br>nhập khác | 911                        | 2.000        |       |
|                          |                        |                | Cộng phát sinh<br>trong kỳ  |                            | 2.000        | 2.000 |
|                          |                        |                | Số dư cuối kỳ               |                            |              |       |

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Kế toán trưởng**  
(Ký, ghi rõ họ và tên)

**Người ghi sổ**  
(Ký, ghi rõ họ và tên)

#### 2.2.3.2. *Kế toán chi phí khác*

##### *a, Nội dung chi phí khác*

Trong quá trình hoạt động, doanh nghiệp có thể phát sinh một số khoản chi phí không liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường, nhưng vẫn ảnh hưởng đến kết quả tài chính. Một trong những khoản chi phí đó là nộp tiền phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế.

##### *b, Chứng từ sử dụng*

- Giấy báo Nợ

##### *c, Tài khoản sử dụng*

Để hạch toán chi phí khác, kế toán sử dụng Tài khoản 811 “Chi phí khác”. Tài khoản này cuối kỳ kết chuyển hết sang TK 911 nên không có số dư cuối kỳ.

##### *d, Sổ sách sử dụng*

- Sổ chi tiết tài khoản 811

- Sổ nhật ký chung

- Sổ cái 811

e, Trình tự ghi sổ

\* **Nghiệp vụ minh họa số 13:** Ngày 02/07/2025 Công ty TNHH đầu tư phát triển công nghệ Trung Tín đã nộp số tiền 14.330.456 VND cho cơ quan thuế về việc vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế. Công ty đã chuyển trả bằng tài khoản ngân hàng Vietcombank (VCB).

| Không ghi vào khu vực này                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                    | <b>GIẤY NỘP TIỀN VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC</b><br>Tiền mặt <input type="checkbox"/> Chuyển khoản <input checked="" type="checkbox"/><br>Loại tiền: VND <input checked="" type="checkbox"/> USD <input type="checkbox"/> Khác:..... |                                                                                                                                                      | <b>Mẫu số C1- 02/NS</b><br>(Ban hành kèm theo Thông tư số 84/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính)<br>Mã hiệu: 20250702506515535<br>Số: 20250702506515535 |             |                                                          |                                                    |  |                  |  |  |                                                          |                     |     |                                         |                                          |                             |                   |                |            |         |                |              |             |                                                                                                                                                      |  |            |     |      |              |                                                    |  |  |  |            |             |                     |  |  |  |  |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|--|------------------|--|--|----------------------------------------------------------|---------------------|-----|-----------------------------------------|------------------------------------------|-----------------------------|-------------------|----------------|------------|---------|----------------|--------------|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|------------|-----|------|--------------|----------------------------------------------------|--|--|--|------------|-------------|---------------------|--|--|--|--|
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                    |                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                      | Số tham chiếu: 11220250327117081                                                                                                                  |             |                                                          |                                                    |  |                  |  |  |                                                          |                     |     |                                         |                                          |                             |                   |                |            |         |                |              |             |                                                                                                                                                      |  |            |     |      |              |                                                    |  |  |  |            |             |                     |  |  |  |  |
| Người nộp thuế: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TRUNG TÍN                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                    |                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                      | Mã số thuế: 0402048795                                                                                                                            |             |                                                          |                                                    |  |                  |  |  |                                                          |                     |     |                                         |                                          |                             |                   |                |            |         |                |              |             |                                                                                                                                                      |  |            |     |      |              |                                                    |  |  |  |            |             |                     |  |  |  |  |
| Địa chỉ:<br>Quận/Huyện:<br>Người nộp thay:<br>Địa chỉ:<br>Quận/Huyện:<br>Đề nghị NH/ KBNN: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                    |                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                      | Tỉnh, TP:<br><br>Tỉnh, TP:<br>trích TK số: 1015167470                                                                                             |             |                                                          |                                                    |  |                  |  |  |                                                          |                     |     |                                         |                                          |                             |                   |                |            |         |                |              |             |                                                                                                                                                      |  |            |     |      |              |                                                    |  |  |  |            |             |                     |  |  |  |  |
| hoặc thu tiền mặt để nộp NSNN theo:<br>TK thu NSNN <input checked="" type="checkbox"/> TK tạm thu <input type="checkbox"/> TK thu hồi hoàn thuế GTGT <input type="checkbox"/><br>Vào tài Khoản KBNN: Phòng Giao dịch số 1 - Kho bạc Nhà nước khu vực XIII Tỉnh, TP: Thành phố Đà Nẵng<br>Mở tại NH ủy nhiệm thu: VCB-Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Đà Nẵng<br>Nộp theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền:<br>Kiểm toán nhà nước <input type="checkbox"/> Thanh tra Chính phủ <input type="checkbox"/><br>Cơ quan quản lý thu: Phường Cẩm Lệ - Thuế cơ sở 4 thành phố Đà Nẵng Thanh tra tài chính <input type="checkbox"/> Cơ quan có thẩm quyền khác <input type="checkbox"/>                                                                                     |                                                    |                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                   |             |                                                          |                                                    |  |                  |  |  |                                                          |                     |     |                                         |                                          |                             |                   |                |            |         |                |              |             |                                                                                                                                                      |  |            |     |      |              |                                                    |  |  |  |            |             |                     |  |  |  |  |
| <table border="1"><thead><tr><th colspan="6">Phần dành cho người nộp thuế ghi</th><th colspan="2">Phần dành cho NH ủy nhiệm thu/ NH phối hợp thu/ KBNN ghi</th></tr><tr><th>STT</th><th>Số tờ khai/ Số quyết định/ Số thông báo</th><th>Kỳ thuế/ Ngày quyết định/ Ngày thông báo</th><th>Nội dung các khoản nộp NSNN</th><th>Số tiền nguyên tệ</th><th>Số tiền VND</th><th>Mã chương</th><th>Mã NDKT</th></tr></thead><tbody><tr><td>1</td><td>2807/QĐ-XPHC</td><td>30/06/2025</td><td>Phạt VPHC trong lĩnh vực thuế thuộc thẩm quyền ra quyết định của CQ thuế (không bao gồm phạt vi phạm hành chính đối với Luật thuế thu nhập cá nhân).</td><td></td><td>14,330,456</td><td>755</td><td>4254</td></tr><tr><td colspan="5">Tổng tiền</td><td>14,330,456</td><td></td><td></td></tr></tbody></table> |                                                    |                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                   |             | Phần dành cho người nộp thuế ghi                         |                                                    |  |                  |  |  | Phần dành cho NH ủy nhiệm thu/ NH phối hợp thu/ KBNN ghi |                     | STT | Số tờ khai/ Số quyết định/ Số thông báo | Kỳ thuế/ Ngày quyết định/ Ngày thông báo | Nội dung các khoản nộp NSNN | Số tiền nguyên tệ | Số tiền VND    | Mã chương  | Mã NDKT | 1              | 2807/QĐ-XPHC | 30/06/2025  | Phạt VPHC trong lĩnh vực thuế thuộc thẩm quyền ra quyết định của CQ thuế (không bao gồm phạt vi phạm hành chính đối với Luật thuế thu nhập cá nhân). |  | 14,330,456 | 755 | 4254 | Tổng tiền    |                                                    |  |  |  | 14,330,456 |             |                     |  |  |  |  |
| Phần dành cho người nộp thuế ghi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                    |                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                   |             | Phần dành cho NH ủy nhiệm thu/ NH phối hợp thu/ KBNN ghi |                                                    |  |                  |  |  |                                                          |                     |     |                                         |                                          |                             |                   |                |            |         |                |              |             |                                                                                                                                                      |  |            |     |      |              |                                                    |  |  |  |            |             |                     |  |  |  |  |
| STT                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Số tờ khai/ Số quyết định/ Số thông báo            | Kỳ thuế/ Ngày quyết định/ Ngày thông báo                                                                                                                                                                                        | Nội dung các khoản nộp NSNN                                                                                                                          | Số tiền nguyên tệ                                                                                                                                 | Số tiền VND | Mã chương                                                | Mã NDKT                                            |  |                  |  |  |                                                          |                     |     |                                         |                                          |                             |                   |                |            |         |                |              |             |                                                                                                                                                      |  |            |     |      |              |                                                    |  |  |  |            |             |                     |  |  |  |  |
| 1                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 2807/QĐ-XPHC                                       | 30/06/2025                                                                                                                                                                                                                      | Phạt VPHC trong lĩnh vực thuế thuộc thẩm quyền ra quyết định của CQ thuế (không bao gồm phạt vi phạm hành chính đối với Luật thuế thu nhập cá nhân). |                                                                                                                                                   | 14,330,456  | 755                                                      | 4254                                               |  |                  |  |  |                                                          |                     |     |                                         |                                          |                             |                   |                |            |         |                |              |             |                                                                                                                                                      |  |            |     |      |              |                                                    |  |  |  |            |             |                     |  |  |  |  |
| Tổng tiền                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                    |                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                   | 14,330,456  |                                                          |                                                    |  |                  |  |  |                                                          |                     |     |                                         |                                          |                             |                   |                |            |         |                |              |             |                                                                                                                                                      |  |            |     |      |              |                                                    |  |  |  |            |             |                     |  |  |  |  |
| Tổng số tiền ghi bằng chữ: MƯỜI BỐN TRIỆU BA TRĂM BA MƯƠI NGHÌN BỐN TRĂM NĂM MƯƠI SÁU ĐỒNG                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                                    |                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                   |             |                                                          |                                                    |  |                  |  |  |                                                          |                     |     |                                         |                                          |                             |                   |                |            |         |                |              |             |                                                                                                                                                      |  |            |     |      |              |                                                    |  |  |  |            |             |                     |  |  |  |  |
| <table border="1"><thead><tr><th colspan="3">PHẦN DÀNH CHO KBNN GHI KHI HẠCH TOÁN</th></tr></thead><tbody><tr><td colspan="3">Mã CQ thu:.....</td></tr><tr><td colspan="3">Mã ĐBHC:.....</td></tr><tr><td colspan="3">Mã nguồn NSNN:.....</td></tr></tbody></table>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                    |                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                   |             | PHẦN DÀNH CHO KBNN GHI KHI HẠCH TOÁN                     |                                                    |  | Mã CQ thu:.....  |  |  | Mã ĐBHC:.....                                            |                     |     | Mã nguồn NSNN:.....                     |                                          |                             |                   |                |            |         |                |              |             |                                                                                                                                                      |  |            |     |      |              |                                                    |  |  |  |            |             |                     |  |  |  |  |
| PHẦN DÀNH CHO KBNN GHI KHI HẠCH TOÁN                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                    |                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                   |             |                                                          |                                                    |  |                  |  |  |                                                          |                     |     |                                         |                                          |                             |                   |                |            |         |                |              |             |                                                                                                                                                      |  |            |     |      |              |                                                    |  |  |  |            |             |                     |  |  |  |  |
| Mã CQ thu:.....                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                    |                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                   |             |                                                          |                                                    |  |                  |  |  |                                                          |                     |     |                                         |                                          |                             |                   |                |            |         |                |              |             |                                                                                                                                                      |  |            |     |      |              |                                                    |  |  |  |            |             |                     |  |  |  |  |
| Mã ĐBHC:.....                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                    |                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                   |             |                                                          |                                                    |  |                  |  |  |                                                          |                     |     |                                         |                                          |                             |                   |                |            |         |                |              |             |                                                                                                                                                      |  |            |     |      |              |                                                    |  |  |  |            |             |                     |  |  |  |  |
| Mã nguồn NSNN:.....                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                    |                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                   |             |                                                          |                                                    |  |                  |  |  |                                                          |                     |     |                                         |                                          |                             |                   |                |            |         |                |              |             |                                                                                                                                                      |  |            |     |      |              |                                                    |  |  |  |            |             |                     |  |  |  |  |
| <table border="1"><thead><tr><th colspan="3">ĐỐI TƯỢNG NỘP TIỀN</th><th colspan="3">NGÂN HÀNG (KBNN)</th></tr></thead><tbody><tr><td colspan="3">Ngày.....Tháng.....Năm.....</td><td colspan="3">Ngày.....Tháng.....Năm.....</td></tr><tr><td>Người nộp tiền</td><td>Kế toán trưởng</td><td>Thủ trưởng</td><td>Kế toán</td><td>Kế toán trưởng</td><td></td></tr></tbody></table>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                    |                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                   |             | ĐỐI TƯỢNG NỘP TIỀN                                       |                                                    |  | NGÂN HÀNG (KBNN) |  |  | Ngày.....Tháng.....Năm.....                              |                     |     | Ngày.....Tháng.....Năm.....             |                                          |                             | Người nộp tiền    | Kế toán trưởng | Thủ trưởng | Kế toán | Kế toán trưởng |              |             |                                                                                                                                                      |  |            |     |      |              |                                                    |  |  |  |            |             |                     |  |  |  |  |
| ĐỐI TƯỢNG NỘP TIỀN                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                    |                                                                                                                                                                                                                                 | NGÂN HÀNG (KBNN)                                                                                                                                     |                                                                                                                                                   |             |                                                          |                                                    |  |                  |  |  |                                                          |                     |     |                                         |                                          |                             |                   |                |            |         |                |              |             |                                                                                                                                                      |  |            |     |      |              |                                                    |  |  |  |            |             |                     |  |  |  |  |
| Ngày.....Tháng.....Năm.....                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                    |                                                                                                                                                                                                                                 | Ngày.....Tháng.....Năm.....                                                                                                                          |                                                                                                                                                   |             |                                                          |                                                    |  |                  |  |  |                                                          |                     |     |                                         |                                          |                             |                   |                |            |         |                |              |             |                                                                                                                                                      |  |            |     |      |              |                                                    |  |  |  |            |             |                     |  |  |  |  |
| Người nộp tiền                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Kế toán trưởng                                     | Thủ trưởng                                                                                                                                                                                                                      | Kế toán                                                                                                                                              | Kế toán trưởng                                                                                                                                    |             |                                                          |                                                    |  |                  |  |  |                                                          |                     |     |                                         |                                          |                             |                   |                |            |         |                |              |             |                                                                                                                                                      |  |            |     |      |              |                                                    |  |  |  |            |             |                     |  |  |  |  |
| <table border="1"><tbody><tr><td>✓ Người ký :</td><td colspan="5">CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TRUNG TÍN</td></tr><tr><td>✓ Ngày ký :</td><td colspan="5">02/07/2025 18:40:55</td></tr><tr><td>✓ Người ký :</td><td colspan="5">CỤC THUẾ</td></tr><tr><td>✓ Ngày ký :</td><td colspan="5">02/07/2025 18:40:45</td></tr><tr><td>✓ Người ký :</td><td colspan="5">NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM</td></tr><tr><td>✓ Ngày ký :</td><td colspan="5">02/07/2025 18:40:29</td></tr></tbody></table>                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                    |                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                   |             | ✓ Người ký :                                             | CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TRUNG TÍN |  |                  |  |  | ✓ Ngày ký :                                              | 02/07/2025 18:40:55 |     |                                         |                                          |                             | ✓ Người ký :      | CỤC THUẾ       |            |         |                |              | ✓ Ngày ký : | 02/07/2025 18:40:45                                                                                                                                  |  |            |     |      | ✓ Người ký : | NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM |  |  |  |            | ✓ Ngày ký : | 02/07/2025 18:40:29 |  |  |  |  |
| ✓ Người ký :                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TRUNG TÍN |                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                   |             |                                                          |                                                    |  |                  |  |  |                                                          |                     |     |                                         |                                          |                             |                   |                |            |         |                |              |             |                                                                                                                                                      |  |            |     |      |              |                                                    |  |  |  |            |             |                     |  |  |  |  |
| ✓ Ngày ký :                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 02/07/2025 18:40:55                                |                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                   |             |                                                          |                                                    |  |                  |  |  |                                                          |                     |     |                                         |                                          |                             |                   |                |            |         |                |              |             |                                                                                                                                                      |  |            |     |      |              |                                                    |  |  |  |            |             |                     |  |  |  |  |
| ✓ Người ký :                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | CỤC THUẾ                                           |                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                   |             |                                                          |                                                    |  |                  |  |  |                                                          |                     |     |                                         |                                          |                             |                   |                |            |         |                |              |             |                                                                                                                                                      |  |            |     |      |              |                                                    |  |  |  |            |             |                     |  |  |  |  |
| ✓ Ngày ký :                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 02/07/2025 18:40:45                                |                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                   |             |                                                          |                                                    |  |                  |  |  |                                                          |                     |     |                                         |                                          |                             |                   |                |            |         |                |              |             |                                                                                                                                                      |  |            |     |      |              |                                                    |  |  |  |            |             |                     |  |  |  |  |
| ✓ Người ký :                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM |                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                   |             |                                                          |                                                    |  |                  |  |  |                                                          |                     |     |                                         |                                          |                             |                   |                |            |         |                |              |             |                                                                                                                                                      |  |            |     |      |              |                                                    |  |  |  |            |             |                     |  |  |  |  |
| ✓ Ngày ký :                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 02/07/2025 18:40:29                                |                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                   |             |                                                          |                                                    |  |                  |  |  |                                                          |                     |     |                                         |                                          |                             |                   |                |            |         |                |              |             |                                                                                                                                                      |  |            |     |      |              |                                                    |  |  |  |            |             |                     |  |  |  |  |

Hình 2.16. Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước ngày 02/07/2025

- Sau đó kế toán sẽ ghi nhận nghiệp vụ vào sổ chi tiết, sổ Nhật ký chung, sổ Cái,...
- Cuối năm, kế toán in sổ chi tiết, sổ Nhật ký chung, sổ Cái,... để lưu trữ

Trích Sổ chi tiết TK 811 ( Xem trang số 79 )

Trích Sổ nhật ký chung (Xem trang số 80 )

Trích Sổ cái TK 811 ( Xem trang số 81 )

Công ty TNHH đầu tư phát triển công nghệ Trung Tín

Địa chỉ: 140 Trịnh Đình Thảo, Phường Cẩm Lệ,

Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Ban hành theo 133/2016/TT-BTC

Ngày 26/08/2016 của bộ tài chính

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

811: Chi phí khác

Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

| Ngày, tháng ghi sổ | Chứng từ       |            | Diễn giải                                       | TK đối ứng | Số phát sinh |            | Số dư      |    |
|--------------------|----------------|------------|-------------------------------------------------|------------|--------------|------------|------------|----|
|                    | Số hiệu        | Ngày tháng |                                                 |            | Nợ           | Có         | Nợ         | Có |
|                    |                |            | Số dư đầu kỳ                                    |            |              |            |            |    |
| ...                |                |            | ...                                             |            | ...          |            |            |    |
| 02/07/2025         | CTNH.000151/01 | 02/07/2025 | Nộp phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế | 1121 VCB   | 14.330.456   |            | 14.622.916 |    |
| 02/07/2025         | CTNH.000153/01 | 02/07/2025 | Nộp tiền chậm nộp thuế TNDN                     | 1121 VCB   | 4.915.476    |            | 5.038.392  |    |
| ...                |                |            | ...                                             |            | ...          |            |            |    |
| 15/07/2025         | CTNH.000193/01 | 15/07/2025 | Nộp tiền nộp tiền chậm thuế GTGT                | 1121 VCB   | 2.364        |            | 20.965.730 |    |
| ...                |                |            | ...                                             |            | ...          |            |            |    |
| 31/12/2025         | 001            | 31/12/2025 | Kết chuyển chi phí khác                         | 911        |              | 38.686.524 |            |    |
|                    |                |            | Cộng phát sinh trong kỳ                         |            | 38.686.524   | 38.686.524 |            |    |
|                    |                |            | Số dư cuối kỳ                                   |            |              |            |            |    |

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Người ghi sổ

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Ngày 31 Tháng 12 Năm 2025

| Công ty TNHH đầu tư phát triển công nghệ Trung Tín<br>Địa chỉ: 140 Trịnh Đình Thảo, Phường Cẩm Lệ,<br>Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam                                                                                                                                                                                                                                       |                    |                |                                                    | Ban hành theo TT số 133/2016/TT- BTC<br>Ngày 26/08/2016 của bộ tài chính |                        |                        |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|----------------|----------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|
| <b>SỔ NHẬT KÍ CHUNG</b><br><i>Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                    |                |                                                    |                                                                          |                        |                        |
| Ngày,<br>tháng ghi<br>sổ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Chứng từ           |                | Diễn giải                                          | Tài<br>khoả<br>n đối<br>ứng                                              | Số phát sinh           |                        |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Số<br>chứng<br>từ  | Ngày,<br>tháng |                                                    |                                                                          | Nợ                     | Có                     |
| ...                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | ...                | ...            | ...                                                | ...                                                                      | ...                    |                        |
| 02/07/2025                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | CTNH.00<br>0151/01 | 02/07/2025     | Nộp phạt vi phạm hành<br>chính trong lĩnh vực thuế |                                                                          |                        |                        |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                    |                | Chi phí khác                                       | 811                                                                      | 14.330.456             |                        |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                    |                | Ngân hàng Vietcombank                              | 1121V<br>CB                                                              |                        | 14.330.456             |
| 02/07/2025                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | CTNH.00<br>0153/01 | 02/07/2025     | Nộp tiền chậm nộp thuế<br>TNDN                     |                                                                          |                        |                        |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                    |                | Chi phí khác                                       | 811                                                                      | 4.915.476              |                        |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                    |                | Ngân hàng Vietcombank                              | 1121V<br>CB                                                              |                        | 4.915.476              |
| ...                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | ...                | ...            | ...                                                | ...                                                                      | ...                    |                        |
| 15/07/2025                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | CTNH.00<br>0193/01 | 15/07/2025     | Nộp tiền chậm nộp thuế<br>GTGT                     |                                                                          |                        |                        |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                    |                | Chi phí khác                                       | 811                                                                      | 2.364                  |                        |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                    |                | Ngân hàng Vietcombank                              | 1121V<br>CB                                                              |                        | 2.364                  |
| ...                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | ...                | ...            | ...                                                | ...                                                                      | ...                    |                        |
| 31/12/2025                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 001                | 31/12/2025     | Kết chuyển chi phí khác                            |                                                                          |                        |                        |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                    |                | Xác định kết quả kinh<br>doanh                     | 911                                                                      | 38.686.524             |                        |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                    |                | Chi phí khác                                       | 811                                                                      |                        | 38.686.524             |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                    |                | <b>Tổng cộng</b>                                   |                                                                          | <b>101.333.642.113</b> | <b>101.333.642.113</b> |
| <div style="display: flex; justify-content: space-between;"> <div style="width: 45%;"> <p style="text-align: center;"><b>Kế toán trưởng</b><br/>(Ký, ghi rõ họ và tên)</p> </div> <div style="width: 45%;"> <p style="text-align: right;">Ngày 31 tháng 12 năm 2025</p> <p style="text-align: center;"><b>Người ghi sổ</b><br/>(Ký, ghi rõ họ và tên)</p> </div> </div> |                    |                |                                                    |                                                                          |                        |                        |

**Công ty TNHH đầu tư phát triển công nghệ Trung Tín** Ban hành theo TT số 133/2016/TT- BTC  
**Địa chỉ: 140 Trịnh Đình Thảo, Phường Cẩm Lệ,** Ngày 26/08/2016 của bộ tài chính  
**Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam**

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN**

**Tài khoản: 811- Chi phí khác**

*Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025*

| Ngày,<br>tháng ghi<br>sổ | Chứng từ           |                   | Diễn giải                                                | Tài<br>khoản<br>đối ứng | Số phát sinh      |                   |
|--------------------------|--------------------|-------------------|----------------------------------------------------------|-------------------------|-------------------|-------------------|
|                          | Số<br>chứng<br>từ  | Ngày,<br>tháng    |                                                          |                         | Nợ                | Có                |
|                          |                    |                   | <b>Số dư đầu kỳ</b>                                      |                         |                   |                   |
| ...                      | ...                |                   | ...                                                      |                         | ...               |                   |
| 02/07/2025               | CTNH.0<br>00151/01 | 02/07/2025        | Nộp phạt vi<br>phạm hành chính<br>trong lĩnh vực<br>thuế | 1121VCB                 | 14.330.456        |                   |
| 02/07/2025               | CTNH.0<br>00153/01 | 02/07/2025        | Nộp tiền chậm<br>nộp thuế TNDN                           | 1121VCB                 | 4.915.476         |                   |
| ...                      |                    |                   | ...                                                      |                         | ...               |                   |
| 15/07/2025               | CTNH.0<br>00193/01 | 15/07/2025        | Nộp tiền nộp tiền<br>chậm thuế<br>GTGT                   | 1121VCB                 | 2.364             |                   |
| ..                       | ...                | ...               | ...                                                      | ...                     | ...               |                   |
| <b>31/12/2025</b>        | <b>001</b>         | <b>31/12/2025</b> | <b>Kết chuyển<br/>doanh thu hoạt<br/>động tài chính</b>  | <b>911</b>              |                   | <b>38.686.524</b> |
|                          |                    |                   | <b>Cộng phát sinh<br/>trong kỳ</b>                       |                         | <b>38.686.524</b> | <b>38.686.524</b> |
|                          |                    |                   | <b>Số dư cuối kỳ</b>                                     |                         |                   |                   |

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Kế toán trưởng**  
(Ký, ghi rõ họ và tên)

**Người ghi sổ**  
(Ký, ghi rõ họ và tên)

## **2.2.4. Kế toán xác định kết quả kinh doanh**

### **2.2.4.1. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

#### **a, Nội dung chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

Tài khoản 821 “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp”

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập hiện hành, làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

Cuối năm, căn cứ vào tổng kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, kế toán trưởng tiến hành lập tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp và nộp cho nhà nước, sau đó lưu lại các chứng từ liên quan.

#### **b, Chứng từ và sổ sách sử dụng**

- Tờ khai quyết toán thuế TNDN
- Sổ chi tiết các tài khoản TK 821
- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 821

#### **c, Quy trình ghi sổ**

Sau khi tiến hành nhập các số liệu vào phụ lục Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Kế toán sẽ có số liệu để lên tờ khai thuế TNDN.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Mẫu số: **03/TNDN**  
(Ban hành kèm theo Thông tư  
số 80/2021/TT-BTC ngày 29  
tháng 9 năm 2021 của Bộ  
trưởng Bộ Tài chính)

**TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (MẪU SỐ 03/TNDN)**

(Áp dụng đối với phương pháp doanh thu - chi phí)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2025 Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025)

[02] Lần đầu: [ ] [03] Bổ sung lần thứ: [1]

[04] Ngành nghề có tỷ lệ doanh thu cao nhất: G46 - Bán buôn

[05] Tỷ lệ (%): 100,00 %

[06] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TRUNG TÍN

[07] Mã số thuế: 0402048795

[08] Tên đại lý thuế (nếu có):

[09] Mã số thuế:

[10] Hợp đồng đại lý thuế: Số

Ngày:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

| STT      | Chi tiêu                                                                                               | Mã chi tiêu | Số tiền           |
|----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-------------------|
| (1)      | (2)                                                                                                    | (3)         | (4)               |
| <b>A</b> | <b>Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính</b>                                              | <b>A</b>    |                   |
| 1        | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp                                                | A1          | 42.350.300        |
| <b>B</b> | <b>Xác định thu nhập chịu thuế theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp</b>                                | <b>B</b>    |                   |
| 1        | <b>Điều chỉnh tăng tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B1= B2+B3+B4+B5+B6+B7)</b>         | <b>B1</b>   | <b>38.686.524</b> |
| 1.1      | Các khoản điều chỉnh tăng doanh thu                                                                    | B2          | 0                 |
| 1.2      | Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh giảm                                                             | B3          | 0                 |
| 1.3      | Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế                                           | B4          | 38.686.524        |
| 1.4      | Thuế thu nhập đã nộp cho phần thu nhập nhận được ở nước ngoài                                          | B5          | 0                 |
| 1.5      | Điều chỉnh tăng lợi nhuận do xác định giá thị trường đối với giao dịch liên kết                        | B6          | 0                 |
| 1.6      | Các khoản điều chỉnh làm tăng lợi nhuận trước thuế khác                                                | B7          | 0                 |
| 2        | <b>Điều chỉnh giảm tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B8=B9+B10+B11+B12)</b>             | <b>B8</b>   | <b>0</b>          |
| 2.1      | Giảm trừ các khoản doanh thu đã tính thuế năm trước                                                    | B9          | 0                 |
| 2.2      | Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh tăng                                                             | B10         | 0                 |
| 2.3      | Chi phí lãi vay không được trừ kỳ trước được chuyển sang kỳ này của doanh nghiệp có giao dịch liên kết | B11         | 0                 |
| 2.4      | Các khoản điều chỉnh làm giảm lợi nhuận trước thuế khác                                                | B12         | 0                 |
| 3        | <b>Tổng thu nhập chịu thuế (B13=A1+B1-B8)</b>                                                          | <b>B13</b>  | <b>81.036.824</b> |
| 3.1      | Thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh                                                    | B14         | 81.036.824        |
| 3.2      | Thu nhập chịu thuế từ hoạt động chuyển nhượng BĐS                                                      | B15         | 0                 |
| <b>C</b> | <b>Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) phải nộp từ hoạt động sản xuất kinh doanh</b>                     |             |                   |
| 1        | Thu nhập chịu thuế (C1 = B14)                                                                          | C1          | 81.036.824        |
| 2        | Thu nhập miễn thuế                                                                                     | C2          | 0                 |
|          |                                                                                                        |             | 0                 |
|          | Loại thu nhập miễn thuế                                                                                |             |                   |
| 3        | Chuyển lỗ và bù trừ lãi, lỗ (C3=C3a+C3b)                                                               | C3          | 0                 |
|          | Trong đó:                                                                                              |             |                   |
| 3.1      | + Lỗ từ hoạt động SXKD được chuyển trong kỳ                                                            | C3a         | 0                 |
| 3.2      | + Lỗ từ chuyển nhượng BĐS được bù trừ với lãi của hoạt động SXKD                                       | C3b         | 0                 |

|          |                                                                                                                                                          |          |                   |
|----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-------------------|
| 4        | Thu nhập tính thuế (TNNT) (C4=C1-C2-C3)                                                                                                                  | C4       | 81.036.824        |
| 5        | Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)                                                                                                                | C5       | 0                 |
| 6        | TNNT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ (C6=C4-C5=C7+C8)                                                                                        | C6       | 81.036.824        |
|          | Trong đó:                                                                                                                                                |          |                   |
| 6.1      | + Thu nhập tính thuế áp dụng thuế suất 17%                                                                                                               | C7       | 81.036.824        |
| 6.2      | + Thu nhập tính thuế tính theo thuế suất không ưu đãi khác                                                                                               | C8       | 0                 |
| 6.3      | + Thuế suất không ưu đãi khác (%)                                                                                                                        | C8a      | 0                 |
| 7        | Thuế TNDN từ hoạt động SXKD tính theo thuế suất không ưu đãi (C9=(C7 x 17%) + (C8 x C8a))                                                                | C9       | 13.776.260        |
| 8        | Thuế TNDN được ưu đãi theo Luật thuế TNDN (C10 = C11 + C12 + C13)                                                                                        | C10      | 0                 |
|          | Trong đó:                                                                                                                                                |          |                   |
| 8.1      | + Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi                                                                                                   | C11      | 0                 |
| 8.2      | + Thuế TNDN được miễn trong kỳ                                                                                                                           | C12      | 0                 |
| 8.3      | + Thuế TNDN được giảm trong kỳ                                                                                                                           | C13      | 0                 |
| 9        | Thuế TNDN được miễn, giảm theo Hiệp định thuế                                                                                                            | C14      | 0                 |
| 10       | Thuế TNDN được miễn, giảm theo từng thời kỳ                                                                                                              | C15      | 0                 |
| 11       | Thuế thu nhập đã nộp ở nước ngoài được trừ trong kỳ tính thuế                                                                                            | C16      | 0                 |
| 12       | Thuế TNDN phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh (C17=C9-C10-C14-C15-C16)                                                                            | C17      | 13.776.260        |
| <b>D</b> | <b>Thuế TNDN phải nộp từ hoạt động chuyển nhượng BDS</b>                                                                                                 | <b>D</b> |                   |
| 1        | Thu nhập chịu thuế (D1 = B15)                                                                                                                            | D1       | 0                 |
| 2        | Lỗ từ hoạt động chuyển nhượng BDS được chuyển trong kỳ                                                                                                   | D2       | 0                 |
| 3        | Thu nhập tính thuế (D3=D1-D2)                                                                                                                            | D3       | 0                 |
| 4        | Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)                                                                                                                | D4       | 0                 |
| 5        | TNNT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ (D5=D3-D4)                                                                                              | D5       | 0                 |
| 6        | Thuế TNDN phải nộp của hoạt động chuyển nhượng BDS trong kỳ                                                                                              | D6       | 0                 |
| 7        | Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư - kinh doanh nhà ở xã hội để bán, cho thuê, cho thuê mua | D7       | 0                 |
| 8        | Thuế TNDN của hoạt động chuyển nhượng BDS còn phải nộp kỳ này (D8=D6-D7)                                                                                 | D8       | 0                 |
| <b>E</b> | <b>Số thuế TNDN phải nộp quyết toán trong kỳ (E=E1+E2+E5)</b>                                                                                            | <b>E</b> | <b>13.776.260</b> |
| 1        | Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh                                                                                                              | E1       | 13.776.260        |
| 2        | Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản (E2=E3+E4)                                                                                             | E2       | 0                 |
| 2.1      | Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản                                                                                                        | E3       | 0                 |
| 2.2      | Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ                                                                         | E4       | 0                 |
| 3        | Thuế TNDN phải nộp khác (nếu có)                                                                                                                         | E5       | 0                 |
| 3.1      | Trong đó thuế TNDN từ xử lý Quỹ phát triển khoa học công nghệ                                                                                            | E6       | 0                 |
| <b>G</b> | <b>Số thuế TNDN đã tạm nộp (G=G1+G2+G3+G4+G5)</b>                                                                                                        | <b>G</b> | <b>0</b>          |
| <b>1</b> | <b>Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh</b>                                                                                            |          | <b>0</b>          |
| 1.1      | Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này                                                                                                           | G1       | 0                 |
| 1.2      | Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm                                                                                                                           | G2       | 0                 |
| <b>2</b> | <b>Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng BDS</b>                                                                                              |          | <b>0</b>          |
| 2.1      | Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này của hoạt động chuyển nhượng BDS                                                                           | G3       | 0                 |
| 2.2      | Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng BDS                                                                                           | G4       | 0                 |
| 2.3      | Thuế TNDN đã tạm nộp các kỳ trước và trong năm quyết toán của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ                        | G5       | 0                 |

| H        | Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp                                                                                        | H                |                   |
|----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|-------------------|
| 1        | Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động sản xuất kinh doanh ( $H1=E1+E5-G2$ )                          | H1               | 13.776.260        |
| 2        | Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng BĐS ( $H2=E3-G4$ )                               | H2               | 0                 |
| 3        | Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ ( $H3=E4-G5$ ) | H3               | 0                 |
| <b>I</b> | <b>Số thuế TNDN còn phải nộp đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán thuế (<math>I=E-G=I1+I2</math>)</b>                                       | <b>I</b>         | <b>13.776.260</b> |
| 1        | Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh                                                                                      | $I1=E1+E5-G1-G2$ | 13.776.260        |
| 2        | Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS                                                                                        | $I2=E2-G3-G4-G5$ | 0                 |

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./...

#### NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

Ngày 29 tháng 03 năm 2026

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc  
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP  
THUẾ**

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)

**ĐẶNG TRUNG**

#### Ghi chú:

1. TNDN: Thu nhập doanh nghiệp; BĐS: Bất động sản;
2. Chỉ tiêu G1, G3: NNT kê khai số thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang bù trừ với số thuế TNDN phải nộp kỳ này
3. Chỉ tiêu D11, G2, G4, G5: NNT kê khai số thuế TNDN đã tạm nộp vào NSNN tính đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán. Ví dụ: NNT có kỳ tính thuế từ 01/01/2021 đến 31/12/2021 thì số thuế TNDN đã tạm nộp trong năm là số thuế TNDN đã nộp cho kỳ tính thuế năm 2021 tính từ ngày 01/01/2021 đến hết ngày 31/3/2022.
4. Trường hợp NNT là doanh nghiệp xổ số có hoạt động sản xuất kinh doanh khác hoạt động kinh doanh xổ số thì NNT kê khai số thuế TNDN phải nộp của hoạt động kinh doanh xổ số vào chỉ tiêu E1, số thuế TNDN phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh khác vào chỉ tiêu E2, E3.
5. Các chỉ tiêu E, G: NNT không kê khai số thuế TNDN phải nộp, đã tạm nộp của hoạt động được hưởng ưu đãi khác tính đã kê khai riêng.
6. Chỉ tiêu E4, G5, H3: NNT kê khai số thuế TNDN phải nộp, đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà được bàn giao kỳ này và có thu tiền ứng trước của khách hàng theo tiến độ (bao gồm số tiền đã thu của các kỳ trước và kỳ này).
7. Hạch toán số tiền 13.776.260 vào tiểu mục 1052: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động sản xuất kinh doanh (gồm cả dịch vụ trong lĩnh vực dầu khí)
8. Hạch toán số tiền 0 vào tiểu mục 1056: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động thăm dò, phát triển mỏ và khai thác dầu, khí thiên nhiên (không kể thuế thu nhập doanh nghiệp thu theo hiệp định, hợp đồng thăm dò, khai thác dầu khí)
9. Hạch toán số tiền 0 vào tiểu mục 1057: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động xổ số kiến thiết
10. Hạch toán số tiền 0 vào tiểu mục 1053: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ chuyển nhượng bất động sản



Ký điện tử bởi: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TRUNG TÍN  
Ngày ký: 07/05/2026 15:56:11.

### Hình 2.17. Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp

$$\begin{aligned}\text{Thu nhập chịu thuế} &= \text{Tổng LNKT trước thuế TNDN} + \text{Điều chỉnh tăng tổng lợi} \\ &\text{nhuận trước thuế TNDN} - \text{Điều chỉnh giảm tổng lợi nhuận trước thuế TNDN} \\ &= 42.350.300 + 38.686.524 \\ &= 81.036.824\end{aligned}$$

$$\begin{aligned}\text{Thu nhập tính thuế} &= \text{Thu nhập chịu thuế} - [ \text{Thu nhập được miễn thuế} + \text{các khoản} \\ &\text{lỗ được kết chuyển theo quy định} ] \\ &= 81.036.824 - 0 \\ &= 81.036.824\end{aligned}$$

*Theo Điều 10 Luật thuế thu nhập doanh nghiệp 2025 có hiệu lực từ ngày 01/10/2025, mức thuế suất được quy định linh hoạt để tạo môi trường kinh doanh minh bạch, khuyến khích đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ. Doanh nghiệp áp dụng mức thuế suất 17% vì có tổng doanh thu từ trên 3 tỷ VND đến 50 tỷ VND.*

$$\begin{aligned}\text{Thuế TNDN phải nộp} &= [ \text{Thu nhập tính thuế} - \text{Phần trích lập quỹ KH\&CN (nếu} \\ &\text{có)} ] \times \text{Thuế suất thuế TNDN} \\ &= 81.036.824 \times 17\% \\ &= 13.776.260\end{aligned}$$

- Sau đó kế toán sẽ ghi nhận nghiệp vụ vào sổ chi tiết, sổ Nhật ký chung, sổ Cái,...
- Cuối năm, kế toán in sổ chi tiết, sổ Nhật ký chung, sổ Cái,... để lưu trữ

Trích Sổ chi tiết TK 821 ( Xem trang số 87 )

Trích Sổ nhật ký chung (Xem trang số 88 )

Trích Sổ cái TK 821 ( Xem trang số 89 )

**Công ty TNHH đầu tư phát triển công nghệ Trung Tín**  
**Địa chỉ: 140 Trịnh Đình Thảo, Phường Cẩm Lệ,**  
**Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam**

Ban hành theo 133/2016/TT-  
 BTC  
 Ngày 26/08/2016 của bộ tài  
 chính

**SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN**

**821: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

*Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025*

| Ngày,<br>tháng ghi<br>sổ | Chứng từ          |               | Diễn giải                                           | TK<br>đối<br>ứng | Số phát sinh |            | Số dư      |    |
|--------------------------|-------------------|---------------|-----------------------------------------------------|------------------|--------------|------------|------------|----|
|                          | Số<br>hiệu        | Ngày<br>tháng |                                                     |                  | Nợ           | Có         | Nợ         | Có |
|                          |                   |               | Số dư đầu kỳ                                        |                  |              |            |            |    |
| 31/12/2025               | PKT.000<br>068/01 | 31/12/2025    | Thuế thu nhập doanh<br>nghiệp phải nộp              | 3334             | 13.776.260   |            | 13.776.260 |    |
| 31/12/2025               | 001               | 31/12/2025    | Kết chuyển chi phí<br>thuế thu nhập<br>doanh nghiệp | 911              |              | 13.776.260 |            |    |
|                          |                   |               | Cộng phát sinh<br>trong kỳ                          |                  | 13.776.260   | 13.776.260 |            |    |
|                          |                   |               | Số dư cuối kỳ                                       |                  |              |            |            |    |

Ngày 31 Tháng 12 Năm 2025

**Kế toán trưởng**  
 (Ký, ghi rõ họ và tên)

**Người ghi sổ**  
 (Ký, ghi rõ họ và tên)

| Công ty TNHH đầu tư phát triển công nghệ Trung Tín<br>Địa chỉ: 140 Trịnh Đình Thảo, Phường Cẩm Lệ,<br>Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                   |                |                                          | Ban hành theo TT số 133/2016/TT- BTC<br>Ngày 26/08/2016 của bộ tài chính |                        |                        |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|----------------|------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|
| <b>SỔ NHẬT KÍ CHUNG</b><br><i>Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                   |                |                                          |                                                                          |                        |                        |
| Ngày,<br>tháng ghi<br>sổ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Chứng từ          |                | Diễn giải                                | Tài<br>khoản<br>đối<br>ứng                                               | Số phát sinh           |                        |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Số<br>chứng<br>từ | Ngày,<br>tháng |                                          |                                                                          | Nợ                     | Có                     |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                   |                | Số dư đầu kỳ                             |                                                                          |                        |                        |
| 31/12/2025                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | PKT.000<br>068/01 | 31/12/2025     | Thuế thu nhập doanh<br>nghiệp            |                                                                          |                        |                        |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                   |                | Chi phí thuế TNDN                        | 821                                                                      | 13.776.260             |                        |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                   |                | Thuế thu nhập doanh<br>nghiệp phải nộp   | 3334                                                                     |                        | 13.776.260             |
| 31/12/2025                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 001               | 31/12/2025     | Kết chuyển thuế thu<br>nhập doanh nghiệp |                                                                          |                        |                        |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                   |                | Xác định kết quả kinh<br>doanh           | 911                                                                      | 13.776.260             |                        |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                   |                | Chi phí thuế TNDN                        | 821                                                                      |                        | 13.776.260             |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                   |                | <b>Tổng cộng</b>                         |                                                                          | <b>101.333.642.113</b> | <b>101.333.642.113</b> |
| <div style="display: flex; justify-content: space-between; align-items: flex-end; padding-top: 20px;"> <div style="width: 45%;"> <p style="text-align: center;"><b>Kế toán trưởng</b></p> <p style="text-align: center;">(Ký, ghi rõ họ và tên)</p> </div> <div style="width: 45%;"> <p style="text-align: right;">Ngày 31 tháng 12 năm 2025</p> <p style="text-align: right;"><b>Người ghi sổ</b></p> <p style="text-align: right;">(Ký, ghi rõ họ và tên)</p> </div> </div> |                   |                |                                          |                                                                          |                        |                        |

| <b>Công ty TNHH đầu tư phát triển công nghệ Trung Tín</b> |                   |                | Ban hành theo TT số 133/2016/TT- BTC     |                         |                                                                                |            |
|-----------------------------------------------------------|-------------------|----------------|------------------------------------------|-------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|------------|
| <b>Địa chỉ: 140 Trịnh Đình Thảo, Phường Cẩm Lệ,</b>       |                   |                | Ngày 26/08/2016 của bộ tài chính         |                         |                                                                                |            |
| <b>Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam</b>                        |                   |                |                                          |                         |                                                                                |            |
| <b>SỔ CÁI TÀI KHOẢN</b>                                   |                   |                |                                          |                         |                                                                                |            |
| <b>Tài khoản: 821- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b> |                   |                |                                          |                         |                                                                                |            |
| <i>Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025</i>             |                   |                |                                          |                         |                                                                                |            |
| Ngày,<br>tháng<br>ghi sổ                                  | Chứng từ          |                | Diễn giải                                | Tài<br>khoản<br>đối ứng | Số phát sinh                                                                   |            |
|                                                           | Số<br>chứng từ    | Ngày,<br>tháng |                                          |                         | Nợ                                                                             | Có         |
|                                                           |                   |                | Số dư đầu kỳ                             |                         |                                                                                |            |
| 31/12/2025                                                | PKT.00006<br>8/01 | 31/12/2025     | Thuế thu nhập doanh<br>nghiệp phải nộp   | 3334                    | 13.776.260                                                                     |            |
| 31/12/2025                                                | 001               | 31/12/2025     | Kết chuyển thuế thu<br>nhập doanh nghiệp | 911                     |                                                                                | 13.776.260 |
|                                                           |                   |                | Cộng phát sinh trong<br>kỳ               |                         | 13.776.260                                                                     | 13.776.260 |
|                                                           |                   |                | Số dư cuối kỳ                            |                         |                                                                                |            |
| <b>Kế toán trưởng</b><br>(Ký, ghi rõ họ và tên)           |                   |                |                                          |                         | Ngày 31 tháng 12 năm 2025<br><br><b>Người ghi sổ</b><br>(Ký, ghi rõ họ và tên) |            |

#### 2.2.4.2. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

- Cuối kỳ, kế toán kết chuyển tất cả các tài khoản từ tài khoản 511, 515, 632, 6421, 6422, 711, 811, 821 sang tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ của Công Ty TNHH đầu tư phát triển công nghệ Trung Tín.

|                                        |                |
|----------------------------------------|----------------|
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 12.873.718.338 |
| Giá vốn hàng bán                       | 11.585.751.490 |
| Doanh thu hoạt động tài chính          | 335.171        |
| Chi phí tài chính                      | 51.969.967     |
| Chi phí quản lý kinh doanh             | 1.155.297.228  |
| Thu nhập khác                          | 2.000          |
| Chi phí khác                           | 38.686.524     |
| Chi phí thuế TNDN                      | 13.776.260     |

Doanh thu thuần về = Doanh thu BH và CCDV – Các khoản giảm trừ doanh thu BH và CCDV

$$= 12.873.718.338 - 0$$

$$= 12.873.718.338$$

$$\begin{aligned} \text{LN thuần hoạt động kinh doanh} &= \text{Doanh thu thuần BH và CCDV} - \text{Giá vốn hàng bán} + \text{Doanh thu hoạt động tài chính} - \text{Chi phí tài chính} - \text{Chi phí quản lý kinh doanh} \\ &= 12.873.718.338 - 11.585.751.490 + 335.171 - 51.969.967 - 1.155.297.228 \\ &= 81.034.824 \end{aligned}$$

Lợi nhuận khác = Thu nhập khác – Chi phí khác

$$= 2.000 - 38.686.524$$

$$= - 38.684.524$$

Tổng LNKT trước thuế = LN thuần hoạt động kinh doanh + Lợi nhuận khác

$$= 81.034.824 + (- 38.684.524)$$

$$= 42.350.300$$

Lợi nhuận sau thuế TNDN = Tổng LNKT trước thuế - Chi phí thuế TNDN

$$= 42.350.300 - 13.776.260 = 28.574.040$$

- Sau khi kết chuyển các tài khoản sang tài khoản 911 sẽ lên sổ Chi tiết, sổ Nhật ký chung, sổ Cái...

- Cuối năm, kế toán in sổ sổ Chi tiết, sổ Nhật ký chung, sổ Cái,... để lưu trữ.

Trích Sổ chi tiết TK 911 (Xem trang số 91 )

Trích Sổ nhật ký chung (Xem trang số 92 )

Trích Sổ cái TK 911 (Xem trang số 93 )

**Công ty TNHH đầu tư phát triển công nghệ Trung Tín**

**Địa chỉ: 140 Trịnh Đình Thảo, Phường Cẩm Lệ,  
Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam**

Ban hành theo 133/2016/TT-BTC  
Ngày 26/08/2016 của bộ tài chính

**SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN**

**911: Xác định kết quả hoạt động**

*Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025*

| Ngày,<br>tháng ghi<br>số | Chứng từ |               | Diễn giải                                      | TK<br>đối<br>ứng | Số phát sinh          |                       | Số dư          |    |
|--------------------------|----------|---------------|------------------------------------------------|------------------|-----------------------|-----------------------|----------------|----|
|                          | Số       | Ngày<br>tháng |                                                |                  | Nợ                    | Có                    | Nợ             | Có |
|                          |          |               | <b>Số dư đầu kỳ</b>                            |                  |                       |                       |                |    |
| 31/12/2025               | 001      | 31/12/2025    | Kết chuyển giá<br>vốn hàng bán                 | 6321             | 11.585.751.490        |                       | 11.585.751.490 |    |
| 31/12/2025               | 001      | 31/12/2025    | Kết chuyển chi phí<br>tài chính                | 635              | 51.969.967            |                       | 11.637.721.457 |    |
| 31/12/2025               | 001      | 31/12/2025    | Chi phí quản lý<br>kinh doanh                  | 6421             | 309.845.096           |                       | 11.947.566.553 |    |
| 31/12/2025               | 001      | 31/12/2025    | Chi phí quản lý<br>kinh doanh                  | 6422             | 845.452.132           |                       | 12.793.018.685 |    |
| 31/12/2025               | 001      | 31/12/2025    | Kết chuyển chi phí<br>khác                     | 811              | 38.686.524            |                       | 12.831.705.209 |    |
| 31/12/2025               | 001      | 31/12/2025    | Kết chuyển thuế<br>thu nhập doanh<br>nghiệp    | 821              | 13.776.260            |                       | 12.845.481.469 |    |
| 31/12/2025               | 001      | 31/12/2025    | Kết chuyển lãi, lỗ                             | 4212             | 28.574.040            |                       | 12.874.055.509 |    |
| 31/12/2025               | 001      | 31/12/2025    | Kết chuyển doanh<br>thu                        | 5111             |                       | 12.873.718.338        | 337.171        |    |
| 31/12/2025               | 001      | 31/12/2025    | Kết chuyển doanh<br>thu hoạt động tài<br>chính | 515              |                       | 335.171               | 2.000          |    |
| 31/12/2025               | 001      | 31/12/2025    | Kết chuyển thu<br>nhập khác                    | 711              |                       | 2.000                 |                |    |
|                          |          |               | <b>Cộng phát sinh<br/>trong kỳ</b>             |                  | <b>12.874.055.509</b> | <b>12.874.055.509</b> |                |    |
|                          |          |               | <b>Số dư cuối kỳ</b>                           |                  |                       |                       |                |    |

Ngày 31 Tháng 12 Năm 2025

**Kế toán trưởng**  
(Ký, ghi rõ họ và tên)

**Người ghi sổ**  
(Ký, ghi rõ họ và tên)

| Công ty TNHH đầu tư phát triển công nghệ Trung Tín |                   |                |                                           | Ban hành theo TT số 133/2016/TT- BTC                                |                 |                 |
|----------------------------------------------------|-------------------|----------------|-------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------------|
| Địa chỉ: 140 Trịnh Đình Thảo, Phường Cẩm Lệ,       |                   |                |                                           | Ngày 26/08/2016 của bộ tài chính                                    |                 |                 |
| Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam                        |                   |                |                                           |                                                                     |                 |                 |
| SỔ NHẬT KÍ CHUNG                                   |                   |                |                                           |                                                                     |                 |                 |
| Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025             |                   |                |                                           |                                                                     |                 |                 |
| Ngày,<br>tháng<br>ghi sổ                           | Chứng từ          |                | Diễn giải                                 | Tài<br>khoản<br>đối ứng                                             | Số phát sinh    |                 |
|                                                    | Số<br>chứng<br>từ | Ngày,<br>tháng |                                           |                                                                     | Nợ              | Có              |
| ...                                                | ...               | ...            | ...                                       | ...                                                                 | ...             |                 |
| 31/12/2025                                         | 001               | 31/12/2025     | Kết chuyển doanh thu                      |                                                                     |                 |                 |
|                                                    |                   |                | Doanh thu bán hàng hóa                    | 5111                                                                | 12.873.718.338  |                 |
|                                                    |                   |                | Xác định kết quả kinh doanh               | 911                                                                 |                 | 12.873.718.338  |
| 31/12/2025                                         | 001               | 31/12/2025     | Kết chuyển giá vốn hàng bán               |                                                                     |                 |                 |
|                                                    |                   |                | Xác định kết quả kinh doanh               | 911                                                                 | 11.585.751.490  |                 |
|                                                    |                   |                | Giá vốn hàng bán                          | 6321                                                                |                 | 11.585.751.490  |
| 31/12/2025                                         | 001               | 31/12/2025     | Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh     |                                                                     |                 |                 |
|                                                    |                   |                | Xác định kết quả kinh doanh               | 911                                                                 | 1.155.297.228   |                 |
|                                                    |                   |                | Chi phí quản lý doanh nghiệp              | 6422                                                                |                 | 845.452.132     |
|                                                    |                   |                | Chi phí bán hàng                          | 6421                                                                |                 | 309.845.096     |
| 31/12/2025                                         | 001               | 31/12/2025     | Kết chuyển doanh thu tài chính            |                                                                     |                 |                 |
|                                                    |                   |                | Doanh thu từ lãi tiền gửi                 | 515                                                                 | 335.171         |                 |
|                                                    |                   |                | Xác định kết quả kinh doanh               | 911                                                                 |                 | 335.171         |
| 31/12/2025                                         | 001               | 31/12/2025     | Kết chuyển chi phí tài chính              |                                                                     |                 |                 |
|                                                    |                   |                | Xác định kết quả kinh doanh               | 911                                                                 | 51.969.967      |                 |
|                                                    |                   |                | Chi trả tiền lãi vay                      | 635                                                                 |                 | 51.969.967      |
| 31/12/2025                                         | 001               | 31/12/2025     | Kết chuyển thu nhập khác                  |                                                                     |                 |                 |
|                                                    |                   |                | Thu nhập khác                             | 711                                                                 | 2.000           |                 |
|                                                    |                   |                | Xác định kết quả kinh doanh               | 911                                                                 |                 | 2.000           |
| 31/12/2025                                         | 001               | 31/12/2025     | Kết chuyển chi phí khác                   |                                                                     |                 |                 |
|                                                    |                   |                | Xác định kết quả kinh doanh               | 911                                                                 | 38.686.524      |                 |
|                                                    |                   |                | Chi phí khác                              | 811                                                                 |                 | 38.686.524      |
| 31/12/2025                                         | 001               | 31/12/2025     | Kết chuyển thuế thu nhập doanh nghiệp     |                                                                     |                 |                 |
|                                                    |                   |                | Xác định kết quả kinh doanh               | 911                                                                 | 13.776.260      |                 |
|                                                    |                   |                | Chi phí thuế TNDN                         | 821                                                                 |                 | 13.776.260      |
| 31/12/2025                                         | 001               | 31/12/2025     | Kết chuyển lãi, lỗ                        |                                                                     |                 |                 |
|                                                    |                   |                | Xác định kết quả kinh doanh               | 911                                                                 | 28.574.040      |                 |
|                                                    |                   |                | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay | 4212                                                                |                 | 28.574.040      |
|                                                    |                   |                | Tổng cộng                                 |                                                                     | 101.333.642.113 | 101.333.642.113 |
| Kế toán trưởng<br>(Ký, ghi rõ họ và tên)           |                   |                |                                           | Ngày 31 tháng 12 năm 2025<br>Người ghi sổ<br>(Ký, ghi rõ họ và tên) |                 |                 |

**Công ty TNHH đầu tư phát triển công nghệ Trung Tín** Ban hành theo TT số 133/2016/TT- BTC  
**Địa chỉ: 140 Trịnh Đình Thảo, Phường Cẩm Lệ,** Ngày 26/08/2016 của bộ tài chính  
**Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam**

## SỔ CÁI TÀI KHOẢN

**Tài khoản: 911- Xác định kết quả hoạt động**

*Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025*

| Ngày, tháng ghi sổ | Chứng từ    |             | Diễn giải                                | Tài khoản đối ứng | Số phát sinh   |                |
|--------------------|-------------|-------------|------------------------------------------|-------------------|----------------|----------------|
|                    | Số chứng từ | Ngày, tháng |                                          |                   | Nợ             | Có             |
|                    |             |             | Số dư đầu kỳ                             |                   |                |                |
| ...                | ...         |             | ...                                      |                   | ...            |                |
| 31/12/2025         | 001         | 31/12/2025  | Kết chuyển giá vốn hàng bán              | 6321              | 11.585.751.490 |                |
| 31/12/2025         | 001         | 31/12/2025  | Kết chuyển chi phí tài chính             | 635               | 51.969.967     |                |
| 31/12/2025         | 001         | 31/12/2025  | Chi phí quản lý kinh doanh               | 6421              | 309.845.096    |                |
| 31/12/2025         | 001         | 31/12/2025  | Chi phí quản lý kinh doanh               | 6422              | 845.452.132    |                |
| 31/12/2025         | 001         | 31/12/2025  | Kết chuyển chi phí khác                  | 811               | 38.686.524     |                |
| 31/12/2025         | 001         | 31/12/2025  | Kết chuyển thuế thu nhập doanh nghiệp    | 821               | 13.776.260     |                |
| 31/12/2025         | 001         | 31/12/2025  | Kết chuyển lãi, lỗ                       | 4212              | 28.574.040     |                |
| 31/12/2025         | 001         | 31/12/2025  | Kết chuyển doanh thu                     | 5111              |                | 12.873.718.338 |
| 31/12/2025         | 001         | 31/12/2025  | Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính | 515               |                | 335.171        |
| 31/12/2025         | 001         | 31/12/2025  | Kết chuyển thu nhập khác                 | 711               |                | 2.000          |
|                    |             |             | Cộng phát sinh trong kỳ                  |                   | 12.874.055.509 | 12.874.055.509 |

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Kế toán trưởng**  
(Ký, ghi rõ họ và tên)

**Người ghi sổ**  
(Ký, ghi rõ họ và tên)

**PHỤ LỤC**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**  
**KINH DOANH**

**Năm 2025**

**[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TRUNG TÍN**

**[03] Mã số thuế: 0402048795**

Mẫu số: **B02 - DNN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

*Đơn vị tiền: đồng Việt Nam*

| CHỈ TIÊU                                                                   | Mã số     | Thuyết minh | Năm nay               | Năm trước            |
|----------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------|-----------------------|----------------------|
| 1                                                                          | 2         | 3           | 4                     | 5                    |
| <b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>                           | <b>01</b> |             | <b>12.873.718.338</b> | <b>9.673.187.395</b> |
| <b>2. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>                                     | <b>02</b> |             | <b>0</b>              | <b>3.000.000</b>     |
| <b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)</b>      | <b>10</b> |             | <b>12.873.718.338</b> | <b>9.670.187.395</b> |
| <b>4. Giá vốn hàng bán</b>                                                 | <b>11</b> |             | <b>11.585.751.490</b> | <b>8.546.256.899</b> |
| <b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>         | <b>20</b> |             | <b>1.287.966.848</b>  | <b>1.123.930.496</b> |
| <b>6. Doanh thu hoạt động tài chính</b>                                    | <b>21</b> |             | <b>335.171</b>        | <b>285.557</b>       |
| <b>7. Chi phí tài chính</b>                                                | <b>22</b> |             | <b>51.969.967</b>     | <b>0</b>             |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay                                                | 23        |             | 0                     | 0                    |
| <b>8. Chi phí quản lý kinh doanh</b>                                       | <b>24</b> |             | <b>1.155.297.228</b>  | <b>1.190.591.829</b> |
| <b>9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24)</b> | <b>30</b> |             | <b>81.034.824</b>     | <b>(66.375.776)</b>  |
| <b>10. Thu nhập khác</b>                                                   | <b>31</b> |             | <b>2.000</b>          | <b>0</b>             |
| <b>11. Chi phí khác</b>                                                    | <b>32</b> |             | <b>38.686.524</b>     | <b>323.517</b>       |
| <b>12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>                                   | <b>40</b> |             | <b>(38.684.524)</b>   | <b>(323.517)</b>     |
| <b>13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>                | <b>50</b> |             | <b>42.350.300</b>     | <b>(66.699.293)</b>  |
| <b>14. Chi phí thuế TNDN</b>                                               | <b>51</b> |             | <b>13.776.260</b>     | <b>0</b>             |
| <b>15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51)</b>           | <b>60</b> |             | <b>28.574.040</b>     | <b>(66.699.293)</b>  |

**NGƯỜI LẬP BIỂU**  
(Ký, Ghi rõ họ tên)

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**  
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Lập ngày 31 tháng 12 năm 2025

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**  
(Ký, Ghi rõ họ tên, Đóng dấu)  
Đặng Trung

Ký điện tử bởi: **CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TRUNG TÍN**

**Hình 2.18. Phụ lục báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025**

### **CHƯƠNG 3: HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TRUNG TÍN**

#### **3.1. Nhận xét chung về công tác kế toán tại Công ty TNHH đầu tư phát triển công nghệ Trung Tín**

- Sau quá trình thực tập và tìm hiểu về Công ty TNHH đầu tư phát triển công nghệ Trung Tín, được tiếp cận với thực tế công tác kế toán tại công ty, em đã có cơ hội để áp dụng kiến thức được các thầy cô giáo truyền đạt ở trường. Sau đây là những nhận xét và đánh giá của em đưa ra nhằm hoàn thiện tốt hơn về công tác kế toán của công ty TNHH đầu tư phát triển công nghệ Trung Tín.

##### **3.1.1. Ưu điểm**

###### **- Về đội ngũ nhân viên kế toán của công ty**

Công ty TNHH đầu tư phát triển công nghệ Trung Tín có đội ngũ kế toán nhiệt tình, tâm huyết và có đạo đức với nghề, luôn cố gắng trau dồi kiến thức và năng động với công việc đặc biệt là rất tận tình và hòa đồng và giúp đỡ sinh viên thực tập trong những bước đầu chập chững bước vào nghề, tạo điều kiện giúp sinh viên được vận dụng kiến thức vào thực tiễn. Các kế toán đều có chuyên môn nghiệp vụ vững chắc, thích nghi và nắm bắt nhanh với công việc.

###### **- Về hạch toán ban đầu**

Các chứng từ cho hạch toán ban đầu đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ kinh tế phát sinh, đúng mẫu của Bộ Tài Chính quy định. Những thông tin về nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được kế toán ghi chép một cách đầy đủ, chính xác và kịp thời vào sổ sách kế toán. Các chứng từ đều có xác nhận của các bên liên quan, tạo điều kiện cho việc kiểm tra, đối chiếu số liệu thực tế phát sinh với số liệu trên sổ sách kế toán sau này.

###### **- Về hệ thống tài khoản sử dụng**

+ Hệ thống tài khoản được xây dựng phù hợp với quy mô hoạt động và đảm bảo nhu cầu sử dụng của công ty.

+ Hệ thống tài khoản đầy đủ theo Thông tư 133/2016/TT-BTC ban hành 26/08/2016 của Bộ tài chính. Hệ thống tài khoản, sổ sách được thiết kế đầy đủ về thông tin và kết cấu theo thông tư 133.

+ Chứng từ kế toán được lập đầy đủ cho từng nghiệp vụ phát sinh, phục vụ tốt cho việc lưu trữ, quản lý và đúng chế độ theo quy định Nhà nước. Quy trình chứng từ diễn ra nhanh chóng, kịp thời, hỗ trợ hiệu quả cho công tác hạch toán, kiểm tra và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

+ Sổ sách kế toán đảm bảo đúng quy định, được ghi chép rõ ràng, đúng chế độ, lưu trữ theo đúng chuẩn mực và quy định nhà nước.

#### **- Về hình thức kế toán**

Hình thức kế toán áp dụng tại công ty là hình thức “ Nhật ký chung”, đây là hình thức đơn giản, gọn nhẹ, dễ theo dõi và dễ áp dụng. Công ty sử dụng cả hai loại sổ là: Sổ tổng hợp và sổ chi tiết để phản ánh nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

#### **- Bộ máy kế toán**

Bộ máy kế toán của công ty tương đối gọn nhẹ, được tổ chức theo mô hình tập trung, có sự phân phối chặt chẽ, được chỉ đạo từ trên xuống dưới, công việc được thực hiện thường xuyên, liên tục, các báo cáo được lập nhanh chóng đảm bảo cho việc cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác, phục vụ cho công tác quản lý công ty.

#### **- Về công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh**

+ Về tổ chức kế toán doanh thu: mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng đều được kế toán ghi nhận doanh thu chính xác, kịp thời, đầy đủ và là cơ sở quan trọng để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

+ Về tổ chức kế toán chi phí: công tác hạch toán chi phí tại công ty bước đầu được đảm bảo tính đầy đủ và kịp thời khi phát sinh.

+ Về tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh: công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty đã góp phần nào đáp ứng được yêu cầu của ban lãnh đạo công ty về việc cung cấp thông tin kịp thời và chính xác tình hình kinh doanh của công ty.

#### **- Về cơ sở vật chất**

Cơ sở vật chất tại công ty được trang bị thiết bị đầy đủ và phù hợp, góp phần nâng cao hiệu quả công việc.

#### **3.1.2. Nhược điểm**

Bên cạnh các ưu điểm đã nêu trên, công ty vẫn còn tồn tại những mặt hạn chế như sau:

- Về việc áp dụng chính sách chiết khấu: Hiện tại, trong hoạt động bán hàng công ty chưa triển khai những chính sách ưu đãi về chiết khấu thanh toán cho khách hàng thanh toán sớm hoặc chiết khấu thương mại cho khách hàng mua số lượng lớn. Việc chưa áp dụng các chính sách ưu đãi sẽ làm giảm một số lượng khách hàng của công ty và dẫn đến làm giảm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của công ty.

- Công ty sử dụng phần mềm Excel để thực hiện công tác kế toán thay vì sử dụng phần mềm kế toán chuyên dụng. Điều này khiến việc nhập liệu dễ xảy ra sai sót, mất nhiều thời gian đối chiếu và tổng hợp dữ liệu. Ngoài ra, Excel còn tiềm ẩn rủi ro mất dữ liệu do virus hoặc lỗi máy tính.

- Công ty có bán các mặt hàng linh kiện điện tử đây là mặt hàng dễ bị hư hỏng và lỗi thời nhưng trong công tác giảm giá hàng tồn kho, hiện nay công ty lại chưa có quỹ dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

- Đối với việc quản lý khoản phải thu, phải trả công ty vẫn chưa theo dõi chặt chẽ công nợ trong hạn và quá hạn. Điều này làm cho nhiều khoản phải thu bị kéo dài thời gian thu hồi, khiến vốn của doanh nghiệp bị chiếm dụng. Trong khi đó, công ty vẫn phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho nhà cung cấp dẫn đến tình trạng thanh toán chậm, mất uy tín. Từ đó làm giảm khả năng luân chuyển vốn và ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động tài chính của doanh nghiệp.

- Công ty hoạch toán lương bộ phận kỹ thuật vào TK 154 và đến cuối năm kết chuyển toàn bộ vào TK 632 nên giá vốn hàng bán từng tháng chỉ thể hiện phần giá vốn của hàng hóa, không đầy đủ. Điều này làm cho lợi nhuận gộp từng tháng bị cao hơn thực tế, gây hiểu nhầm về hiệu quả hoạt động trong từng kỳ và còn làm cho giá vốn tháng 12 bị đột biến khiến lợi nhuận tháng 12 bị giảm mạnh khó giải trình với cơ quan thuế về biến động bất thường.

### **3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công Ty TNHH đầu tư phát triển công nghệ Trung Tín**

\* Qua những ưu nhược điểm trên, dưới đây là một số đề xuất nhằm giúp hoàn thiện hơn công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh của công ty.

- Công ty nên lập quỹ dự phòng giảm giá hàng tồn kho để có thể bù đắp tổn thất. Phương pháp trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện theo công thức sau:

|                                                |   |                                                                                    |   |   |                                            |   |                                                               |   |
|------------------------------------------------|---|------------------------------------------------------------------------------------|---|---|--------------------------------------------|---|---------------------------------------------------------------|---|
| Mức dự<br>phòng giảm<br>giá vật tư<br>hàng hóa | = | Lượng vật tư hàng<br>hóa thực tế tồn kho<br>tại thời điểm lập báo<br>cáo tài chính | x | [ | Giá gốc hàng<br>tồn kho theo<br>sổ kế toán | - | Giá trị thuần có<br>thể thực hiện<br>được của hàng<br>tồn kho | ] |
|------------------------------------------------|---|------------------------------------------------------------------------------------|---|---|--------------------------------------------|---|---------------------------------------------------------------|---|

Ví dụ: Sổ chi tiết hàng hóa ( phụ lục 01) Bộ nhớ ram của máy vi tính hiệu TeamGroup T-Force Vulcan Z Gray 16GB DDR4-3200 vào cuối năm tài chính 31/12/2025 còn tồn 57 cái với giá gốc 1 cái là 3.055.556 VND, giả sử giá trị thuần ước tính của bộ nhớ ram là 2.600.000 VND 1 cái do nguồn cung trên thị trường tăng làm giá giảm mạnh.

Mức dự phòng giảm giá ram = 57\* (3.055.556 - 2.600.000) = 25.966.692

Nợ TK 632                      25.966.692

    Có TK 2294                25.966.692

- Công ty nên mua phần mềm kế toán để hỗ trợ quá trình nhập liệu, tính toán giảm sai sót giúp việc hạch toán dễ dàng và tối ưu thời gian hơn. Đồng thời, phần mềm còn hỗ trợ quản lý công nợ cảnh báo các khoản nợ đến hạn giúp doanh nghiệp chủ động thu hồi và thanh toán công nợ. Ngoài ra, việc sử dụng phần mềm kế toán còn giúp tăng tính bảo mật dữ liệu vì có các chức năng như phân quyền người dùng, sao lưu dữ liệu.

- Công ty nên quản lý chặt chẽ, theo dõi và xử lý khoản phải thu khách hàng cũng như phải trả nhà cung cấp bằng cách phân loại các khoản nợ trong hạn và quá hạn để có biện pháp xử lý kịp thời. Đồng thời, doanh nghiệp nên thường xuyên nhắc nhở khách hàng thanh toán đúng hạn nhằm hạn chế tình trạng bị chiếm dụng vốn và tránh làm ảnh hưởng đến uy tín của doanh nghiệp.

- Đối với giá vốn của bộ phận kỹ thuật nên phân tách TK 154 thành các tài khoản con như:

TK 1541: Giá vốn hàng bán

TK 1542: Lương bộ phận kỹ thuật

TK 1543: Chi phí sản xuất chung (công cụ, dụng cụ, chi phí phụ vụ lắp đặt...)

Và cuối tháng thực hiện kết chuyển sang 632 để giúp kế toán theo dõi được đầy đủ giá vốn thực tế và chính xác nhất.

## KẾT LUẬN

Trong thời gian thực tập tại công ty TNHH đầu tư phát triển công nghệ Trung Tín, em đã có cơ hội tiếp xúc trực tiếp với công tác kế toán tại công ty, được vận dụng và củng cố những kiến thức chuyên ngành đã được học tại trường Đại học Kiến Trúc Đà Nẵng.

Nhờ sự hướng dẫn và giúp đỡ của các anh chị trong công ty em đã tích lũy thêm nhiều kiến thức và kinh nghiệm thực tế. Em xin chân thành gửi lời cảm ơn đến quý công ty và cô giảng viên hướng dẫn ThS. Phạm Minh Phương đã tạo điều kiện và tận tình chỉ dẫn em hoàn thành khoá luận.

Với những kiến thức còn hạn chế và bản thân còn thiếu kinh nghiệm thực tiễn, em khó tránh khỏi những sai sót trong quá trình thực hiện và trình bày nội dung. Vì vậy, em rất mong nhận sự thông cảm và những góp ý chân thành từ quý thầy cô giáo, cùng các anh chị quản lý trong công ty để khoá luận của em được hoàn thiện tốt hơn.

## **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Theo Thông tư 133/2016/TT-BTC ban hành ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính.
2. Tài liệu, sổ sách liên quan đến phần hành kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH đầu tư phát triển công nghệ Trung Tín.
3. Các bài khoá luận tốt nghiệp trên thư viện Trường Đại học Kiến Trúc Đà Nẵng.

PHỤ LỤC

| <b>Công ty TNHH đầu tư phát triển công nghệ Trung Tín</b><br><b>Địa chỉ: 140 Trịnh Đình Thảo, Phường Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam</b><br><b>BẢNG CHI TIẾT SẢN PHẨM, HÀNG HOÁ</b><br><i>Từ ngày 01/12/2025 đến ngày 31/12/2025</i> |                                                                                                  |       |          |             |          |            |          |            |          |             |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|----------|-------------|----------|------------|----------|------------|----------|-------------|
| Vật tư                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                  |       | Tồn đầu  |             | Nhập     |            | Xuất     |            | Tồn cuối |             |
| Mã                                                                                                                                                                                                                                       | Tên                                                                                              | Đvt   | Số lượng | Thành tiền  | Số lượng | Thành tiền | Số lượng | Thành tiền | Số lượng | Thành tiền  |
| BNRC<br>MVTH<br>TTVZ<br>G1D                                                                                                                                                                                                              | Bộ nhớ ram của máy vi tính hiệu TeamGroup T-Force Vulcan Z Gray 16GB DDR4-3200                   | Cái   | 65       | 198.611.140 |          |            | 8        | 24.444.448 | 57       | 174.166.692 |
| BMCC<br>MVTH<br>APBF<br>D                                                                                                                                                                                                                | Bảng mạch chính của máy vi tính hiệu ASUS PRIME B760M -F D4                                      | Chiếc | 1        | 1.925.926   | 1        | 1.925.926  | 2        | 3.851.852  |          |             |
| HH009<br>75                                                                                                                                                                                                                              | Card đồ họa ASUS DUAL RTX3050-6G_90YV0K61 M1NA00                                                 | Cái   |          |             | 4        | 11.388.880 | 2        | 5.694.440  | 2        | 5.694.440   |
| OCSK1<br>EPGN<br>RWPL                                                                                                                                                                                                                    | Ổ cứng SSD KIOXIA 1TB EXCERIA PLUS G3 NVMe R5000 W3900 PCIe4x4 (LSD10Z001TG8)                    | Cái   | 15       | 37.731.480  |          |            | 5        | 12.577.160 | 10       | 25.154.320  |
| BNTK1<br>DEBK                                                                                                                                                                                                                            | Bộ nhớ trong của máy vi tính KINGSTON 16G D5 - 5600 40 - 40 FURY BEAST ( KF556C40BB - 16WP )     | Cái   | 6        | 20.972.226  | 4        | 13.981.484 | 10       | 34.953.710 |          |             |
| BNTM<br>TKT32<br>G                                                                                                                                                                                                                       | Bộ nhớ trong của máy vi tính KINGSTON 32G D5 - 5600 40 - 40 FURY BEAST K2 ( KF556C40BBK2 - 32WP) | Bộ    | 5        | 33.796.295  |          |            | 5        | 33.796.295 |          |             |
| HH005<br>06                                                                                                                                                                                                                              | Chuột LOGITECH GAMING G102 Gen2 Lightsync Black                                                  | Chiếc | 5        | 1.699.075   |          |            | 3        | 1.019.445  | 2        | 679.630     |
| HH0051<br>1                                                                                                                                                                                                                              | Bộ nhớ trong của máy vi tính KINGSTON 32G D5 - 560040 FURY Beast RGB K2 ( KF556C40BBAK2-32)      | Bộ    |          |             | 5        | 34.444.440 | 5        | 34.444.440 |          |             |

Phụ lục 01. Sổ chi tiết sản phẩm, hàng hóa

| Công ty TNHH đầu tư phát triển công nghệ Trung Tín<br>Địa chỉ: 140 Trịnh Đình Thảo, Phường Cẩm Lệ,<br>Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam |          |            |                                  |            | Ban hành theo 133/2016/TT-BTC<br>Ngày 26/08/2016 của bộ tài chính   |             |             |    |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|------------|----------------------------------|------------|---------------------------------------------------------------------|-------------|-------------|----|
| SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN<br>154: Chi phí nhân công trực tiếp<br>Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025                               |          |            |                                  |            |                                                                     |             |             |    |
| Ngày,<br>tháng ghi<br>số                                                                                                          | Chứng từ |            | Diễn giải                        | TK đối ứng | Số phát sinh                                                        |             | Số dư       |    |
|                                                                                                                                   | Số hiệu  | Ngày tháng |                                  |            | Nợ                                                                  | Có          | Nợ          | Có |
|                                                                                                                                   |          |            | Số dư đầu kỳ                     |            |                                                                     |             |             |    |
| 31/01/2025                                                                                                                        | 213      | 31/01/2025 | Tính lương tháng 1               | 334        | 47.099.400                                                          |             | 47.099.400  |    |
| 31/02/2025                                                                                                                        | 214      | 31/02/2025 | Tính lương tháng 2               | 334        | 50.700.250                                                          |             | 97.799.650  |    |
| 31/03/2025                                                                                                                        | 215      | 31/03/2025 | Tính lương tháng 3               | 334        | 41.008.200                                                          |             | 138.807.850 |    |
| 31/04/2025                                                                                                                        | 216      | 31/04/2025 | Tính lương tháng 4               | 334        | 39.890.050                                                          |             | 178.697.900 |    |
| 31/05/2025                                                                                                                        | 217      | 31/05/2025 | Tính lương tháng 5               | 334        | 40.175.200                                                          |             | 218.873.100 |    |
| 31/06/2025                                                                                                                        | 218      | 31/06/2025 | Tính lương tháng 6               | 334        | 38.900.202                                                          |             | 257.773.302 |    |
| 31/07/2025                                                                                                                        | 219      | 31/07/2025 | Tính lương tháng 7               | 334        | 25.754.660                                                          |             | 283.527.962 |    |
| 31/08/2025                                                                                                                        | 220      | 31/08/2025 | Tính lương tháng 8               | 334        | 24.870.100                                                          |             | 308.398.062 |    |
| 31/09/2025                                                                                                                        | 221      | 31/09/2025 | Tính lương tháng 9               | 334        | 24.760.400                                                          |             | 333.158.462 |    |
| 31/10/2025                                                                                                                        | 222      | 31/10/2025 | Tính lương tháng 10              | 334        | 25.390.050                                                          |             | 358.548.512 |    |
| 31/11/2025                                                                                                                        | 223      | 31/11/2025 | Tính lương tháng 11              | 334        | 23.874.250                                                          |             | 382.422.762 |    |
| 31/12/2025                                                                                                                        | 224      | 31/12/2025 | Tính lương tháng 12              | 334        | 27.180.769                                                          |             | 409.603.531 |    |
| 31/12/2025                                                                                                                        | 241      | 31/12/2025 | Kết chuyển chi phí sản xuất 2025 | 6321       |                                                                     | 409.603.531 |             |    |
|                                                                                                                                   |          |            | Cộng phát sinh trong kỳ          |            | 409.603.531                                                         | 409.603.531 |             |    |
|                                                                                                                                   |          |            | Số dư cuối kỳ                    |            |                                                                     |             |             |    |
| Kế toán trưởng<br>(Ký, ghi rõ họ và tên)                                                                                          |          |            |                                  |            | Ngày 31 Tháng 12 Năm 2025<br>Người ghi sổ<br>(Ký, ghi rõ họ và tên) |             |             |    |

Phụ lục 02. Sổ chi tiết tài khoản 154 chi phí nhân công trực tiếp



**BẢO HIỂM XÃ HỘI TP ĐÀ NẴNG**  
**BẢO HIỂM XÃ HỘI CƠ SỞ CẨM LỆ**

**Mẫu C12-TS**  
 (Ban hành kèm theo QĐ số 595/QĐ-BHXH  
 ngày 14/4/2017 của BHXH Việt Nam)

### THÔNG BÁO KẾT QUẢ ĐÓNG BHXH, BHYT, BHTN

Tháng 12 năm 2025

Kính gửi : Công ty TNHH đầu tư phát triển Công nghệ Trung Tín  
 Địa chỉ: 61 Bùi Công Trừng, phường Hoà Xuân, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam  
 Mã đơn vị: TH2082H  
 BHXH cơ sở Cẩm Lệ  
 Địa chỉ: 91 Nguyễn Phước Tần  
 Điện thoại: 02363.674277  
 Số TK ngân hàng: 917075000005  
 Tại ngân hàng: Ngân hàng TMCP Công thương Đà Nẵng  
 Số TK kho bạc:  
 Tại kho bạc:

Thông báo kết quả đóng BHYT, BHTN, BHXH, BHTNLĐ - BNN của đơn vị như sau :

| STT      | NỘI DUNG                       | BHXH             | BHYT             | BHTN           | BHTNLĐ         | CỘNG              |
|----------|--------------------------------|------------------|------------------|----------------|----------------|-------------------|
| A        | B                              | 1                | 2                | 3              | 4              | 5 = 1+2+3+4       |
| <b>A</b> | <b>Kỳ trước mang sang</b>      |                  |                  |                |                |                   |
| 1        | Số lao động                    | 5                | 5                | 5              | 5              |                   |
| 2        | Phải đóng                      |                  |                  |                |                |                   |
| 2.1      | Thừa                           |                  |                  |                |                |                   |
| 2.2      | Thiếu                          |                  |                  |                |                |                   |
| 3        | Thiếu lãi                      |                  |                  |                |                |                   |
| <b>B</b> | <b>Phát sinh trong kỳ</b>      | <b>9.125.000</b> | <b>1.642.500</b> | <b>730.000</b> | <b>182.500</b> | <b>11.680.000</b> |
| 1        | Số lao động                    |                  |                  |                |                |                   |
| 1.1      | Tăng                           | 3                | 3                | 3              | 3              |                   |
| 1.2      | Giảm                           |                  |                  |                |                |                   |
| 2        | Quỹ lương                      | 36.500.000       | 36.500.000       | 36.500.000     | 36.500.000     |                   |
| 2.1      | Tăng                           | 13.500.000       | 13.500.000       | 13.500.000     | 13.500.000     |                   |
| 2.2      | Giảm                           |                  |                  |                |                |                   |
| 3        | Phải đóng                      | 9.125.000        | 1.642.500        | 730.000        | 182.500        | 11.680.000        |
| 3.1      | Tăng                           | 3.375.000        | 607.500          | 270.000        | 67.500         | 4.320.000         |
| 3.2      | Giảm                           |                  |                  |                |                |                   |
| 4        | Điều chỉnh phải đóng kỳ trước  |                  |                  |                |                |                   |
| 4.1      | Tăng                           |                  |                  |                |                |                   |
|          | Trong đó: Năm trước            |                  |                  |                |                |                   |
| 4.2      | Giảm                           |                  |                  |                |                |                   |
|          | Trong đó: Năm trước            |                  |                  |                |                |                   |
| 4.3      | Điều chỉnh                     |                  |                  |                |                |                   |
| 5        | Lãi                            |                  |                  |                |                |                   |
| 5.1      | Số tiền tính lãi               |                  |                  |                |                |                   |
| 5.2      | Tỷ lệ tính lãi                 | 0,644            | 0,986            | 0,644          |                |                   |
| 5.3      | Tổng tính lãi                  |                  |                  |                |                |                   |
| 6        | 2% bắt buộc để lại             |                  |                  |                |                |                   |
| <b>C</b> | <b>Số tiền đã nộp trong kỳ</b> |                  |                  |                |                |                   |
| <b>D</b> | <b>Phân bổ tiền đóng</b>       |                  |                  |                |                |                   |

|          |                      |                  |                  |                |                |                   |
|----------|----------------------|------------------|------------------|----------------|----------------|-------------------|
| 1        | Phải đóng            |                  |                  |                |                |                   |
| 2        | Tiền lãi             |                  |                  |                |                |                   |
| <b>Đ</b> | <b>Chuyển kỳ sau</b> | <b>9.125.000</b> | <b>1.642.500</b> | <b>730.000</b> | <b>182.500</b> | <b>11.680.000</b> |
| 1        | Số lao động          | 8                | 8                | 8              | 8              |                   |
| 2        | Phải đóng            |                  |                  |                |                |                   |
| 2.1      | Thừa                 |                  |                  |                |                |                   |
| 2.2      | Thiếu                | 9.125.000        | 1.642.500        | 730.000        | 182.500        | 11.680.000        |
| 3        | Thiếu lãi            |                  |                  |                |                |                   |

a) Kết quả đơn vị đã đóng BHXH cho 8 lao động đến hết tháng 11/2025.

b) Kết quả đơn vị đã đóng BHTN cho 8 lao động đến hết tháng 11/2025.

c) Kết quả đơn vị đã đóng BHTNLD, BNN cho 8 lao động đến hết tháng 11/2025.

d) Tổng số nợ thiếu là 11.680.000 đồng. Đề nghị đơn vị nộp cho cơ quan BHXH trước ngày 27/12/2025.

đ) Đề nghị đơn vị kiểm tra số liệu trên, nếu chưa thống nhất yêu cầu đến cơ quan BHXH cơ sở Cẩm Lệ để kiểm tra và điều chỉnh trước ngày 27/12/2025. Quá thời hạn trên, nếu đơn vị không đến, số liệu trên là đúng.

**Cán bộ thu**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Đà Nẵng, ngày 27 tháng 12 năm 2025  
**Giám đốc**  
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

***Phụ lục 03. Kết quả đóng BHXH, BHYT, BHTN tháng 12 năm 2025***